



VINAMILK



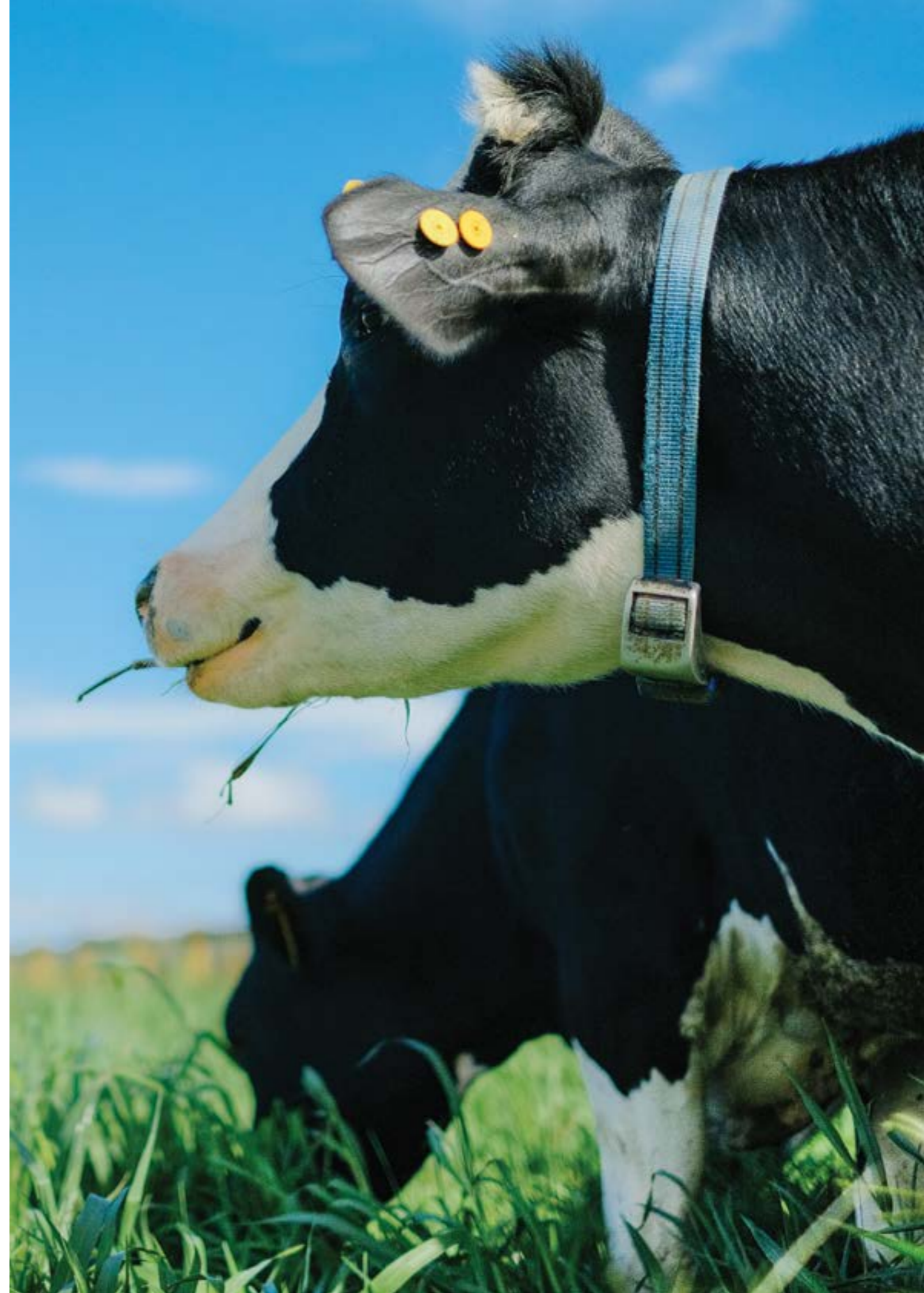
*Giấc mơ sữa Việt
Vững bước tiên phong*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



MỤC LỤC

Thông tin Cổ đông	6
Tóm tắt thông tin tài chính 2012 – 2017	8
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	10
Lịch sử hình thành và phát triển	16
Danh mục sản phẩm	18
Thông tin cổ phần và cổ đông	36
Mô hình hoạt động của Công ty	38
Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý	40
Giới thiệu nhân sự chủ chốt	42
Giới thiệu Ban Thư ký	54
Giới thiệu Kiểm toán Nội bộ	55
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	56
Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017	58
Giám sát và đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	60
Báo cáo của Tiểu ban Kiểm toán	62
Báo cáo của Ban Điều hành	66
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017	68
Đánh giá hoạt động của công ty con, liên doanh liên kết	72
Sự kiện nổi bật và các giải thưởng trong năm	80
Báo cáo Quản trị Công ty	84
Báo cáo Quản trị Rủi ro	100
Báo cáo Phát triển Bền vững	106
Chiến lược phát triển 2017 – 2021	116
Báo cáo tài chính	122
Báo cáo tài chính (theo VAS)	124
Báo cáo tài chính (theo IFRS)	190
Danh mục các từ viết tắt	198
Địa chỉ liên hệ	200



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam:

Được niêm yết trên thị trường chứng khoán chính của Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"), Việt Nam vào ngày 19/01/2006.

Mã chứng khoán trên HOSE: VNM

Năm tài chính kết thúc vào ngày: 31/12

Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Chính sách cổ tức: Tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế

Giá đóng cửa điều chỉnh (từ ngày 03/01/2017 đến 29/12/2017):

- Thấp nhất: **121.762 đồng** / cổ phiếu
- Cao nhất: **208.600 đồng** / cổ phiếu

Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Cổ đông:

**Ban Quan hệ nhà đầu tư – Bộ phận Tài chính
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**

10 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Tel: (+84-28) 541 55555 / Số nội bộ: 108401

Email: tcson@vinamilk.com.vn

Website Công ty:

- www.vinamilk.com.vn/
- www.vuoncaovietnam.com/
- www.youtube.com/user/vinamilk

Trang Quan hệ Cổ đông:

- www.vinamilk.com.vn/vi/lien-he-thong-tin-co-dong

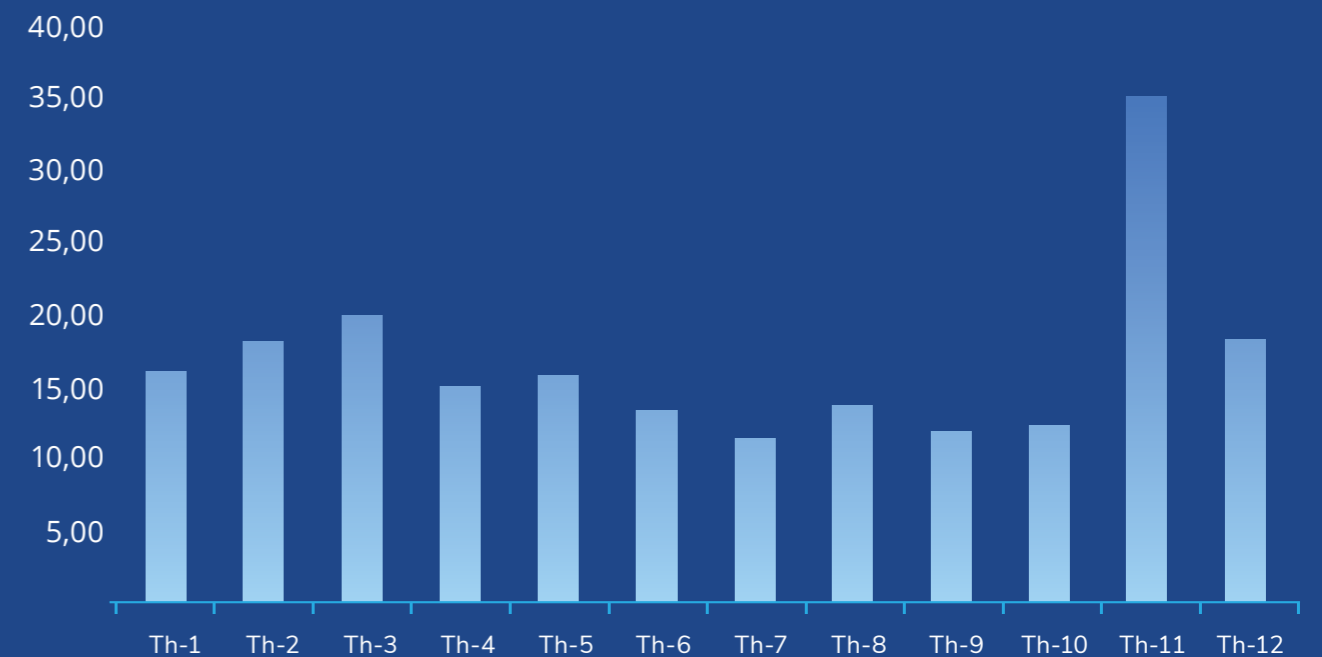
Biến động giá của Vinamilk ("VNM") so với VN-Index.
(giá đóng cửa điều chỉnh từ 03/01/2017 đến 29/12/2017)

Tăng trưởng so
với đầu năm (lần)



Số lượng cổ phiếu VNM được giao dịch hàng tháng
(không bao gồm giao dịch thoái vốn của SCIC và giao dịch thỏa thuận)

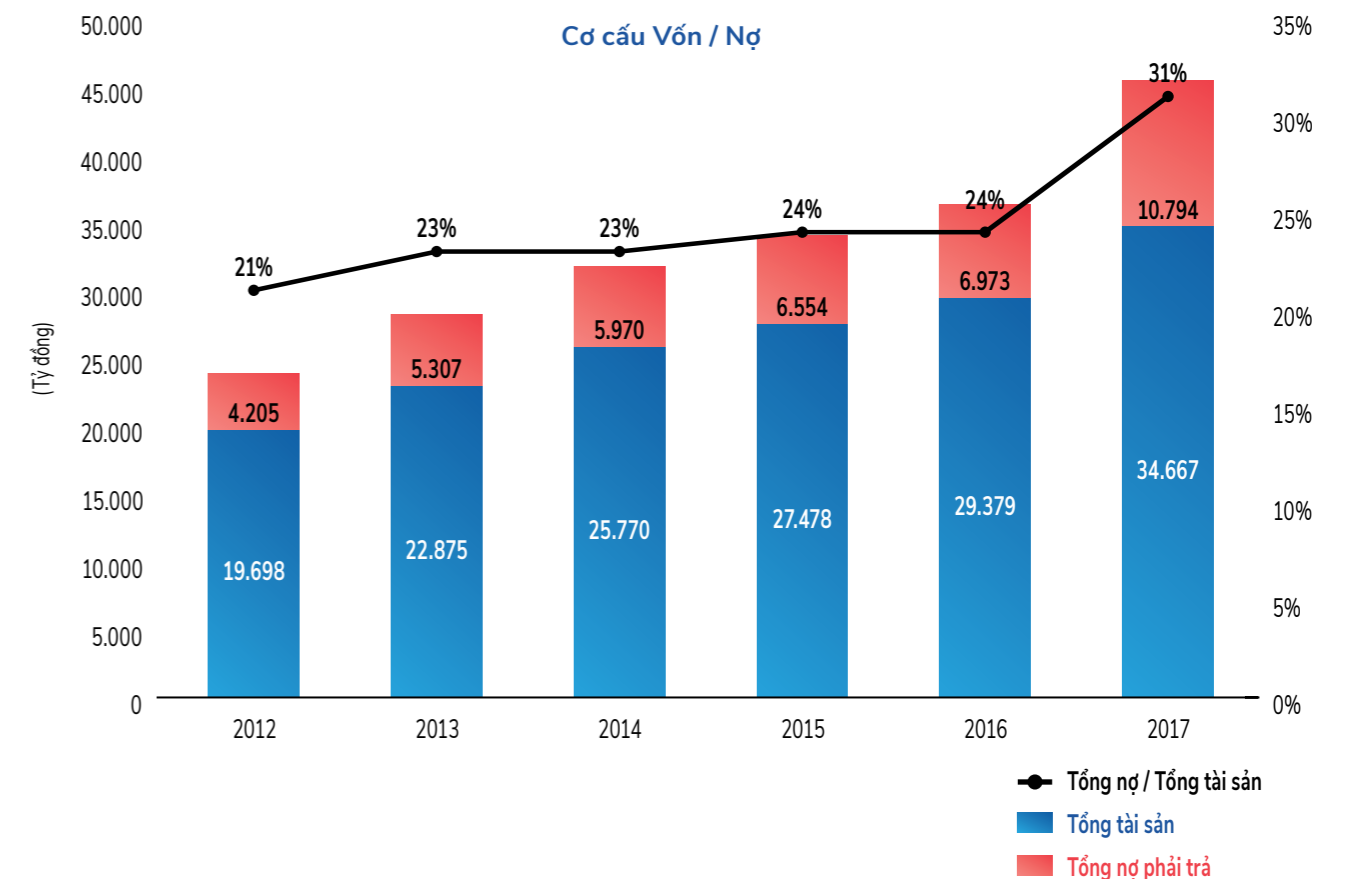
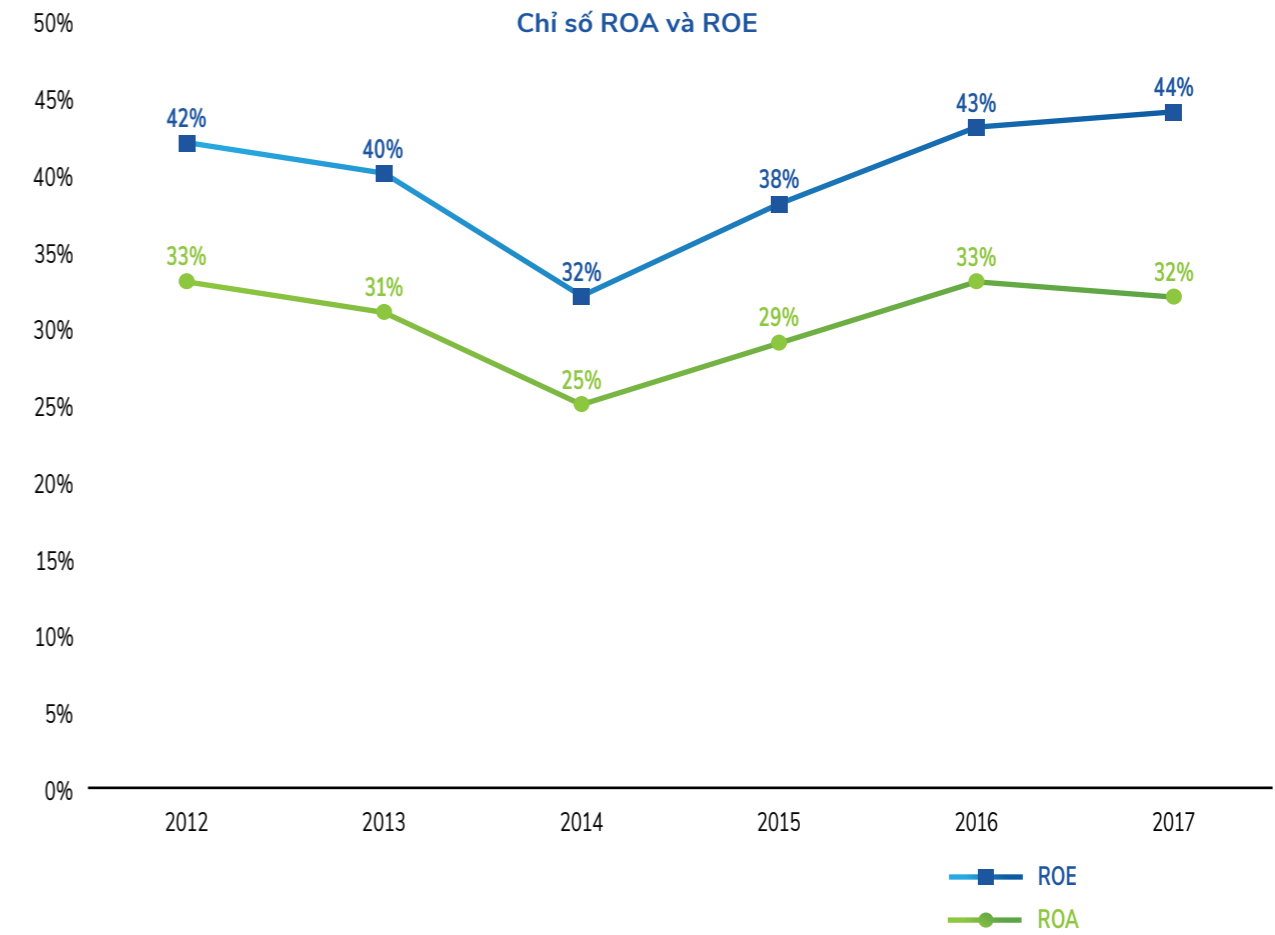
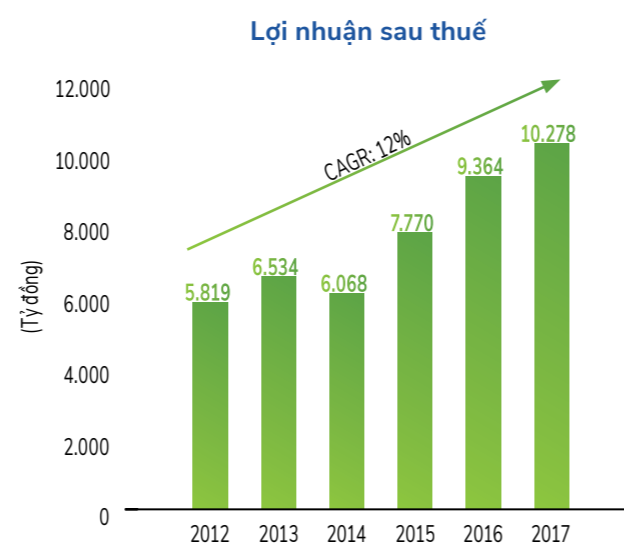
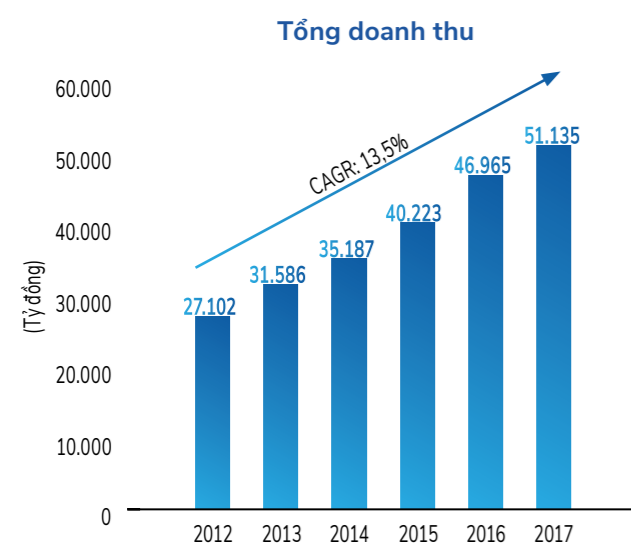
(Triệu cổ phiếu)



TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH 2012 - 2017

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản (Hợp nhất đã kiểm toán)

(Tỷ đồng)	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Tăng trưởng bình quân/năm	So với 2016
Tổng doanh thu	27.102	31.586	35.187	40.223	46.965	51.135	13,5%	8,9%
Lợi nhuận trước thuế	6.930	8.010	7.613	9.367	11.238	12.229	12,0%	8,8%
Lợi nhuận sau thuế	5.819	6.534	6.068	7.770	9.364	10.278	12,0%	9,8%
Lợi nhuận phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	5.819	6.534	6.069	7.773	9.350	10.296	12,1%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đơn vị: VND)	6.981	6.533	4.556	4.864	5.831	6.355		
Tổng tài sản	19.698	22.875	25.770	27.478	29.379	34.667	12,0%	18,0%
Vốn chủ sở hữu	15.493	17.545	19.800	20.924	22.406	23.873	9,0%	6,5%
Vốn cổ phần	8.340	8.340	10.006	12.007	14.515	14.515	11,7%	0,0%
Tổng nợ phải trả	4.205	5.307	5.970	6.554	6.973	10.794	20,8%	54,8%
Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	79%	77%	77%	76%	76%	69%		
Tổng nợ / Tổng tài sản	21%	23%	23%	24%	24%	31%		
ROE	42%	40%	32%	38%	43%	44%		
ROA	33%	31%	25%	29%	33%	32%		



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi: Quý cổ đông.

Thị phần toàn ngành sữa của Vinamilk tăng thêm 2% trong 2017 và luôn ở vị trí dẫn đầu thị trường qua nhiều năm

Năm 2017, tình hình chính trị xã hội toàn cầu tiếp tục có nhiều thay đổi lớn với môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng trở nên khó khăn trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa đang bị lung lay. Tình hình kinh tế Việt Nam có những khởi sắc với tăng trưởng kinh tế vượt kỳ vọng. Tuy nhiên, đi kèm theo đó là môi trường cạnh tranh, đặc biệt trong ngành hàng tiêu dùng, ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Trong bối cảnh đó, dưới sự dẫn dắt của HĐQT nhiệm kỳ mới, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ Ban Giám đốc Điều hành, quyết tâm áp dụng mô hình quản lý tiên tiến, Vinamilk tiếp tục vững bước trên con đường phát triển của mình, củng cố vị thế dẫn đầu ngành và phát triển những sản phẩm mới, có giá trị cao, được thị trường đón nhận tốt. Kết quả kinh doanh năm 2017 là minh chứng cho nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty:

- Tổng doanh thu 51.135 tỷ đồng, đạt 100,3% so với kế hoạch của ĐHQĐ.
- Lợi nhuận sau thuế 10.278 tỷ đồng, đạt 105,6% so với kế hoạch của ĐHQĐ.
- Thị phần toàn ngành sữa của Vinamilk cuối năm 2017, tăng 2% so với 2016 (so với kế hoạch đề ra là tăng 1%).

Các mục tiêu phi tài chính cũng có những bước tiến tích cực. Trong năm 2017, giá trị văn hóa Công ty tiếp tục được đặt trọng tâm hàng đầu để đảm bảo toàn thể Công ty duy trì được tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Vinamilk. Với nhiều chương trình, dự án hướng đến các mục tiêu rõ ràng, cùng kế hoạch thực thi nghiêm túc, Vinamilk đã thu được những kết quả đáng khích lệ, trong đó nổi bật là tiếp tục duy trì được thứ hạng cao trong Top 10 doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững trong ngành sản xuất tại Việt Nam.

Luôn tự hào được đánh giá cao về hiệu quả và chất lượng quản trị doanh nghiệp, Vinamilk đã đưa vào áp dụng nhiều thực hành quản trị mới và tiên tiến cho các công ty đại chúng. Thành quả của sự cải tiến không ngừng là duy trì vị thế đại diện Việt Nam trong Top 50 Công ty niêm yết hàng đầu Châu Á - Thái Bình Dương (FAB 50) do tạp chí Forbes Châu Á bình chọn.

Năm 2017 đã khép lại với thành tựu khá ấn tượng, sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư trong nước và nước ngoài của cổ phiếu VNM được thể hiện khá rõ. Liên tiếp 10 năm trở lại đây, cổ phiếu VNM luôn nằm trong đích ngắm của nhiều quỹ đầu tư tên tuổi. Vinamilk có thể tự hào về kết quả này.

Năm 2018, dự kiến tình hình cạnh tranh sẽ tiếp tục trở nên khó khăn hơn cùng với những biến động khó lường về kinh tế, chính trị - xã hội trong và ngoài nước. Riêng ngành sản xuất và kinh doanh sữa, giá một số nguyên liệu chính tiếp tục biến động, có thể ảnh hưởng lớn đến khả năng duy trì tỉ suất lợi nhuận.

Năm 2017, năm hoạt động đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT mới cùng mô hình quản lý tiên tiến được áp dụng tại Công ty đã khép lại với việc Vinamilk tiếp tục củng cố vị trí dẫn đầu thị trường với những tăng trưởng ấn tượng ở cả doanh thu và lợi nhuận.

Đứng trước những thách thức này, HĐQT Vinamilk luôn chú trọng việc giữ vững và phát huy giá trị văn hóa Công ty, vừa giữ gìn thương hiệu trong sạch, bền vững, vừa dám thay đổi để phát triển mạnh mẽ, dẫn dắt Vinamilk tiếp tục vững bước trên con đường phát triển của mình để đạt được những mục tiêu đã đặt ra trong kế hoạch 05 năm 2017 – 2021. Để chuẩn bị cho giai đoạn này, HĐQT đã sát cánh cùng Ban Điều hành trong việc xây dựng mục tiêu chiến lược và Kế hoạch Kinh doanh cho năm 2018 với các nội dung chính sau:

- Cam kết đầu tư mạnh mẽ để tăng trưởng và trở thành Công ty có mức tạo ra giá trị cao.
- Gia tăng sự hiện diện và hiệu quả hoạt động kinh doanh ở thị trường quốc tế.
- Chú trọng và đầu tư thích đáng để xây dựng đầy đủ nguồn nhân lực và quy trình hiệu quả.
- Quyết tâm chinh phục mục tiêu mới và thực hiện chủ đề văn hóa doanh nghiệp Vinamilk năm 2018 với tinh thần “Dũng Cảm Thay Đổi” trong cả tư duy và hành động để đưa Vinamilk tăng tốc và tiếp tục dẫn đầu.

HĐQT tin tưởng rằng với chiến lược kinh doanh đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, phù hợp, chương trình hành động và kế hoạch triển khai cụ thể, cùng với đội ngũ lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên tài năng, có ý chí và tinh thần trách nhiệm cao, dũng cảm, sáng tạo và hợp tác xuất sắc, Vinamilk chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn thách thức để đạt được những thành tựu to lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện thực hóa chương trình Giấc Mơ Sữa Việt.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017. Thay mặt HĐQT Vinamilk, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của Quý khách hàng, sự đồng hành hỗ trợ của các đối tác và Quý cổ đông trong năm qua.

Nhân dịp năm mới 2018, thay mặt HĐQT Vinamilk, tôi xin gửi tới Quý khách hàng, Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể cán bộ, công nhân viên Vinamilk lời chúc mừng năm mới sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28/02/2018

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Lê Thị Băng Tâm

TÂM NHÌN



Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng

SỨ MỆNH



Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống



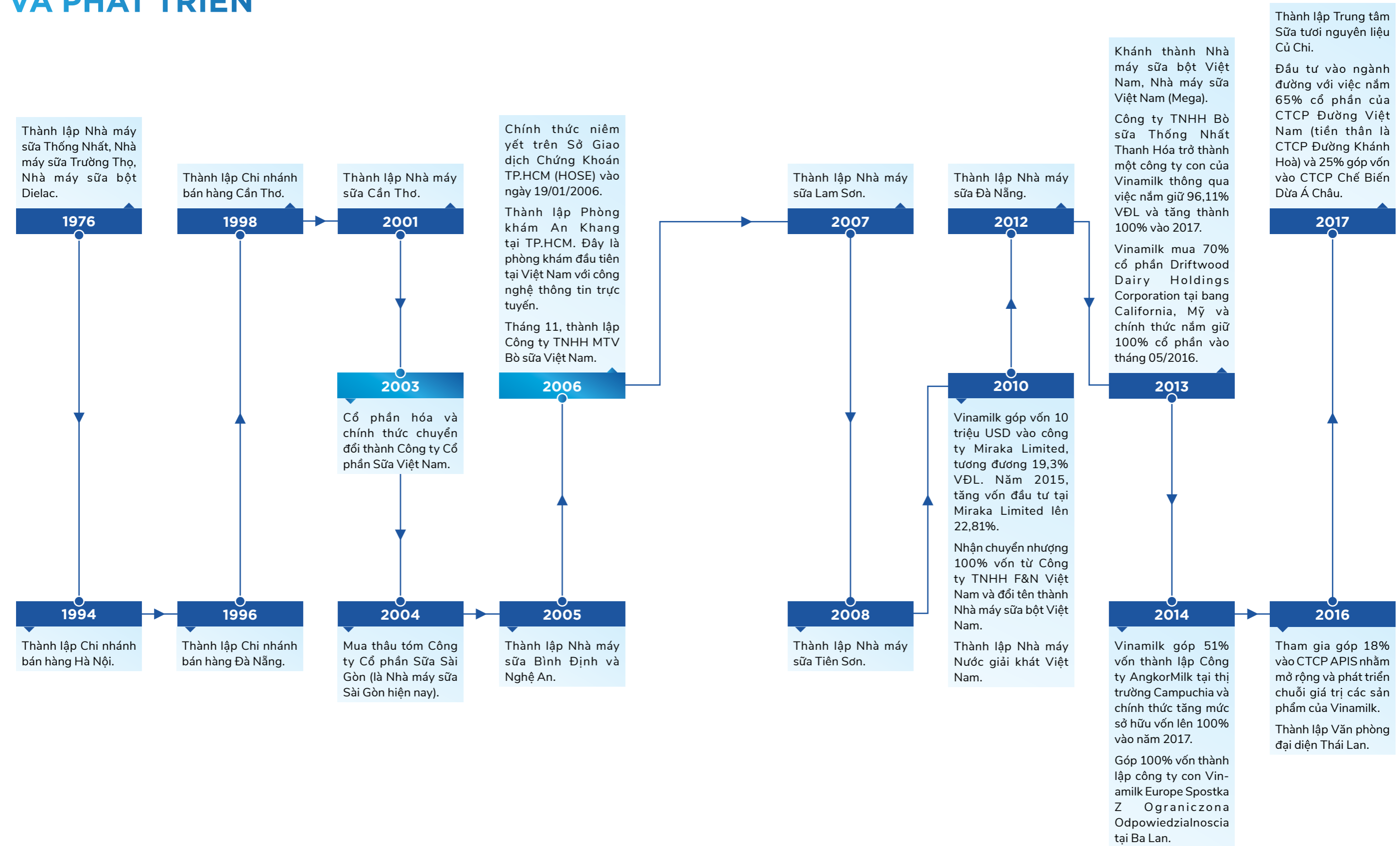
Trách nhiệm	Phát triển bền vững	Sáng tạo	Phát triển con người	Khách hàng làm trung tâm
Chúng tôi luôn tận tâm với nhiệm vụ và hành động một cách có trách nhiệm cao nhất.	Chúng tôi hoạt động kinh doanh trên nền tảng chú trọng lợi ích dài hạn của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.	Chúng tôi đề cao sự cách tân và tính sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của tất cả các hoạt động.	Chúng tôi chú trọng mọi hoạt động liên quan đến việc phát triển kiến thức và năng lực của nhân viên.	Chúng tôi luôn theo đuổi việc đem lại những gì đúng đắn, tốt đẹp cho khách hàng và lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ, hành động.

Organic



Giấc mơ sữa Việt
Vững bước tiên phong

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

CÓ HƠN **250** SẢN PHẨM

VỚI CÁC NGÀNH HÀNG CHÍNH

- Sữa nước
- Sữa chua
- Sữa bột và bột dinh dưỡng
- Sữa đặc có đường
- Kem, phô mai
- Sữa đậu nành, nước trái cây và nước giải khát



SỮA TƯƠI 100% Organic

ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM*



SỮA NƯỚC

MÓN QUÀ SỨC KHỎE 3 KHÔNG TỪ THIÊN NHIÊN



Sữa tươi 100%



Sữa tươi 100% hữu cơ
tiêu chuẩn Châu Âu



Sữa tươi 100% tiệt trùng



Sữa tươi 100%
thanh trùng



Sữa tươi 100% tiệt trùng
nhập khẩu từ New Zealand

Sữa tiệt trùng bổ sung vi chất



Dành cho trẻ em ADM GOLD



Dành cho người lớn Flex

Sữa tiệt trùng “Dinh dưỡng hàng ngày”



Fino

Optimum GOLD



HẤP THU KHOẺ,
BÉ THÔNG MINH



SỮA BỘT BÀ MẸ & TRẺ EM

Dòng cao cấp



Optimum Gold



Optimum Comfort



Optimum Mama Gold

Dòng đặc trị



Dielac Grow Plus Đỏ



Dielac Grow Plus Xanh



Dielac Grow



Dielac Pedia

Dòng phổ thông



Dielac Alpha Gold



Dielac Alpha



Dielac Mama Gold

dielac
GROW PLUS

**CHO TRẺ SUY DINH DƯỠNG
THẤP CÒI, BIẾNG ĂN
BẮT KỊP ĐÀ TĂNG TRƯỞNG**

Chiều cao
cm

120

110

100

90

80

70

ĐÃ ĐƯỢC
CHỨNG NHẬN
LÂM SÀNG
★★★

Tăng cân
chỉ sau **3 tháng**^(*)



Cân nặng
Kg

13

14

15

16

17

18

SỮA BỘT NGƯỜI LỚN



Sure Prevent



Sure Diecerna



CanxiPro



Vinamilk dinh dưỡng

BỘT DINH DƯỠNG DÀNH CHO TRẺ EM



Bột Dinh Dưỡng Ridelac đa dạng hương vị Mặn, Ngọt cho bé



Bột Dinh Dưỡng Ridelac 4 trong 1

*Ngon mê say
đẹp nhất ngày*



SỮA CHUA ĂN

Dành cho Gia Đình



Dành cho Sắc đẹp



Dòng sản phẩm cao cấp



Dòng chuyên biệt



Dòng SuSu cho trẻ em



Sữa chua Vinamilk
Nha đam & Lựu đỏ

Sữa chua Vinamilk Nha Đam & Lựu đỏ với các hạt nha đam giòn dai giúp thanh mát cơ thể, cùng chiết xuất lựu đỏ nguồn gốc từ châu Âu giàu chất chống oxy hóa cho làn da tươi trẻ.



SỮA CHUA ƯỐNG

Dòng Sữa chua uống SuSu dành cho bé



Dòng Sữa chua uống men sống Probi cho cả nhà



Dòng Cacao lúa mạch Super SuSu



Dòng Sữa chua uống Vinamilk đẹp da cho nữ giới



TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG HẠN CHẾ CẢM CÚM



khoảng
13 tỷ
lợi khuẩn

nhóc kem

KEM NGON TRÊN TAY
CHINH PHỤC MÊ SAY



SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG



Ngôi Sao Phương Nam



Ông Thọ

KEM



Kem Vinamilk



Kem Twin Cows



Nhóc Kem



Kem Delight



Kem Subo

SỮA ĐẬU NÀNH



Sữa đậu nành Vinamilk Gấp đôi Canxi/ Nguyên chất

NƯỚC TRÁI CÂY & NƯỚC GIẢI KHÁT



Nước trái cây Vfresh



Nước trái cây sữa Vfresh Smoothies



Nước Nha Đam Vfresh



Nước Chanh Muối ICY



Nước Đóng Chai ICY



Trà Atiso Vfresh

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Cổ phần và cơ cấu cổ đông

Tại ngày 31/12/2017, số lượng cổ phần của Công ty như sau

Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp của cổ đông
14.514.534.290.000 VNĐ	14.514.534.290.000 VNĐ

Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết	Loại cổ phần phổ thông
1.451.453.429 cổ phần	1 quyền / cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ	Mệnh giá
174.909 cổ phần	10.000 đồng / cổ phần

Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	Giá trị vốn hoá trên thị trường
1.451.278.520 cổ phần	302.773 tỷ VNĐ

Thống kê danh sách cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/12/2017)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn (>= 5%)	946.795.355	65,23%
· Trong nước	522.553.196	36,00%
· Nước ngoài	424.242.159	29,23%
Cổ phiếu quỹ	174.909	0,01%
Cổ đông khác (< 5%)	504.483.165	34,76%
· Trong nước	60.867.135	4,19%
· Nước ngoài	443.616.030	30,56%
TỔNG CỘNG	1.451.453.429	100,00%
Trong đó		
· Trong nước	583.595.240	40,21%
· Nước ngoài	867.858.189	59,79%

Danh sách cổ đông lớn

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/12/2017)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
SCIC	522.553.196	36,00%
F&N Dairy Investments Pte, Ltd ⁽¹⁾	239.463.148	16,50%
F&NBev Manufacturing Pte, Ltd ⁽¹⁾	39.189.150	2,70%
Platinum Victory Pte, Ltd	145.589.861	10,03%

Ghi chú: (1) F&NBev Manufacturing Pte, Ltd là công ty con 100% thuộc quyền sở hữu của F&N Dairy Investments Pte, Ltd.

Danh sách 20 cổ đông lớn nhất

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/12/2017)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. SCIC	522.553.196	36,00%
2. F&N Dairy Investments Pte, Ltd	239.463.148	16,50%
3. Platinum Victory Pte, Ltd	145.589.861	10,03%
4. F&NBev Manufacturing Pte, Ltd	39.189.150	2,70%
5. Matthews Pacific Tiger Fund	29.334.534	2,02%
6. Arisaig Asia Consumer Fund, Ltd	24.000.544	1,65%
7. The Emerging Markets Fund of the Genesis Group Trust For Employee Benefit Plans	17.892.618	1,23%
8. The Genesis Emerging Markets Investment Company	17.042.550	1,17%
9. Deutsche Bank AG London	15.771.000	1,09%
10. Vietnam Ventures Ltd	13.009.558	0,90%
11. Matthews Asia Dividend Fund	11.887.938	0,82%
12. Government of Singapore	10.402.650	0,72%
13. Vietnam Enterprise Investments, Ltd	9.904.714	0,68%
14. Citi Group Global Markets Ltd	9.542.528	0,66%
15. Stichting Depository APG Emerging Markets Equity Pool	9.038.921	0,62%
16. Employees Provident Fund Board	8.607.480	0,59%
17. Oppenheimer Developing Markets Fund	6.936.900	0,48%
18. Norges Bank	6.315.034	0,44%
19. BMO Investments II (Ireland) Public Ltd Company	6.012.716	0,41%
20. Morgan Stanley and Co. International Plc	5.617.608	0,39%
Tổng cộng	1.148.112.648	79,10%

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

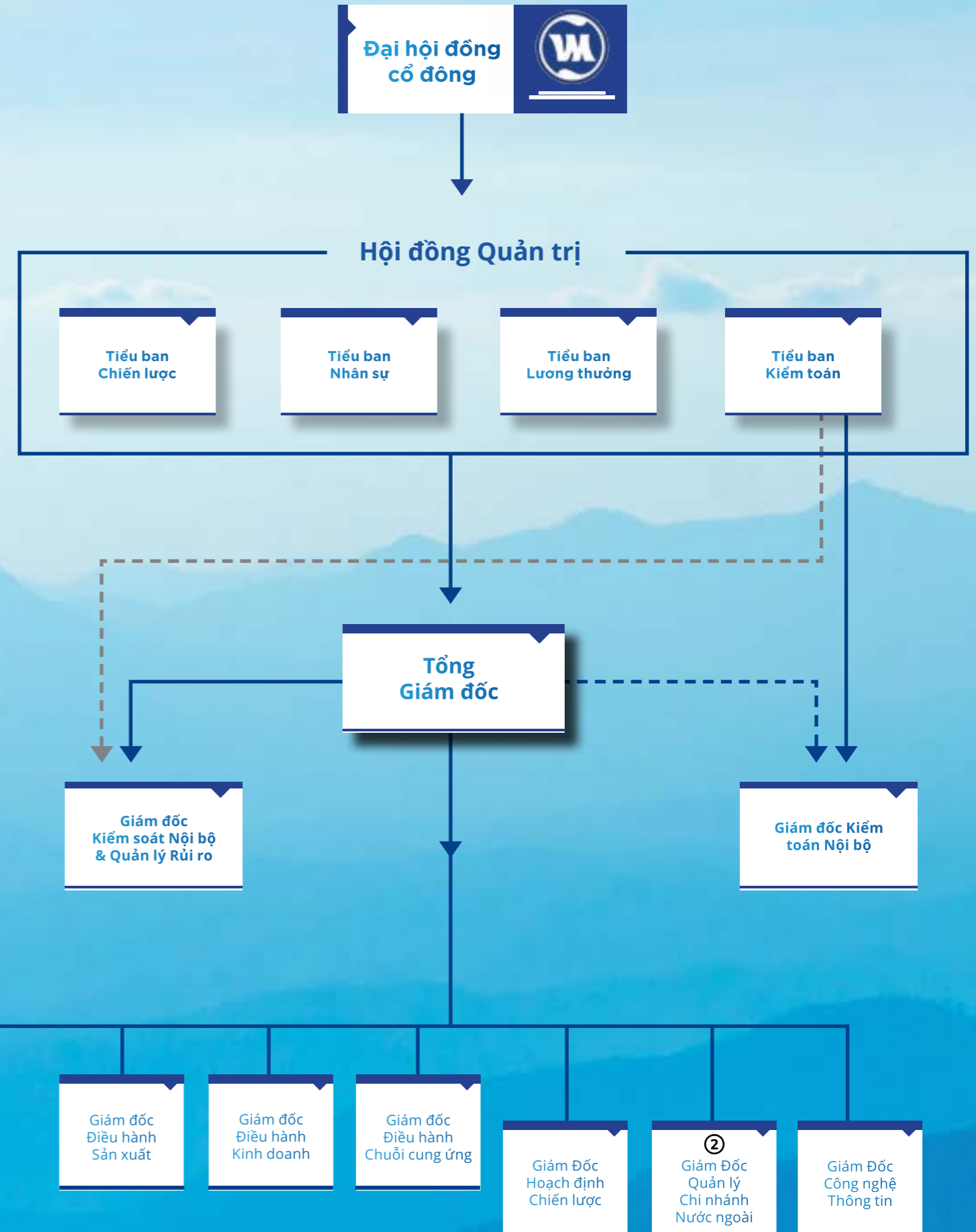


MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Vinamilk là Công ty tiên phong tại Việt Nam áp dụng mô hình quản trị tiên tiến (không có Ban Kiểm soát). Theo đó, Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc đảm bảo Công ty có hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả. Mô hình này có hiệu lực kể từ ngày 15/04/2017



Ghi chú

— Báo cáo trực tiếp

- - - Báo cáo theo chức năng bộ phận

- ① Không tiếp tục mô hình có Khối Dự án kể từ ngày 01/03/2018
- ② Phòng Quản lý Chi nhánh Nước ngoài sẽ trực thuộc Khối Kinh doanh và báo cáo trực tiếp cho Giám đốc Điều hành Kinh doanh kể từ ngày 01/03/2018



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Lê Thị Băng Tâm
 Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT độc lập



Bà Mai Kiều Liên
 Thành viên HĐQT điều hành



Ông Nguyễn Bá Dương
 Thành viên HĐQT độc lập



Ông Michael Chye Hin Fah
 Thành viên HĐQT
 không điều hành



Bà Đặng Thị Thu Hà
 Thành viên HĐQT
 không điều hành



Ông Nguyễn Hồng Hiến
 Thành viên HĐQT
 không điều hành



Ông Đỗ Lê Hùng
 Thành viên HĐQT độc lập



Ông Lê Thành Liêm
 Thành viên HĐQT điều hành



Ông Lee Meng Tat
 Thành viên HĐQT
 không điều hành

BAN ĐIỀU HÀNH



Bà Mai Kiều Liên
 Tổng Giám đốc



Ông Mai Hoài Anh
 Giám đốc Điều hành
 Kinh doanh



Ông Trịnh Quốc Dũng
 Giám đốc Điều hành
 Phát triển Vùng nguyên liệu



Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa
 Giám đốc Điều hành
 Chuỗi cung ứng



Bà Bùi Thị Hương
 Giám đốc Điều hành Nhân sự
 - Hành chính & Đối ngoại



Ông Nguyễn Quốc Khánh
 Giám đốc Điều hành
 Nghiên cứu & Phát triển



Ông Lê Thành Liêm
 Giám đốc Điều hành Tài chính,
 kiểm Kế toán trưởng



Ông Phan Minh Tiên
 Giám đốc Điều hành Marketing



Bà Ngô Thị Thu Trang
 Giám đốc Điều hành Dự án



Ông Trần Minh Văn
 Giám đốc Điều hành Sản xuất

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Bà Lê Thị Băng Tâm

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT độc lập

Bà sinh năm 1947. Bà là thành viên HĐQT của Vinamilk từ tháng 04/2013 và đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 07/2015.

Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Tài chính Leningrad, Liên Xô (1989).
- Chứng chỉ Tài chính Quốc tế, Trường North University London, Anh Quốc (2011).
- Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, quản lý Nhà nước và các lĩnh vực khác.
- Từ năm 2006 đến nay, bà đã tham gia vào HĐQT của nhiều công ty khác nhau tiêu biểu là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC"); Thành viên, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank).
- Bà là thành viên, tư vấn của nhiều tổ chức quan trọng: Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Hội đồng chính sách tiền tệ quốc gia, Ủy viên Ủy ban: Hợp tác kinh tế quốc tế, Các ban chỉ đạo ODA, Đầu tư nước ngoài các chương trình dự án lớn của Chính phủ.

- Từ năm 1995 đến năm 2006, bà là Thứ trưởng, Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính.
- Hơn 20 năm công tác (1974 – 1995), bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau: Phó Trưởng phòng - Vụ cân đối Tài chính, Phó vụ trưởng - Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo, Phó cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho Bạc Nhà nước Trung ương.
- Bà từng tham gia công tác giảng dạy, là giảng viên của trường Đại học tài chính kế toán Hà Nội trong khoảng thời gian từ năm 1969 đến 1974.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank).



Bà Mai Kiều Liên

Thành viên HĐQT điều hành
Tổng Giám đốc

Bà sinh năm 1953. Bà là Chủ tịch HĐQT từ tháng 11/2003 đến năm 2015 và sau đó vẫn tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến nay. Bà là Tổng Giám đốc Công ty Vinamilk từ tháng 12/1992.

Trình độ chuyên môn

- Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga.
- Chứng chỉ Quản lý Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.
- Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, Đại học Công nghiệp Chế biến thịt và sữa, Moscow, Nga.
- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Bà có hơn 25 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc (từ 1992 đến nay), lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trong suốt quá trình đó, bà đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như Huân chương lao động Hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006); 4 lần được Forbes bình chọn là Một trong 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á (2012 – 2015); giải thưởng Nhà Quản trị doanh nghiệp xuất sắc (2014) do Corporate Governance Asia bình chọn; giải thưởng Nikkei, giải New Zealand Asia cho những đóng góp của bà.

- Trước đó, bà có hơn 08 năm công tác (1984 - 1992) với vị trí phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
- Từ năm 1976 đến năm 1983, bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành phó Giám đốc Kỹ thuật Nhà máy Sữa Thống Nhất năm 1982.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Miraka Ltd.
- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółka Z Organizacja Odpowiedzialnoscia.



Ông Nguyễn Bá Dương

Thành viên HĐQT độc lập

Ông sinh năm 1959. Ông là thành viên HĐQT độc lập từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn

- Kiến trúc sư, Đại học Xây dựng Kiev, Ukraine.
- Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Kinh nghiệm

- Hiện nay, ông đang giữ chức Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons, Công ty Cổ phần Xây dựng Unicons, đồng thời là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Xây dựng Ricons.
- Ông là "Kiến trúc sư trưởng" của Công ty Cổ phần xây dựng Coteccons nói riêng và Coteccons Group nói chung.
- Ông là người mạnh mẽ, quyết đoán và có tầm nhìn rộng, đặc biệt luôn coi trọng chữ tín trong kinh doanh. Với kiến thức và thực tiễn tại trường Đại học Xây dựng Kiev, Ucraina (1984), ông trở về nước và có hơn 30 năm kinh nghiệm trong việc quản lý doanh nghiệp xây dựng. Ông đã đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự trong công ty vừa tinh vừa chất, kết hợp một cách khéo léo giữa kiến thức và kỹ năng mềm trong quản lý.
- Trước đó, ông có hơn 14 năm công tác với vai trò quản lý, điều hành, tiêu biểu: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng (COTEC) và Phó Tổng Giám đốc, Công ty Xây dựng Công nghiệp nhẹ Số 2 thuộc Bộ Công nghiệp.
- Ngoài ra, ông từng công tác với vai trò Chuyên gia tại Bộ Công nghiệp trong vòng 05 năm.
- Ông được vinh danh trong Top 10 Nhà lãnh đạo phát triển đội ngũ xuất sắc nhất Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons.



Ông Michael Chye Hin Fah

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1959. Ông là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Kinh doanh (loại Xuất sắc) và Cử nhân Kinh doanh (loại Xuất sắc) chuyên ngành Tài chính – Kế toán, Đại học Massey, New Zealand.
- Thành viên của Singapore Institute of Directors (SID) từ năm 1999.
- Thành viên của Institute of Singapore Chartered Accountant (SCA) từ năm 2003.
- Thành viên của Institute of Chartered Secretariats and Administrations (ACIS) từ năm 1990.

Kinh nghiệm

- Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm tham gia vào HĐQT nhiều công ty khác nhau. Hiện ông là thành viên HĐQT dự khuyết của Fraser and Neave Ltd. và là thành viên HĐQT không điều hành tại các công ty trực thuộc tập đoàn ThaiBev.
- Ông có hơn 22 năm kinh nghiệm làm CEO các công ty tài chính và đầu tư. Ngoài ra, ông còn có kinh nghiệm làm việc ở nhiều quốc gia Châu Á.
- Trước đó, ông từng tham gia công tác giảng dạy, là giảng viên trẻ tại New Zealand.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Phó chủ tịch tại Thai Beverage Public Company.
- Thành viên Ủy ban Điều hành và Ủy ban Kiểm Soát Rủi Ro của Fraser and Neave Ltd.
- Thành viên HĐQT không điều hành tại các tổ chức: Marketing Magic Pte, Ltd, DECCO 235, Heritas Capital Management Pte, Ltd, Millennium Minerals Ltd, IMC Pan Asia Alliance Corporation, Prudence Holdings Ltd.



Bà Đặng Thị Thu Hà

Thành viên HĐQT không điều hành

Bà sinh năm 1973 và là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh MBA, Viện quản trị Kinh doanh.
- Cử nhân Kinh tế Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Ngoại ngữ (Tiếng Anh), Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chứng chỉ hành nghề Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, Trung tâm đào tạo Ủy ban chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

Kinh nghiệm

- Bà bắt đầu công tác trong HĐQT các công ty từ năm 2013. Bà hiện là thành viên HĐQT tại các tổ chức: CTCP Thuốc ung thư Benovas, CTCP Tập đoàn Vinacontrol, CTCP Nhựa Bình Minh.
- Bà đã công tác tại SCIC được 09 năm và làm việc tại các vị trí khác nhau thuộc Ban Quản lý vốn đầu tư. Bà hiện đang giữ chức Phó trưởng Ban Đầu tư 3.
- Trước đó, bà công tác hơn 08 năm trong lĩnh vực tư vấn tài chính và kế toán tuân thủ tại Công ty cổ phần Chứng khoán Tràn An (2007-2008) và Ngân hàng Mizuho Hà Nội (2000-2007).
- Bà đạt bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 2015.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, CTCP Nhựa Bình Minh.
- Thành viên HĐQT, CTCP Dược Hậu Giang.
- Thành viên HĐQT độc lập, CTCP Tập đoàn Vinacontrol.
- Thành viên HĐQT, CTCP Thuốc ung thư Benovas.
- Phó trưởng Ban Đầu tư 3, SCIC.



Ông Nguyễn Hồng Hiến

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1974 và là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Luật học, Trường Queen Mary, Đại học tổng hợp Luân Đôn.
- Bằng cao cấp lý luận chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia.
- Cử nhân Luật học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Cử nhân Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Kinh nghiệm

- Ông có gần 10 năm kinh nghiệm trong vai trò thành viên HĐQT tại nhiều công ty khác nhau. Ông hiện là Thành viên HĐQT của CTCP Viễn thông FPT và CTCP TRAPHACO.
- Gia nhập SCIC từ năm 2007, ông tham gia công tác tại nhiều vị trí khác nhau như: Trưởng ban Đầu tư, Trưởng ban Kế hoạch tổng hợp, Chánh văn phòng và hiện đang giữ chức Phó Tổng Giám đốc.
- Trước đó, ông có thời gian công tác tại Bộ Giao thông vận tải gần 10 năm với các vị trí: Trưởng Phòng Tổng hợp, Trưởng Phòng Thông tin tuyên truyền, người phát ngôn, Thư ký Thứ trưởng/ Cục trưởng.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT tại các tổ chức: CTCP TRAPHACO, CTCP Viễn thông FPT.
- Phó Tổng Giám đốc tại SCIC.



Ông Đỗ Lê Hùng

Thành viên HĐQT độc lập

Ông sinh năm 1969 và là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản lý công và tốt nghiệp Quản lý công, Trường Hành chính Quốc gia - Cộng hòa Pháp.
- Bằng Thanh tra kho bạc, Trường Kho bạc quốc gia - Cộng hòa Pháp.
- Cử nhân Tài chính, Kế toán, Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Chứng chỉ Quản lý tài chính công, Chứng chỉ Kế toán, Kiểm toán, Chứng chỉ Quản lý tài chính công được cấp bởi các tổ chức ngoài nước.

Kinh nghiệm

- Ông có hơn 08 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán và Kiểm soát Nội bộ tại Big C Việt Nam.
- Ông có gần 06 năm kinh nghiệm với vị trí Vụ phó Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước.
- Trước đó, ông cũng có hơn 11 năm kinh nghiệm công tác tại Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước với vai trò Chuyên viên chính kế toán kho bạc.
- Ông có nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính từ năm 1997 đến 2006.



Ông Lê Thành Liêm

Thành viên HĐQT điều hành

Giám đốc Điều hành Tài chính, kiêm Kế toán trưởng

Ông sinh năm 1973 và là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Đại học Leeds Metropolitan (Anh Quốc).
- Cử nhân Kinh tế, Đại học Tài chính Kế toán TP.HCM.

Kinh nghiệm

- Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng từ năm 2015.
- Trước đó, ông đã có hơn 12 năm kinh nghiệm đảm nhận các vị trí quản lý tại phòng Tài chính - Kế toán tại Vinamilk như: Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng.
- Từ năm 1994 - 2003, ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Vinamilk.

Chức vụ hiện tại

- Thành viên HĐQT, Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng.



Ông Lee Meng Tat

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1963. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 09/2016.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), Đại học Hoàng Gia, Anh Quốc (1997).
- Kỹ sư cơ khí, Đại học Quốc gia, Singapore (1988).
- Chứng chỉ Chương trình Quản lý nâng cao, Đại học Harvard (2005).
- Chứng chỉ Chương trình Giám đốc toàn cầu, INSEAD (2017).

Kinh nghiệm

- Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, quản lý kinh tế tại nhiều tổ chức tư nhân và cơ quan nhà nước.
- Từ năm 2015 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Fraser & Neave Holdings Berhad.
- Trong khoảng thời gian hơn 18 năm, từ năm 1997 đến năm 2015, ông đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao ở các công ty trong lĩnh vực Hàng tiêu dùng và Du lịch như Fraser & Neave, Heineken-APB (Trung Quốc) Management Services Co. Ltd, Asia Pacific Breweries Ltd, Wildlife Reserves Singapore Group.
- Từ năm 1994 đến năm 1996, ông giữ vị trí Phó Giám đốc, Phụ trách du lịch vùng thuộc Hội đồng du lịch Singapore.
- Trước đó, ông là Trợ lý trưởng bộ phận Phát triển Kinh doanh quốc tế - Hội đồng phát triển kinh tế Singapore từ năm 1993 đến năm 1994.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Giám đốc Điều hành, ngành nước giải khát không cồn, Fraser & Neave Ltd.
- Thành viên HĐQT, Fraser & Neave Holdings Berhad.



Ông Mai Hoài Anh

Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông sinh năm 1970. Ông gia nhập Vinamilk năm 1996 và được bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Kinh doanh từ năm 2012.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bolton, Anh Quốc (2012).
- Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Tp. HCM.

Kinh nghiệm

- Từ năm 2012 đến nay, ông giữ vị trí Giám đốc Điều hành Kinh doanh. Bên cạnh đó, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động hơn 02 năm với chức năng quản lý chung các lĩnh vực: Marketing, Kinh doanh, Chuỗi cung ứng, Sản xuất, Nghiên cứu và Phát triển.
- Suốt 09 năm công tác (2003 - 2012), ông nắm giữ nhiều vị trí quản lý tại phòng Xuất nhập khẩu Vinamilk như: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu, Giám đốc Xuất nhập khẩu, phụ trách việc kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu.
- Trước đó, trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2003, ông trải qua các vị trí: Nhân viên Xuất nhập khẩu, Phó phòng và phụ trách phòng Xuất nhập khẩu.



Ông Trịnh Quốc Dũng

Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu

Ông sinh năm 1962, gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa, Đại học Bách khoa Odessa, Liên Xô cũ (1985).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2014 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu.
- Trong 10 năm tại Vinamilk (2005 – 2014), ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc tại các nhà máy khác nhau của Vinamilk, như Nhà máy sữa Nghệ An, Nhà máy sữa Việt Nam.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông làm Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện trong 06 năm (1998 – 2005).
- Từ năm 1987 đến năm 1998, từng công tác ở các vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, tiêu biểu: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam (là công ty con 100% vốn của Vinamilk).
- Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất – Thanh Hóa (là công ty con 100% vốn của Vinamilk).



Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa

Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng

Bà sinh năm 1955 và gia nhập Vinamilk năm 1983.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân chuyên ngành Công Nghệ Chế biến Sữa (1978), Đại học Công Nghệ Chế biến Thịt và Sữa Moscow (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công Nghệ Sinh học Ứng dụng Moscow).

Kinh nghiệm

- Tại Vinamilk trong hơn 17 năm (1999 – nay), bà trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại Vinamilk như Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển sản phẩm.
- Từ năm 2015 đến nay, bà là Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng.
- Trước đó, trong thời gian từ năm 1983 đến năm 1999, bà công tác tại nhiều vị trí khác nhau như Kỹ sư Công Nghệ, Phó Giám đốc và trở thành Giám đốc Nhà máy sữa Trường Thọ, kiêm Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội từ năm 1995.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là giảng viên tại Đại học Bách khoa, Tp. HCM trong gần 06 năm (1978 – 1983).



Bà Bùi Thị Hương

Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại

Bà sinh năm 1962 và gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Nga Văn, chuyên ngành phiên dịch, Đại học Ngoại ngữ Quân sự, Liên Xô cũ (1985).
- Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh và Công đoàn, Đại học Công đoàn (2000).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2015, bà là Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại.
- Suốt gần 10 năm công tác (2005 – 2014), bà trải qua các vị trí: Quản lý hoạt động đối ngoại, Giám đốc Đối ngoại tại Bộ phận Đối ngoại – Vinamilk.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà đã có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác tại Công ty Bóng đèn Điện Quang và đảm nhiệm các chức vụ: Trưởng Phòng tiêu thụ, Giám đốc Điều hành Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.



Ông Nguyễn Quốc Khánh

Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển

Ông sinh năm 1964, và gia nhập Vinamilk năm 1988.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư, chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm, Đại học Bách khoa Tp.HCM (1989).
- Cử nhân, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp.HCM (1997).
- Cử nhân, chuyên ngành Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp.HCM (2001).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2015, ông là Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển.
- Tại Vinamilk trong hơn 08 năm (2009 – nay), ông đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Vinamilk như Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng, Giám đốc Điều hành sản xuất và Nghiên cứu & Phát triển, và Giám đốc Điều hành Nghiên cứu & Phát triển.
- Trước đây, gần 22 năm công tác (1988 – 2009), ông trải qua nhiều vị trí thuộc các bộ phận khác nhau tại các nhà máy Vinamilk như Nhà máy sữa Thống Nhất, Cần Thơ,... và trở thành Giám đốc – Nhà máy sữa Cần Thơ năm 2004.



Ông Phan Minh Tiên

Giám đốc Điều hành Marketing

Ông sinh năm 1970 và gia nhập Vinamilk năm 2014.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân, Học viện Quản lý Moscow, Nga.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 05/2014 đến nay, ông là Giám đốc Điều hành Marketing, Vinamilk.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, xây dựng các thương hiệu hàng đầu và nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao tại các công ty đa quốc gia:
 - » Giám đốc Marketing – Samsung Việt Nam (2013 – 2014).
 - » Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành Thực phẩm – Unilever Việt Nam (2008 – 2013).
- Trước đó ông trải qua nhiều vị trí quản lý Marketing và Kinh Doanh tại Unilever Việt Nam (1996 - 2008).



Bà Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc Điều hành Dự án

Bà sinh năm 1963. Bà gia nhập Vinamilk từ năm 1985.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Kế toán.

Kinh nghiệm

- Từ 12/2015 đến nay, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành – Dự án.
- Bà có hơn 17 năm kinh nghiệm (1998 – 2015) trong vai trò quản lý tại Phòng Tài chính – Kế toán và Khối Tài chính, Vinamilk với các vị trí: Trưởng phòng Kế toán thống kê, Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Tài chính.
- Trước đó, trong khoảng thời gian từ năm 1985 đến năm 1997, bà đã trải qua nhiều vị trí công việc khác nhau tại Phòng Tài chính – Kế toán và trở thành Phó phòng Kế toán Thống kê năm 1998.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.

Ghi chú: Bà Ngô Thị Thu Trang có đơn từ nhiệm kể từ ngày 01/03/2018 để làm thủ tục nghỉ hưu theo chế độ.



Ông Trần Minh Văn

Giám đốc Điều hành Sản xuất

Ông sinh năm 1960 và gia nhập Vinamilk năm 1981.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bách khoa Hà Nội (2004).
- Cử nhân, chuyên ngành Luật thương mại, Đại học Luật Hà Nội (2001).
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Tp.HCM (1994).
- Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách khoa Tp.HCM (1981).

Kinh nghiệm

- Từ tháng 12/2015 đến nay, ông là Giám đốc Điều hành – Sản xuất.
- Gần 10 năm công tác (2006 – 2015), ông đảm nhiệm vị trí: Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án, Giám đốc Điều hành Dự án.
- Suốt 25 năm công tác (1981 – 2006), ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các nhà máy Vinamilk và trở thành Giám đốc – Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1994.

GIỚI THIỆU BAN THƯ KÝ



Ông Trần Chí Sơn

Thư ký Công ty
Trưởng Bộ phận Tài chính

Ông sinh năm 1975. Ông gia nhập Vinamilk năm 2005 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ tháng 04/2017 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, Đại học Tài chính Kế toán TP.HCM (1998).
- Chứng chỉ Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA), Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc.
- Cử nhân, chuyên ngành Anh Ngữ, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chứng chỉ quốc tế về Quan hệ Cổ đông (ICIR), Hiệp hội Quan hệ Cổ đông Anh Quốc và Singapore.

Kinh nghiệm

- Từ năm tháng 06/2016 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tài chính.
- Hơn 11 năm công tác (2005 – 2016) tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau như: Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR).
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã làm việc và có kinh nghiệm như chuyên viên phân tích tài chính - Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam; Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Kế toán trưởng - Công ty TNHH URC Việt Nam và Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam.



Bà Lê Quang Thanh Trúc

Thư ký Công ty
Giám đốc Quản lý Chi nhánh Nước ngoài

Bà sinh năm 1975. Bà gia nhập Vinamilk vào năm 2005 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2005 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế Phát triển, chương trình hợp tác giữa The International Institute of Social Studies of Erasmus University, Hà Lan và Đại học Kinh tế TP.HCM (2000).
- Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (1999).
- Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương, Đại học Kinh tế TP.HCM (1998).
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 08/2015 đến nay, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý Chi nhánh Nước ngoài.
- Trước đó, từ 2005 đến 2015, bà trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Khối Tài chính như Chuyên viên phân tích tài chính, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR), Trưởng ban Đầu tư Tài chính, Giám đốc Đầu tư, Vinamilk.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng nắm giữ các vị trí: Giám đốc Dự án, và sau đó là Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư I.C; Phó phòng tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).



Ông Nguyễn Trung

Thư ký Công ty
Giám đốc Cung ứng điều vận

Ông sinh năm 1973. Ông gia nhập Vinamilk năm 1994 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2012 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Executive MBA), Trường Université du Québec à Montréal (2014).
- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán TP.HCM (1994).
- Chứng chỉ Phát triển Bền vững, Viện Thụy Điển (2016).
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 07/2017 đến nay: ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Cung ứng điều vận.
- Từ tháng 07/2014 đến 06/2017, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Hoạch định Chiến lược.
- Ông có hơn 07 năm công tác (2007 – 2014) trong vai trò Giám đốc Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro, kiêm phụ trách bộ phận Pháp lý. Ngoài ra, khi đảm nhiệm vị trí này, ông đã chủ trì soạn lập Bộ Quy tắc ứng xử cho toàn Công ty.
- Ông đảm nhiệm vai trò đại diện cho Vinamilk tại Hiệp hội Quản trị Công ty Châu Á (ACGA). Ông cũng từng tham gia Khóa Đào tạo về nghiệp vụ Thư ký Công ty do International Finance Corporation (IFC) tổ chức.
- Trước đó, ông có hơn 14 năm kinh nghiệm tại Phòng Tài chính - Kế toán, Vinamilk với các vị trí: Kế toán tài sản - vật tư - xây dựng cơ bản, Kế toán tổng hợp - chuẩn bị báo cáo tài chính.

PHÒNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Bà Tạ Hạnh Liên

Giám đốc Kiểm toán Nội bộ

Bà sinh năm 1980. Bà gia nhập Vinamilk năm 2007.

Trình độ chuyên môn

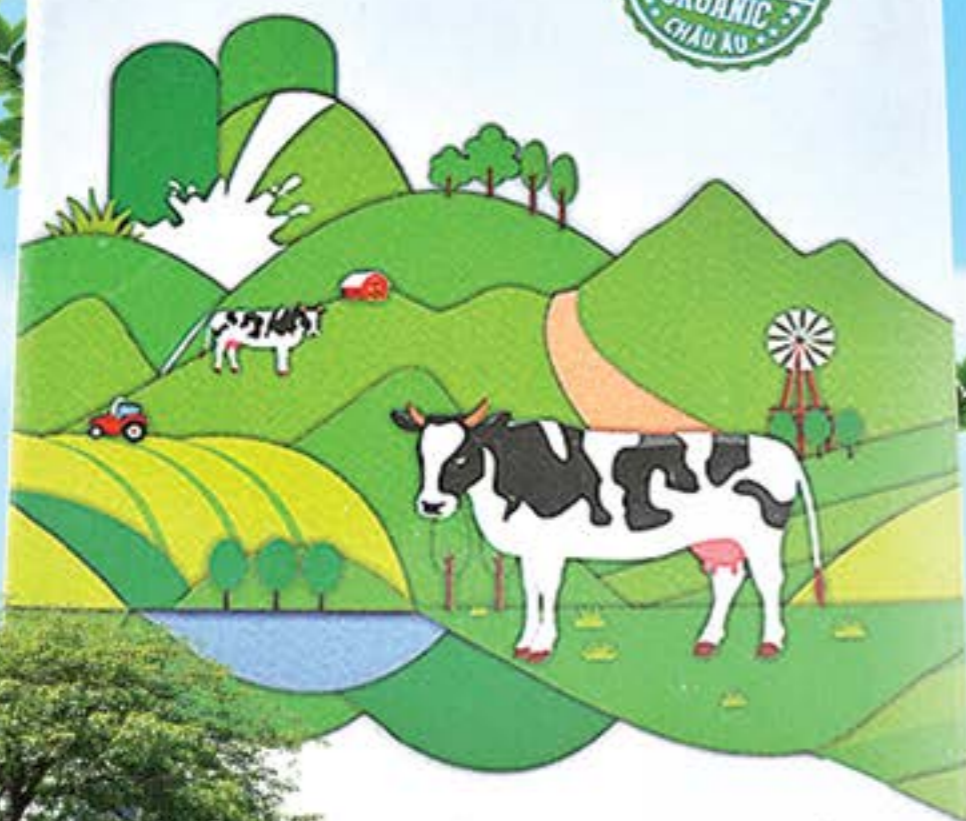
- Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP.HCM.

Kinh nghiệm

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính và hoạch định ngân sách.
- Đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán Nội bộ từ tháng 11/2011 sau khi hoàn thành công tác điều phối viên cho dự án “Xây dựng chức năng Kiểm toán Nội bộ” và được chuyển giao các phương pháp, kỹ thuật Kiểm toán Nội bộ theo chuẩn mực quốc tế từ Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Từ năm 2006 đến năm 2010, bà công tác tại Khối Tài chính và đảm nhận các vị trí khác nhau, tiêu biểu là Trưởng ban Hoạch định và Kiểm soát ngân sách, giám sát Phân tích tài chính.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là Trợ lý kiểm toán, Trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam từ năm 2002 đến 2005.



TỪ **100%**
— SỮA TƯƠI —
ORGANIC



Sữa tươi tiệt trùng
Không đường

**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

Kết quả hoạt động

Về chiến lược phát triển

HĐQT đã bám sát định hướng chiến lược 05 năm 2017–2021 đã được vạch ra. HĐQT đã xem xét và phê duyệt một số quyết định: mở rộng mạng lưới phân phối, marketing có trọng tâm; phát triển sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường (organic); phát triển hệ thống trang trại; đầu tư nâng công suất nhà máy, thực hiện các thương vụ M&A và tăng vốn sở hữu ở các công ty liên kết, công ty con nhằm tăng tính bền vững của chuỗi giá trị.

Tổng mức đầu tư thực hiện đạt hơn 5.800 tỷ (40% so với số kế hoạch 05 năm).

Về sản xuất kinh doanh

- Về doanh số: thực hiện 51.135 tỷ đồng, đạt 100,3% so với kế hoạch.
- Về lợi nhuận sau thuế: thực hiện 10.278 tỷ đồng đạt 105,6% so với kế hoạch.
- Về thị phần: các ngành hàng chính đều tăng ấn tượng so với các đối thủ cạnh tranh. Thị phần toàn ngành sữa của Vinamilk cuối năm 2017 tăng 2% so với 2016 (so với kế hoạch đề ra là tăng 1%).

Về cổ tức

- Cổ tức bằng tiền mặt đã chi trả cho cổ đông trong năm 2017 là 4.000 đồng/cổ phần (chưa bao gồm cổ tức 1.500 đồng/cổ phần đã chốt danh sách vào ngày 29/12/2017 và sẽ được thanh toán vào ngày 30/03/2018).

Phát triển bền vững & Trách nhiệm xã hội

Năm 2017, HĐQT triển khai thực hiện các nội dung định hướng, chính sách về phát triển bền vững đã tuyên bố. Các nội dung cụ thể đã được tích hợp vào các quy trình hoạt động. Báo cáo Phát triển Bền vững được kiểm toán đã đạt được giải thưởng xếp hạng cao. (chi tiết xem phần Báo cáo Phát triển Bền vững)

Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, các tiểu ban

Trong năm 2017, HĐQT đã áp dụng thêm quy trình đánh giá hiệu quả của các Tiểu ban. Qua đó, Công ty đã tăng cường tính hiệu quả làm việc của HĐQT nói chung và sự đóng góp của từng thành viên HĐQT nói riêng.

Cuộc họp đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT được tổ chức vào cuộc họp cuối cùng của HĐQT trong năm với thành phần tham gia: tất cả các thành viên HĐQT và sự hỗ trợ của Ban Thư ký.

Tiêu chí đánh giá: Hành vi và hiệu quả hoạt động, và thể hiện qua các khía cạnh:

- Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác.
- Tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT.
- Số cuộc họp của HĐQT, của các tiểu ban và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp.
- Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra.
- Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin.
- HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản lý.
- Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT.
- Các chính sách mới được phát triển và ban hành.

Hình thức đánh giá: Sử dụng một số câu hỏi được chọn lọc từ Tài liệu hướng dẫn đánh giá HĐQT của Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") với thang điểm đánh giá 05 mức độ. Các tiêu chí đánh giá có bổ sung 04 khía cạnh theo thực hành của IFC như sau: (1) Khả năng tự lãnh đạo và kết quả hoạt động; (2) Sự kết hợp kiến thức, kinh nghiệm, đặc tính đa dạng của các thành viên trong HĐQT; (3) Sự năng động; và (4) Quy trình hoạt động.

Hoạt động của các Tiểu ban

- Tiểu ban Chiến lược giám sát tình hình triển khai chiến lược, tình hình đầu tư, soát xét các dự án đầu tư chiến lược 05 năm.
- Tiểu ban Kiểm toán giám sát và hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro, tính phù hợp và tin cậy của báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp. Định kỳ hàng quý, Tiểu ban Kiểm toán giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ ("KSNB") và hệ thống quản lý rủi ro ("QLRR") thông qua báo cáo của Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập, Bộ phận KSNB & QLRR. Tiểu ban Kiểm toán đã thực hiện giám sát báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm trước khi Ban Điều hành trình HĐQT, Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của báo cáo tài chính với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành.
- Tiểu ban Lương thưởng giám sát hệ thống lương, phúc lợi và khen thưởng nhằm đảm bảo sự phù hợp, cạnh tranh và gắn với mục tiêu kinh doanh.
- Tiểu ban Nhân sự giám sát tình hình hoạch định và phát triển nguồn nhân lực.
- HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết/biên bản sau mỗi kỳ họp về kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan.

Kết quả: Trong năm 2017, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT về quản trị, giám sát, chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng... đã được giải quyết một cách chuyên nghiệp. Toàn bộ các thành viên HĐQT đạt kết quả tốt, đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình, làm tốt bổn phận, và có sự đóng góp chuyên nghiệp vào các quyết định chung của HĐQT.



GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2017 như sau:

a. Phương thức giám sát

- HĐQT đã tiến hành giám sát các hoạt động của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành các nội dung công việc:
 - » Lập kế hoạch và triển khai thực hiện chiến lược 05 năm 2017–2021, các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
 - » Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh;
 - » Hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro;
 - » Lập và trình bày báo cáo tài chính;
 - » Công tác hoạch định nguồn nhân lực;
 - » Triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- HĐQT đã giám sát tính đầy đủ của các nội dung trên qua việc thiết lập chương trình làm việc của các cuộc họp HĐQT và các Tiểu ban thuộc HĐQT. HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn Tổng Giám đốc và Ban Điều hành tại các cuộc họp HĐQT hàng quý và qua trao đổi thư điện tử, điện thoại và tiếp xúc trực tiếp nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp và kịp thời.
- Các nội dung cụ thể đều được HĐQT giao phó cho các Tiểu ban thuộc HĐQT triển khai thực hiện theo chức năng quyền hạn và cập nhật kết quả vào các cuộc họp định kỳ.

b. Kết quả giám sát

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và kết quả thực tế tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, HĐQT ghi nhận kết quả như sau:

- Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, đã triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với các nghị quyết của HĐQT, và đạt được các mục tiêu kinh doanh năm 2017 đã đề ra. Mặc dù tình hình kinh doanh có nhiều biến động, công ty đã: (i) giữ vững và tăng thị phần đối với nhiều nhóm sản phẩm chủ chốt, (ii) mở rộng và tăng sự vững mạnh mạng lưới phân phối; (iii) nâng cao hiệu quả các hoạt động thuộc chuỗi giá trị; (iv) có nhiều tiến bộ trong lĩnh vực phát triển bền vững.
- Hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý: Công ty tiên phong trong việc áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến, tuân thủ và cải tiến tốt quy trình, ý thức và kiểm soát rủi ro cao, uy tín và hình ảnh của Công ty tiếp tục được nâng cao, khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường.
- Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành. Công ty không để xảy ra các gian lận và không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan.
- Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã duy trì một hệ thống khung lương thưởng công bằng, hợp lý, cạnh tranh và có tính đến phát triển bền vững. Các chương trình nhân sự kế thừa cho nhân sự cấp cao, cấp trung phù hợp với cơ cấu đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển theo chiến lược đề ra.

Hoạt động đánh giá của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành

Thực hiện theo Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc đánh giá Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành dựa trên các tiêu chí sau:

- Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao.
- Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao.

a. Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

Tiêu chí này được đánh giá qua kết quả việc thực hiện (i) các mục tiêu chung của Công ty và (ii) mục tiêu chất lượng của khối, phòng phụ trách của từng Giám đốc Điều hành theo mô hình Thẻ điểm cân bằng. Các mục tiêu về tài chính, khách hàng, quy trình và học hỏi phát triển đều được phân bổ tỷ lệ đóng góp một cách phù hợp cho từng vị trí.

b. Bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao

Tiêu chí bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty gồm:

- Trách nhiệm “Cẩn trọng”.
- Trách nhiệm “Trung thực và tránh xung đột lợi ích”.
- Trách nhiệm “Bảo mật thông tin”.
- Bốn phạm vi “Chăm lo và trung thành”.

Việc đánh giá này được thực hiện theo 02 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và quản lý trực tiếp đánh giá. Đối với các Giám đốc Điều hành, HĐQT còn dựa vào kết quả đánh giá giám sát của Tổng Giám đốc.

c. Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao

Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao được đánh giá trên các khía cạnh sau:

- Chất lượng lãnh đạo và chất lượng quản lý.
- Chất lượng cá nhân.
- Kiến thức và kỹ năng.
- Mối quan hệ với các thành viên của Ban Điều hành.
- Mối quan hệ với nhân viên.
- Mối quan hệ với cộng đồng.

Việc đánh giá còn được hỗ trợ bởi bộ năng lực lãnh đạo được phát triển riêng cho Vinamilk. Các tiêu chí đánh giá của mỗi khía cạnh được chọn lọc từ kết quả đánh giá của lần gần nhất. Ngoài ra, năng lực và kỹ năng của quản lý cấp cao cũng được đánh giá qua kết quả khảo sát phong cách lãnh đạo và môi trường làm việc.

Kết quả: Theo kết quả đánh giá của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã hoàn thành rất tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2017 trong sự tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.



BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) gồm có 04 thành viên, trong đó:

- Ông **Đỗ Lê Hùng**
Trưởng Tiểu ban
- Bà **Đặng Thị Thu Hà**
Thành viên
- Ông **Michael Chye Hin Fah**
Thành viên
- Ông **Lê Thành Liêm**
Thành viên

Tất cả các thành viên đều có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ được HĐQT giao và được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, Tiểu ban Kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia trực tiếp của cả 04 thành viên (tháng 07 và tháng 12 năm 2017); một cuộc họp được thực hiện thông qua điện thoại và trao đổi email (tháng 01/2018).

Ngoài ra còn có nhiều cuộc họp khác theo các chủ đề riêng biệt với sự tham gia của các thành viên có liên quan. Sau mỗi cuộc họp cũng như kết thúc năm tài chính 2017, Tiểu ban Kiểm toán đã thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả hoạt động lên HĐQT. Có thể tóm tắt kết quả hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán như sau:

Giám sát báo cáo tài chính

Tiểu ban Kiểm toán đã thực hiện giám sát báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm trước khi Ban Điều hành trình HĐQT, ĐHCĐ hoặc công bố ra bên ngoài theo quy định của pháp luật; có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của báo cáo tài chính với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Kết quả giám sát cho thấy:

- Báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Trong năm không có bất kỳ thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.
- Không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan (mua bán hàng hóa, góp vốn, chia cổ tức...).

Giám sát hệ thống QLRR và KSNB

Định kỳ hàng quý, Tiểu ban Kiểm toán giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo của Kiểm toán Nội bộ ("KTNB"), Kiểm toán độc lập, Bộ phận KSNB & QLRR. Kết quả giám sát cho thấy Công ty Vinamilk có một khuôn khổ QLRR và KSNB hoạt động hữu hiệu:

- Có bộ máy chuyên trách QLRR và KSNB;
- Có quy trình và phương pháp QLRR;



- Rủi ro luôn được theo dõi và cập nhật để có biện pháp phù hợp;
- Cán bộ và nhân viên Công ty ý thức và có trách nhiệm đối với vấn đề QLRR. Hệ thống tự đánh giá KSNB góp phần tích cực vào việc nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên đối với QLRR và KSNB;
- Các quy trình nghiệp vụ được ban hành, cập nhật và quản lý bởi bộ phận chuyên trách;
- Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ các quy trình hiện hành được thực hiện rất tốt;
- Đã và đang triển khai đưa hệ thống quản lý phê duyệt, lưu trữ quy trình truyền thống (hardcopy) sang hệ thống quản lý online giúp tối ưu hóa thời gian thực hiện các bước, thuận tiện cho việc lập hồ sơ, soát xét, phê duyệt, tra cứu thông tin đồng thời hạn chế các sai sót.

Giám sát hoạt động Kiểm toán Nội bộ

KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Tiểu ban Kiểm toán thông qua việc phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm, xem xét điều lệ hoạt động và phương pháp KTNB. Tiểu ban Kiểm toán đánh giá chức năng KTNB hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị tăng thêm đáng kể cho Công ty. Cụ thể:

- Bộ máy KTNB khá gọn nhẹ nhưng hoạt động dựa trên các thông lệ tốt nhất, đảm bảo tính độc lập và chất lượng kiểm toán.
- Điều lệ KTNB, Sổ tay KTNB cũng như thực tế hoạt động KTNB cho thấy KTNB VNM đã đạt được những yêu cầu cơ bản của KTNB khi so sánh với cuốn Cẩm nang KTNB do Bộ Tài chính và Ngân hàng Thế Giới ("WB") đồng phát hành.
- Việc phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trong quản lý chức năng KTNB giúp KTNB phát huy tốt vai trò của mình không chỉ ở yêu cầu đảm bảo tuân thủ mà còn hỗ trợ các đơn vị trong QLRR và KSNB cả trước, trong và sau khi nghiệp vụ phát sinh.
- Dù còn khó khăn về nhân sự nhưng kế hoạch KTNB 2017 đã được hoàn thành trước thời hạn.
- Kết quả KTNB cho thấy việc tuân thủ quy trình ở các đơn vị được kiểm toán được thực hiện rất tốt. Việc chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ các đơn vị trong QLRR và KSNB đã có những kết quả tốt và sẽ là ưu tiên trong các năm tới.

- Vai trò của KTNB trong Công ty được ghi nhận và ngày càng nâng cao thông qua những phản hồi tích cực từ các đơn vị được kiểm toán.

Giám sát tuân thủ và chống gian lận

Tiểu ban Kiểm toán thực hiện giám sát tính hiệu quả các hoạt động, biện pháp phòng chống gian lận, các vi phạm nội quy, điều lệ Công ty, đạo đức nghề nghiệp hoặc vi phạm pháp luật. Hiện nay Công ty đã thiết lập bộ máy để chỉ đạo và triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống gian lận.

Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập

Kết quả giám sát cho thấy đề xuất kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch kiểm toán 2017 của Kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian cũng như các yêu cầu đảm bảo chất lượng, tính độc lập, không xung đột lợi ích của kiểm toán độc lập.

Đối với việc lựa chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018, HĐQT (Tiểu ban Kiểm toán) sẽ đề xuất để trình Đại hội Cổ đông biểu quyết lựa chọn.

Trưởng Tiểu ban Kiểm toán



Đỗ Lê Hùng



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

Năm 2017 là năm bản lề của chiến lược kinh doanh 2017 - 2021 của Vinamilk. Do đó, kết quả kinh doanh năm 2017 có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm tạo đà vững tiến và tinh thần tích cực cho toàn thể nhân viên Vinamilk tiếp tục thực hiện các mục tiêu cho các năm sau.

Năm 2017 cũng là một năm đầy thử thách khi bối cảnh thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, giá nguyên vật liệu tăng cao, tình hình xuất khẩu có phần giảm sút do bị tác động bởi tình hình bất ổn chính trị ở Trung Đông và thế giới... Trước bối cảnh đó, Ban Điều hành đã bám sát chỉ đạo và Kế hoạch Kinh doanh của HĐQT, và đã có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển sản phẩm, chiến lược thị trường kinh doanh, nhanh chóng xây dựng mạng lưới phân phối phù hợp hơn, chuyển hóa các nguồn lực thành những kênh bán hàng hiệu quả hơn trong phân khúc nội địa,... nhằm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh về đúng quỹ đạo và cuối cùng là hoàn thành tất cả các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và tăng trưởng thị phần do HĐQT và ĐHCĐ đã đề ra trong năm 2017. Cụ thể, Vinamilk đã đạt 100,3% về chỉ tiêu doanh thu hợp nhất (trong đó, doanh thu nội địa tăng 13,6% và xuất khẩu giảm 23%) và đạt 105,6% về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất, thị phần toàn ngành sữa tăng thêm 2% so với chỉ tiêu là tăng 1% và vẫn tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường ngành sữa toàn quốc.

Ban Điều hành báo cáo kết quả của những hoạt động chính trong năm 2017 như sau:

1. Phân tích tình hình tài chính

Công ty duy trì sự ổn định tài chính trong năm 2017 với tăng trưởng tốt so với năm 2016 ở các chỉ tiêu chính như doanh thu, lợi nhuận. Các chỉ tiêu khác như vốn lưu động, tài sản dài hạn vẫn được quản lý chặt chẽ. Vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tăng lên lần lượt là 6,5% và 18% so với năm 2016.

Chỉ tiêu	2017 (tỷ đồng)	2016 (tỷ đồng)	% tăng / (giảm)
Tổng doanh thu	51.135	46.965	8,9%
Lợi nhuận trước thuế	12.229	11.238	8,8%
Lợi nhuận sau thuế	10.278	9.364	9,8%
Tổng tài sản	34.667	29.379	18,0%
Vốn chủ sở hữu	23.873	22.406	6,5%
Vốn cổ phần	14.515	14.515	0,0%
Tổng nợ phải trả	10.794	6.973	54,8%

Về quản lý vốn lưu động:

Vốn bằng tiền: Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao mang lại, Công ty luôn duy trì giá trị vốn bằng tiền ở mức cao và quản lý dòng tiền này một cách có hiệu quả và an toàn. Chính sách quản lý rủi ro được thiết lập để đảm bảo rằng các khoản tiền gửi kỳ hạn ở mức an toàn cao và linh hoạt để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm.

- Nợ phải thu khách hàng: Chiếm 18% tài sản ngắn hạn. Trong năm không phát sinh các khoản nợ khó đòi đáng kể, Công ty duy trì tốt chính sách quản lý các khoản phải thu. Kể từ giữa tháng 11/2017, Công ty thay đổi chính sách công nợ đối với khách hàng nội địa. Theo đó, thời gian thanh toán của khách hàng được tăng lên nhằm hỗ trợ bán hàng tốt hơn. Việc thay đổi này đã làm số dư nợ phải thu khách hàng tăng lên và làm giảm vòng quay nợ phải thu từ 21,3 lần xuống còn 17,6 lần. Công ty nhận định việc thay đổi chính sách này tạo ra ảnh hưởng tích cực cho Công ty và các chính sách khoản phải thu được quản lý hiệu quả, tạo ra lợi thế cạnh tranh nhất định trên thị trường trong nước.
- Hàng tồn kho: Chiếm 20% tài sản ngắn hạn. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ so với năm 2016 từ 5,8 lần lên 6,2 lần, duy trì sự hợp lý và ổn định, phù hợp với chính sách quản lý hàng tồn kho của Công ty. Công ty không phát sinh hàng tồn kho chậm lưu chuyển nào đáng kể trong 2017 cũng như trong nhiều năm qua.
- Nợ phải trả ngắn hạn: chỉ chiếm 11% tổng nguồn vốn. Vào cuối năm, Công ty áp dụng chính sách thanh toán mới với sự tham gia của một số ngân hàng cho vay dựa trên giá trị hóa đơn phải trả của Công ty đối với một số nhà cung cấp. Chính sách này giúp cho Công ty giảm vòng quay khoản phải trả xuống còn 8,21 lần trong năm 2017 so với 10,29 lần trong năm 2016. Việc này góp phần vào việc hệ số nợ / vốn chủ sở hữu tăng trong năm. Công ty đã và đang duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

Về quản lý vốn dài hạn:

- Chiếm 41% tổng tài sản, chủ yếu là tài sản cố định hữu hình liên quan đến các nhà máy sản xuất của Công ty. Trong năm, tài sản cố định tăng 30%, từ 7.916 tỉ đồng lên 10.290 tỉ đồng, trong đó có việc đầu tư vào các trang trại mới tại các công ty con nhằm đảm bảo tính ổn định cho nguồn cung sữa tươi nguyên liệu. Công ty đang duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới để đảm bảo rằng việc quản lý tài sản hiệu quả nhất, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Với kết quả kinh doanh tốt và việc quản lý tài chính chặt chẽ, Công ty đã đem lại cho cổ đông thêm một năm với các chỉ số tài chính luôn ở mức an toàn.

Chỉ tiêu	2017	2016	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,99	2,89	lần
Hệ số thanh toán nhanh	1,58	2,16	lần
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	31%	24%	
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	45%	31%	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	6,2	5,8	lần
Vòng quay các khoản phải thu	17,6	21,3	lần
Vòng quay các khoản phải trả	8,21	10,29	lần
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,59	1,65	lần
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	20%	20%	
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	44%	43%	
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	32%	33%	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	24%	24%	

2. Hoạt động marketing

Kết thúc năm 2017, tổng thị phần ngành sữa của Vinamilk tăng thêm 2%, khẳng định mạnh mẽ vị thế dẫn đầu của Công ty trên thị trường. Đây là năm thắng lợi nổi bật, đánh dấu thêm một mốc son thành công về hoạt động marketing của Vinamilk, mà đáng kể nhất ở các khía cạnh sau:

- Với việc không ngừng nỗ lực tung ra thị trường gần 20 sản phẩm mới thuộc các ngành hàng sữa nước, sữa bột, sữa chua ăn, sữa chua uống, bột dinh dưỡng, sữa đậu nành, kem và nước giải khát..., việc cải tiến đã giúp cho người tiêu dùng có sự trải nghiệm phong phú và tiện lợi hơn với nhiều lựa chọn trong việc chọn lựa sản phẩm phù hợp nhất. Đặc biệt gây ấn tượng với dòng sản phẩm sữa tươi organic chuẩn Châu Âu đầu tiên tại Việt Nam, tiên phong trong phân khúc sản phẩm organic thiên nhiên thuần khiết và dòng sản phẩm sữa bột trẻ em Optimum Gold, tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trong phân khúc cao cấp.
- Không chỉ chú trọng kênh tiếp thị truyền thống, hoạt động truyền thông tiếp thị số (digital communication) tiếp tục được đẩy mạnh thông qua kênh Youtube riêng của Vinamilk và các mạng xã hội. Việc quảng bá sản phẩm được lồng ghép khéo léo vào những video clip ca nhạc với sự góp mặt của các nhân vật công chúng cùng lời bài hát biến tấu phù hợp với từng sản phẩm quảng bá của Vinamilk. Qua đó vừa thể hiện sự nhanh nhạy trong việc bắt kịp các xu hướng nổi bật cũng như góp phần đưa sản phẩm tới gần người tiêu dùng hơn. Đáng chú ý là clip ca nhạc "Vợ Người Ta" (<https://www.youtube.com/watch?v=j76-OaPxqXY>) cho nhãn hiệu sữa bột trẻ em Dielac đã đạt hơn 100 triệu lượt xem và đạt giải quán quân trên bảng xếp hạng Youtube Ad Leaderboard Châu Á Thái Bình Dương 2017.

3. Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)

- Đẩy mạnh nghiên cứu nhằm đa dạng hóa các ngành hàng của Công ty và phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu; đồng thời nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới để cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và phát triển sản phẩm, phù hợp xu hướng tiêu dùng của người tiêu dùng trong nước và quốc tế.
- Bên cạnh đó, việc đảm bảo trách nhiệm cộng đồng luôn được chú trọng và không ngừng nâng cao. Cụ thể, trong năm 2017 đã có khoảng 20 sản phẩm mới cũng như cải tiến được tung ra thị trường, tập trung vào các ngành hàng sữa bột, sữa bột pha sẵn, sữa nước, sữa chua và thực phẩm.
- Để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, khối R&D tăng cường việc hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia đầu ngành của Việt Nam và Quốc tế trong lĩnh vực dinh dưỡng - thực phẩm và các nhà cung cấp hàng đầu thế giới về giải pháp dinh dưỡng và công nghệ sản xuất để thực hiện các thử nghiệm trong công tác phát triển sản phẩm và thực hiện nhiều nghiên cứu lâm sàng để đánh giá hiệu quả của các sản phẩm dinh dưỡng.
- Nổi bật là chương trình hợp tác với Viện dinh dưỡng quốc gia ("VNIN") trong việc xây dựng công thức và kiểm chứng lâm sàng sản phẩm sữa lỏng phù hợp cho lứa tuổi học đường và việc hợp tác nghiên cứu để phát triển thành công các sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ cùng các sản phẩm dinh dưỡng đặc trị có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, cạnh tranh ngang bằng với sản phẩm của các tập đoàn dinh dưỡng hàng đầu thế giới.
- Ngoài mục đích nắm bắt kịp thời nhu cầu tiêu dùng, cải thiện hiệu quả sản phẩm và nâng cao giá trị cộng thêm cho khách hàng, Trung tâm dinh dưỡng và Phòng khám An Khang của Công ty đã kết hợp công tác tư vấn dinh dưỡng và khám bệnh thực tế bằng nhiều hình thức như tổ chức các trung tâm tư vấn, hỗ trợ sức khỏe; có các bài viết truyền thông về dinh dưỡng, sản phẩm; các buổi giao lưu tư vấn online, trực tuyến cũng như phát triển các kênh truyền thông điện tử và câu lạc bộ về sức khỏe như đái tháo đường.

4. Hoạt động kinh doanh phân phối

Kinh doanh nội địa

- Trong tình hình ngành hàng tiêu dùng nhanh tăng trưởng trên 10% cũng như giá trị toàn ngành sữa tiếp tục tăng mạnh, hoạt động kinh doanh phân phối của Vinamilk ghi nhận nhiều thành quả ấn tượng.
- Thành quả này là kết quả cộng hưởng từ việc Vinamilk không ngừng mở rộng hệ thống phân phối, số điểm bán lẻ của Vinamilk đạt gần 251.000 điểm được phục vụ trực tiếp bởi 202 nhà phân phối và chuỗi cửa hàng "Giấc mơ sữa Việt" đạt 418 cửa hàng, trên 3.250 siêu thị và cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc đều bán các sản phẩm Vinamilk. Một điểm chấm phá mới trong việc tăng sự thuận tiện cho người tiêu dùng là sự ra đời của kênh thương mại điện tử với sự hợp tác của đối tác đáng tin cậy và hệ thống cửa hàng "Giấc mơ sữa Việt".

- Việc chủ động đưa ra kịp thời và hiệu quả các hoạt động tiếp thị khuyến dùng là một nhân tố quan trọng trong việc đạt được thành công trong việc gia tăng thị phần và giữ vững vị thế Vinamilk trên thị trường.
- Cuối cùng, không thể không đề cập đến cuộc cách mạng trong hệ thống phân phối là chương trình tái cấu trúc và tăng cường năng lực hệ thống các nhà phân phối. Các nhà phân phối đã được tái quy hoạch theo hướng gia tăng độ lớn, nâng mức thỏa mãn điểm lẻ và đạt hiệu quả cao khi khai thác tốt lợi thế độ lớn.

Kinh doanh quốc tế

- Năm 2017, hoạt động kinh doanh quốc tế đánh dấu bước chuyển từ mô hình xuất khẩu hàng hóa truyền thống sang các hình thức hợp tác sâu với các đối tác phân phối tại các thị trường trọng điểm mới, giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường truyền thống.
- 04 thị trường mới mở trong năm 2017 là New Zealand, Brunei, Madagascar và Yemen. Tổng cộng, Vinamilk đã xuất khẩu trực tiếp đến 35 nước chỉ riêng trong năm 2017 với trọng tâm tại các thị trường mới tại Châu Phi và các nước Đông Nam Á bên cạnh thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông.

5. Hoạt động mua hàng và chuỗi cung ứng

- Công tác mua hàng được hoàn thiện và nâng cao thông qua việc áp dụng tốt cơ chế đấu giá, chào giá minh bạch, công khai với 100% nhà cung cấp nội địa, đã mang lại sự tối ưu trong chi phí và sự bền vững và đa dạng hóa các nguồn cung nguyên vật liệu.
- Chiến lược mua hàng đủ và kịp thời (Just in time) đã được áp dụng cùng với công tác tối ưu hóa việc quản lý hàng tồn kho và quy hoạch kho bãi tại các đơn vị trực thuộc đã mang lại hiệu quả đáng kể trong công tác kiểm soát hàng tồn kho và vòng quay vốn so với năm trước.
- Công tác quy hoạch, tái cơ cấu và cải tiến hệ thống kho đã được nâng cấp theo mô hình kho thông minh, áp dụng công nghệ tự động hóa, tối ưu diện tích, tăng máy móc thiết bị và giảm lao động thủ công.



6. Hoạt động sản xuất

- Với vị thế là Công ty dẫn đầu thị trường sữa Việt Nam, các quy trình sản xuất luôn được đảm bảo với chuẩn mực cao nhất. Trong năm 2017, các nhà máy đã hoàn tất việc đánh giá định kỳ hệ thống FSSC 22000 và điều chỉnh các quy trình tuân theo chuẩn mực quốc tế như FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), ISO/TS22000. Hơn hết, các quy trình hoạt động của nhà máy luôn đảm bảo các vấn đề về sức khỏe, môi trường và phát triển bền vững.
- Nguồn lực sản xuất luôn được vận hành với công suất tối ưu, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Các dự án xây gia tăng năng lực sản xuất được tiến hành đúng tiến độ, đảm bảo đủ nguồn lực sản xuất cho nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó là gia tăng và áp dụng sâu ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý tài sản và kỹ thuật; đồng thời liên tục cập nhật thêm các công nghệ mới trong công tác sản xuất sản phẩm dinh dưỡng.

7. Đầu tư các dự án nâng cao năng lực sản xuất

- 20 dự án lớn nâng cao năng lực sản xuất và mở rộng kho bãi, trang trại đã được triển khai trong năm 2017, với tổng mức đầu tư hơn 5.000 tỷ đồng. Các dự án được phân tích, lập kế hoạch, đánh giá kỹ lưỡng và phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả, đảm bảo các dự án được triển khai kịp thời, đáp ứng nhu cầu của Công ty và thị trường.
- 100% dự án có kế hoạch hoàn thành trong năm 2017 đã được đưa vào sản xuất thương mại đúng tiến độ. Tổng mức đầu tư thực tế giảm 9% so với tổng mức đầu tư kế hoạch. Trong đó, một số dự án lớn như đầu tư mới 04 dây chuyền rót Fino 220ml, 01 dây chuyền sản xuất sữa chua uống SuSu, 01 dây chuyền sản xuất sữa chua uống Probi 130ml và 01 dây chuyền sản xuất sữa chua uống Probi 400/700ml. Các dây chuyền mới này được đầu tư với công nghệ hiện đại, công suất cao từ những nhà cung cấp có uy tín cao trên thị trường quốc tế.
- Các quy trình, quy định trong công tác chuẩn bị và triển khai dự án được thực hiện theo hướng ngày càng tinh gọn, gia tăng hiệu quả và tốc độ triển khai các dự án.

8. Nhân sự

- Quản lý lao động – tiền lương: Rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Khối, công ty con, chuẩn hóa các bản mô tả công việc. Tiếp nhận, bố trí công việc và thiết kế các chương trình đào tạo, huấn luyện, luân chuyển công việc cho nhóm nhân viên được đào tạo tại Nga (Khóa 2012 – 2017). Phối hợp với Công ty Anphabe triển khai hoạt động khảo sát “Nguồn Nhân Lực Hạnh Phúc – Happiness At Work” nhằm ghi nhận và đánh giá quan điểm của người lao động về các khía cạnh liên quan đến môi trường làm việc tại Vinamilk.
- Công tác tuyển dụng lao động: Triển khai các hoạt động xây dựng hình ảnh, thương hiệu nhà tuyển dụng Vinamilk qua các website tuyển dụng trực tuyến hàng đầu tại Việt Nam: Vietnamworks.com, Anphabe.com, Jobstreet.com...
- Công tác đào tạo – phát triển: Tiếp tục phát triển, đào tạo đội ngũ trong Chương trình Quản trị nhân tài 2016. Triển khai Chương trình Đào tạo – Phát triển Quản trị viên tập sự thông qua việc tổ chức cho Quản trị viên tập sự luân chuyển và tự học theo tài liệu Harvard ManageMentor. Tiếp tục Chương trình Hoạch định nhân sự kế thừa cho các vị trí trọng yếu cấp cao và cấp trung giai đoạn 2017 – 2021.
- Công tác đánh giá năng lực: Ban hành “Bộ năng lực Cốt lõi và Lãnh đạo” và “Quy trình Đánh giá Năng lực Cốt lõi và Năng lực Lãnh đạo”. Triển khai, hướng dẫn đánh giá thử nghiệm năng lực đối với cấp Quản lý và xây dựng kế hoạch hành động dựa trên kết quả đánh giá.

9. Tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty con

Hoạt động của các công ty con trong nước

Các công ty con trong nước bao gồm:

- » 100%, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam (“BSVN”).
- » 100%, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa (“BS TNTH”).
- » 65%, Công ty Cổ phần Đường Việt Nam (“Vietsugar”).
- Nghiệp vụ mua lại Vietsugar được thực hiện vào ngày 01/11/2017. Do đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp được mua đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn từ ngày được mua lại đến ngày 31/12/2017 được xác định là không đáng kể. Vì vậy, hoạt động của các công ty con

trong nước chủ yếu là của BSVN và BS TNTH. Hoạt động chính của 02 công ty này là xây dựng, điều hành, quản lý và phát triển hệ thống trang trại bò sữa toàn quốc của Vinamilk. Cuối năm 2017, 02 công ty này quản lý tổng cộng 10 trang trại bò sữa với tổng đàn là 23.395 con. Trong đó, BSVN quản lý 09 trang trại với tổng đàn là 20.851 con và BS TNTH quản lý 01 trang trại với tổng đàn là 2.544 con.

Chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp và công nghệ cao

- Vinamilk tự hào là doanh nghiệp sữa Việt Nam luôn tiên phong trong lĩnh vực chăn nuôi bò sữa. Vinamilk đã mạnh dạn đầu tư và áp dụng sáng tạo công nghệ tiên tiến vào điều kiện đặc thù về môi trường và khí hậu tại Việt Nam. Vinamilk đã có những kết quả rất thành công trong chiến lược phát triển hệ thống trang trại chăn nuôi bò sữa công nghệ cao từ Bắc tới Nam. Đồng thời, Vinamilk đã và đang hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho bà con chăn nuôi bò sữa trong cả nước.
- Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Vinamilk không ngừng học hỏi, hợp tác với các chuyên gia nước ngoài nghiên cứu, nâng cấp và đầu tư mới máy móc thiết bị chuyên dụng hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế cho các trang trại bò sữa của Công ty. Tiêu biểu phải kể đến:

» Giàn vắt sữa hiện đại, đời mới nhất có khả năng vắt đến 100 con/lượt.



» Hệ thống silo cung cấp thức ăn tinh tự động



» **Hệ thống làm mát tự động:** Trong chăn nuôi bò sữa, tiêu khí hậu chuồng nuôi đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là vào thời điểm mùa hè, bò bị stress nhiệt rất lớn. Với việc đầu tư hệ thống làm mát bao gồm hệ thống quạt và phun mưa giúp cho đàn bò của Vinamilk tăng năng suất sữa thêm 2 - 3kg/bò vắt sữa/ngày so với trước khi có hệ thống làm mát. Trong năm 2017, hệ thống làm mát này được nâng cấp và hoạt động tự động bằng cách lắp đặt thêm tủ điều khiển THI (điều khiển quạt, vòi phun theo nhiệt độ, độ ẩm trong chuồng và tốc độ gió bên ngoài) bằng PLC, một hệ tích hợp điều khiển các tổ hợp thiết bị đi cùng vận hành và điều khiển thông minh. Hệ thống tích hợp các chức năng điều khiển quạt, phun mưa tắm mát theo nhiệt độ và độ ẩm trong chuồng, tạo môi trường nuôi tối ưu cho bò.



Chuồng mát điều khiển tự động theo THI

» **Robot gạt thức ăn:** Vinamilk đã tăng cường áp dụng công nghệ tự động hóa để tăng năng suất lao động tại các trang trại. Với mục tiêu vun vén, đẩy thức ăn giúp tạo phân xạ có điều kiện cho bò, nâng cao việc tiếp nhận thức ăn, giúp cải thiện năng suất sữa. Vinamilk đã nghiên cứu và nhập khẩu những lô hàng "Robot gạt thức ăn" từ các nước có trình độ khoa học tiên tiến như Mỹ, Úc, Hà Lan,... nhằm tăng tính tự động hóa trong hoạt động của các trang trại. Robot được lập trình tự động thông qua kết nối bluetooth với một chiếc smartphone nhỏ gọn. Robot được trang bị với mô tơ động cơ điện tiết kiệm năng lượng, vì vậy chi phí vận hành rất thấp và giảm lượng CO₂ thải ra môi trường. Khi vận hành, robot còn phát các bản nhạc giao hưởng, cổ điển nhẹ nhàng, tạo không khí êm dịu cho đàn bò.



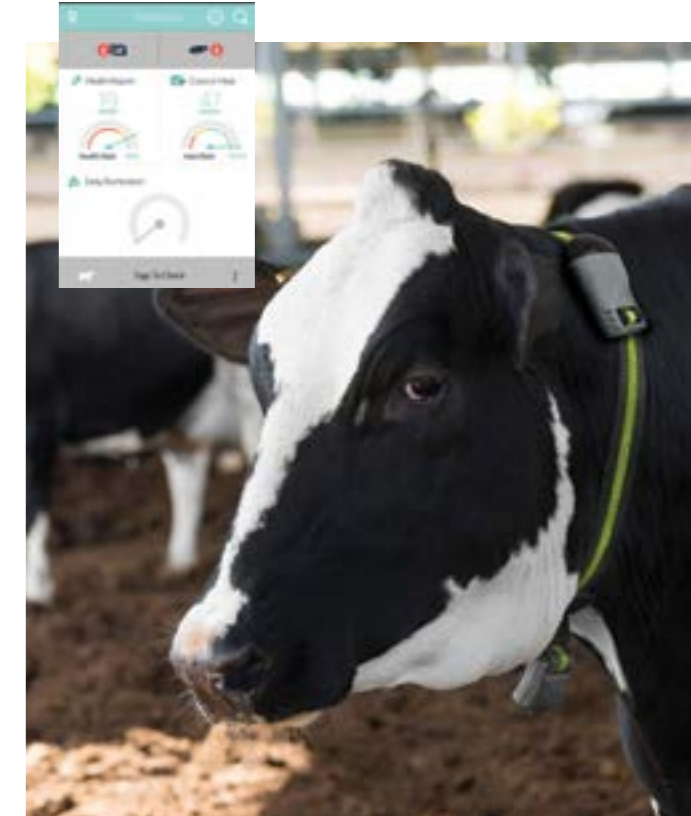
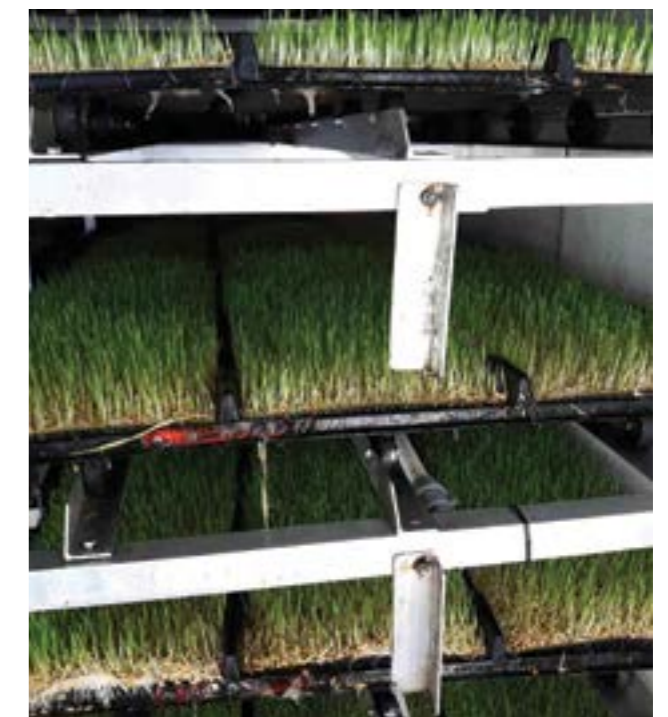
Robot gạt thức ăn tự động

» **Hệ thống quản lý đàn, theo dõi sức khỏe thông qua tần suất vận động và nhai lại:** Tỷ lệ vàng của trang trại bò sữa hoạt động hiệu quả là luôn duy trì tỷ lệ bò vắt sữa ở mức 50%/tổng đàn. Để đạt được tỷ lệ vàng kể trên công tác theo dõi sức khỏe, phát hiện sớm biểu hiện bất thường rất quan trọng. Hệ thống chip hoạt động hiện đại (SCR / GEA) tại các trang trại của Vinamilk có thể phát hiện và cảnh báo sớm với tỷ lệ chính xác cao trên 90%. Hệ thống tích hợp vào ứng dụng cài đặt trên smartphone từ đó các bộ phận phụ trách có thể theo dõi 24/7 và có giải pháp can thiệp kịp thời từ xa.

» **Máy phun men ủ chua tự động:** Trước đây, quá trình phun men được thực hiện hoàn toàn thủ công. Thức ăn thô xanh sau khi băm cắt sẽ được đưa vào hố ủ. Sau đó sẽ có 01 đến 02 nhân công (tùy thuộc độ lớn của hố) sẽ đi phun từng lớp thức ăn, tuần tự được thực hiện như vậy đến khi xong hố ủ. Do đó, việc phun men không ổn định, men không được phun đều lên thức ăn thô xanh, dễ bị ảnh hưởng bởi yếu tố chủ quan, tốn thêm chi phí cho nhân công vận hành.

Hiện nay, thức ăn được băm bằng các máy băm chuyên dụng kết hợp phun men trực tiếp tại vòi thoát liệu. Bộ phun men hoạt động hoàn toàn tự động bằng cảm biến tiệm cận để nhận biết thức ăn được băm phun ra. Với hệ thống hiện đại này, chất lượng thức ăn ủ chua được đảm bảo; từ đó giúp tăng sản lượng và chất lượng sữa và giảm chi phí vận hành và lượng men sử dụng.

» **Sử dụng cỏ mầm Barley cho bò sữa:** Trên thế giới cỏ mầm Barley được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực thực phẩm chức năng do có hàm lượng Vitamin và khoáng chất cao, tăng cường sức khỏe. Vinamilk đã áp dụng sản xuất cỏ mầm cho đàn bò sữa Organic tại Đà Lạt. Trong cỏ mầm Barley có nhiều Vitamin E, Vitamin D, giúp cải thiện khả năng sinh sản cho bò, tăng hàm lượng Vitamin trong sữa.



Chip điện tử theo dõi sức khỏe



Hoàn thành xây dựng, đưa vào hoạt động các trang trại hiện đại, quy mô lớn:

» **Trang trại Bò sữa Organic:** Trong năm 2017, Vinamilk đã chính thức đưa vào hoạt động Trang trại Bò sữa Organic đầu tiên tại Việt Nam. Trang trại được Tổ chức Chứng nhận Quốc tế Control Union công nhận đạt chuẩn Organic Châu Âu. Trang trại đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe theo nguyên tắc 3 không: không sử dụng hóa chất, không sử dụng thành phần biến đổi gen, không hormone tăng trưởng. Bò Organic được chăn thả tự nhiên trên đồng cỏ hữu cơ, cho ra nguồn sữa tươi thuần khiết, thiên nhiên, đưa sản phẩm sữa organic gần với người dân Việt Nam hơn bao giờ hết. Không dừng lại ở đó, cán bộ kỹ thuật chăn nuôi thú ý của Vinamilk không ngừng tìm tòi, cải tiến trong việc chăm sóc sức khỏe đàn bò hữu cơ này. Trang trại Bò sữa Organic của Vinamilk đã bước đầu thành công với việc trồng cỏ mầm trong container lạnh và sử dụng trong khẩu phần cho đàn bò vắt sữa giúp tăng cường sức khỏe, cải thiện năng suất và chất lượng sữa.

· Trang trại Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa 1 qui mô 4.000 con:



Trang trại Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa 1

· Trang trại Bò sữa Tây Ninh qui mô 8.000 con



Trang trại Bò sữa Tây Ninh

Những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thành công của các trang trại, đã cho thấy hướng phát triển đúng đắn cho mô hình chăn nuôi tập trung hiện đại:

- Sản lượng bình quân: 280 tấn sữa / ngày.
- Lợi nhuận toàn công ty bò sữa năm 2017 tăng 169% so với năm 2016.
- Giá vốn sữa tươi nguyên liệu bình quân giảm 9% so với cùng kỳ, đây là một minh chứng rõ ràng cho việc quy hoạch lại các vùng canh tác, đầu tư công nghệ tự động hóa vào trồng trọt và chế biến thức ăn.
- Năng suất sữa bình quân tăng 7% so với cùng kỳ, năm 2017 đã có các trang trại đạt ngưỡng bình quân 32 kg/ bò vắt sữa/ ngày.
- Công ty được công nhận là Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chất lượng sữa luôn được đảm bảo, hệ thống các trang trại đều được chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và GlobalGAP khắt khe của Thế giới.

» **Hợp tác toàn diện và đồng hành cùng nông hộ:**

Hiện Vinamilk quản lý hơn 80 trạm thu mua sữa trên phạm vi cả nước với tổng đàn bò trong dân hơn 100.000 con, mỗi ngày cung cấp trên 600 tấn sữa tươi. Dự kiến đến năm 2020 tổng đàn bò trong dân sẽ tăng lên khoảng 160.000 - 180.000 con. Các trạm thu mua sữa, ngoài nhiệm vụ chính là thu mua sữa tươi nguyên liệu, còn thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cho nông hộ về chăn nuôi bò sữa như phân phối thức ăn chăn nuôi, dung dịch vệ sinh vắt sữa, tư vấn, chuyển giao công nghệ và kiểm soát dịch bệnh... các hoạt động này đã và đang được bà con đón nhận và thực sự tin tưởng.

Trong năm 2017, Vinamilk đã xây dựng mới thêm hai trạm thu mua sữa tại khu vực Lâm Đồng là Tutra và Đạ Ròn.



Hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Củ Chi

Tất cả nguồn sữa tươi ở khu vực TP.HCM và phụ cận sẽ được tập trung về đây, sau khi được kiểm soát chất lượng sẽ được điều phối cho tất cả các nhà máy tại khu vực TP.HCM và Bình Dương. Trung tâm được trang bị máy móc thiết bị hiện đại bao gồm kho lạnh để chứa mẫu tập trung; Hệ thống máy phân tích nhanh, trả kết quả tới từng hộ dân; Hệ thống vệ sinh (CIP) tự động, giúp các xe bồn của các trạm sữa được sử dụng chế độ vệ sinh tiên tiến, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Hệ thống các bồn làm lạnh sữa nhanh, thể tích lớn, tính linh hoạt cao vừa có thể tiếp nhận sữa của các trạm thu mua khi cần thiết, vừa có thể tiếp nhận trực tiếp sữa nông dân. Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Củ Chi đã đưa mạng lưới thu mua sữa tươi nông hộ ở khu vực có sản lượng cao nhất cả nước đi lên một tầm mới với sự thống nhất về chất lượng, tận dụng được các nguồn lực và tương tác với hộ nông dân hiệu quả hơn.



Chuẩn hóa đội ngũ chuyên môn

- Chủ động nguồn nhân lực chất lượng cao: Nhân sự có trình độ chuyên môn về chăn nuôi thú y đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các trang trại chăn nuôi bò sữa. Do vậy, hàng năm Công ty tổ chức tuyển chọn rất nhiều người lao động có trình độ trên khắp cả nước. Tổ chức đào tạo, huấn luyện, đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững, đảm bảo kế thừa cho Công ty.
- Kết nối chuyên gia đầu ngành của thế giới: Vinamilk đã và đang hợp tác, xây dựng một mạng lưới, kết nối tới các chuyên gia đầu ngành trên thế giới về chăn nuôi bò sữa để tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao khoa học kỹ thuật... từ đó đưa trình độ chăn nuôi của Việt Nam tiệm cận tới trình độ của các nước có ngành chăn nuôi bò sữa phát triển.

Hoạt động của các công ty con ở nước ngoài

NĂM 2017
TỔNG DOANH
THU ĐẠT

**HƠN
122
TRIỆU USD**

Driftwood Dairy Holdings Corporation

Tháng 05/2016, Vinamilk chính thức nắm giữ 100% cổ phần của Driftwood Dairy Holdings Corporation, một trong những nhà sản xuất sữa lâu đời và dẫn đầu thị trường ở Nam California, Mỹ. Driftwood có lượng sản phẩm bán ra thị trường rất đa dạng, trong đó sản phẩm chủ lực là sữa tươi và nước trái cây bán vào các trường học ở Nam California. Bên cạnh đó, Driftwood cũng bán sản phẩm vào các kênh nhà hàng khách sạn, nhà phân phối...

Năm 2017, tổng doanh thu Driftwood đạt hơn 122 triệu USD, tương đương hơn 2.785 tỷ đồng.

Angkor Dairy Products Co., Ltd.

Tháng 10/2015, Công ty Angkor Dairy Products ("Angkormilk") tại Campuchia đi vào sản xuất thương mại và bán ra thị trường các mặt hàng sữa tươi tiệt trùng và sữa chua. Tháng 03/2017, Vinamilk chính thức nắm giữ 100% cổ phần của Angkormilk sau thương vụ nhận chuyển nhượng cổ phần từ đối tác BPC. Năm 2017, tổng doanh thu Angkormilk đạt 20,33 triệu USD, tương đương 461 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2016. Công ty đã có lợi nhuận ngay từ năm đầu hoạt động và đã phát triển nhà phân phối ở tất cả các tỉnh thành của Campuchia.

Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia

Ngày 27/05/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 709/BKHTEL-TELRNN cho Công ty về việc góp 100% vốn thành lập công ty con tại Ba Lan.

Mục tiêu chính của công ty là thu mua nguyên liệu sản xuất sữa phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Vinamilk và các công ty con. Năm 2017, tổng sản lượng xuất khẩu của công ty con này đạt gần 17.000 tấn bột sữa, với tổng doanh thu xấp xỉ 32,4 triệu USD.

TĂNG
61%
SO VỚI
NĂM 2016

XUẤT KHẨU
GẦN
**17.000
TẤN**
BỘT SỮA



10. Các danh hiệu, giải thưởng nổi bật

Trong năm 2017, Vinamilk tiếp tục nhận được rất nhiều giải thưởng, danh hiệu của trong và ngoài nước. Sau đây là một số giải thưởng nổi bật:



Giải thưởng quốc tế



VINAMILK - CÔNG TY HÀNG TIÊU DÙNG NHANH DUY NHẤT CỦA VIỆT NAM NẸM TRONG DANH SÁCH 2000 CÔNG TY NIÊM YẾT LỚN NHẤT TOÀN CẦU

Tạp chí Forbes công bố danh sách Global 2000 - Top 2000 công ty niêm yết lớn nhất toàn cầu. Theo đó, Vinamilk là 1 trong 4 công ty Việt Nam lọt vào danh sách này với doanh thu và vốn hóa lần lượt là 2,1 tỷ USD và 9,1 tỷ USD. Xét về vốn hoá thì Vinamilk là công ty có giá trị vốn hoá lớn nhất trong 4 công ty của Việt Nam được lọt vào danh sách Global 2000 của năm nay. Điều đặc biệt, Vinamilk là công ty duy nhất trong ngành hàng tiêu dùng nhanh nói chung và ngành sữa nói riêng có mặt trong danh sách Global 2000. (Forbes)



VINAMILK LÀ ĐẠI DIỆN DUY NHẤT CỦA VIỆT NAM VÀO TOP 10 DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC NHẤT CHÂU Á

Tập đoàn truyền thông hàng đầu Nhật Bản - Nikkei Asian Review đã công bố danh sách 300 doanh nghiệp niêm yết uy tín và có giá trị nhất Châu Á. Trong đó, Vinamilk là đại diện Việt Nam duy nhất lọt vào Top 10 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Châu Á và cũng là công ty duy nhất trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống (F&B) của Châu Á ghi tên vào Top 10. (Nikkei Asia Review)



VINAMILK DẪN ĐẦU BẢNG XẾP HẠNG QUẢNG CÁO YOUTUBE KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Google công bố bảng xếp hạng 10 quảng cáo ấn tượng nhất trên YouTube trong hơn 1 năm (7/2016 - 7/2017) trên khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Trong đó, quảng cáo của nhãn hàng sữa bột Dielac Alpha - Vinamilk với tên gọi: "Bí quyết nuôi con phát triển toàn diện" - Phiên bản "Vợ Người Ta" đã vượt qua các quảng cáo của các thương hiệu lớn khác để đoạt vị trí đứng đầu, minh chứng cho sức sáng tạo bùng nổ của đội ngũ thực hiện và sức hút mạnh mẽ của thương hiệu Vinamilk. (Youtube)



VINAMILK 6 NĂM LIỀN LỘT TOP "50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM"

Vinamilk tiếp tục được xếp hạng trong Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2016 do tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn. Đặc biệt, đây là lần thứ 6 liên tiếp Vinamilk đạt danh hiệu uy tín này. (Nhịp cầu đầu tư)



VINAMILK LÀ CÔNG TY UY TÍN NHẤT NGÀNH THỰC PHẨM TẠI VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đã công bố Top 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm - đồ uống năm 2017 tại Việt Nam. Trong đó Công ty Vinamilk đã dẫn đầu bảng xếp hạng này. (Vietnam Report)



VINAMILK ĐỨNG ĐẦU BẢNG XẾP HẠNG TOP 10 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT UY TÍN NĂM 2017

Vinamilk đứng đầu Bảng xếp hạng Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín năm 2017 do Vietnam Report công bố tháng 12/2017. Đặc biệt đây là năm thứ 3 liên tiếp Vinamilk được bình chọn dẫn đầu với tỉ lệ lựa chọn cao nhất (Vietnam Report)



Giải thưởng trong nước



VINAMILK - THƯƠNG HIỆU SỮA DUY NHẤT 21 NĂM LIỀN NHẬN GIẢI THƯỞNG HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

Vinamilk là 1 trong 40 doanh nghiệp được người tiêu dùng bình chọn đạt chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao 21 năm liền do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao công bố. (Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao)



VINAMILK DẪN ĐẦU VIỆT NAM VỚI GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU HƠN 1,7 TỶ USD

Danh sách "40 thương hiệu công ty có giá trị nhất Việt Nam" được công bố bởi Forbes Việt Nam đã vinh danh Vinamilk đứng đầu danh sách với trị giá hơn 1,7 tỷ USD. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp Vinamilk dẫn đầu danh sách này với giá trị thương hiệu tăng 13% so với năm 2016 và lớn gấp đôi giá trị thương hiệu doanh nghiệp xếp thứ hai. (Forbes Vietnam)



VINAMILK 3 NĂM LIỀN TIẾP NẸM TRONG TOP NHỮNG THƯƠNG HIỆU ĐƯỢC LỰA CHỌN NHIỀU NHẤT Ở VIỆT NAM

Bảng xếp hạng Brand Footprint - Dấu chân thương hiệu năm 2017 do Kantar Worldpanel công bố, đã vinh danh Vinamilk là thương hiệu được lựa chọn nhiều nhất tại Việt Nam 3 năm liền. Điều này cho thấy "dấu ấn thương hiệu" của Vinamilk trong tâm trí người tiêu dùng Việt Nam vẫn đang được duy trì và tiếp tục phát triển. (Kantar Worldpanel)



VINAMILK 5 NĂM LIỀN NẸM TRONG TOP DẪN ĐẦU THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM

Vinamilk vinh dự được vinh danh "Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2016" do Thời Báo Kinh Tế Việt Nam bình chọn. Đây là giải thưởng nhằm ghi nhận sự nỗ lực của các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và có đóng góp tích cực cho nền kinh tế quốc gia. (Thời Báo Kinh Tế Việt Nam)



SẢN PHẨM "SỮA TƯƠI VINAMILK 100%" DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Theo thông tin từ Công ty TNHH Nielsen Việt Nam, sản phẩm sữa tươi Vinamilk 100% của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Vinamilk đứng đầu về cả sản lượng lẫn doanh số bán ra trong phân khúc nhóm các nhãn hiệu sữa tươi từ năm 2015 đến tháng 07/2017. (Nielsen Việt Nam)



VINAMILK 3 NĂM LIỀN TIẾP ĐỨNG THỨ 2 TRONG TOP 100 NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM

Theo kết quả khảo sát do Mạng nghề nghiệp Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Nielsen công bố, Vinamilk nằm trong top đầu ở 3 tiêu chí là Lãnh đạo và quản lý, Chất lượng công việc và cuộc sống, Danh tiếng công ty. Ngoài ra, Vinamilk còn nhận Giải thưởng Thương hiệu Nhà Tuyển Dụng Hấp Dẫn Nhất với thể hệ Y (1986 -2000). (Anphabe & Nielsen)

Cũng trong năm 2017, Vinamilk vượt qua 199 doanh nghiệp, đứng đầu danh sách "Nhà tuyển dụng được yêu thích 2016" do mạng việc làm và tuyển dụng CareerBuilder Việt Nam công bố. (CareerBuilder Việt Nam)

DẤU ẤN VINAMILK - APEC2017



Vinamilk tự hào là đại diện Việt Nam duy nhất cung cấp các sản phẩm sữa và nước trái cây cho APEC 2017, đem đến cho bạn bè Quốc tế những sản phẩm thơm ngon được sản xuất từ nguồn nguyên liệu tự nhiên, thuần khiết nhất, đạt chất lượng quốc tế được làm ra từ chính bàn tay và khối óc người Việt.



Từ tháng 05 đến tháng 11/2017, Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC 2017 với sự tham gia của nguyên thủ quốc gia 21 nền kinh tế thành viên APEC và hàng ngàn phóng viên báo chí trong và ngoài nước. Trong chuỗi sự kiện quan trọng mang tầm quốc tế này, các sản phẩm sữa tươi, sữa chua và nước trái cây của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) đã vượt qua các sự lựa chọn, kiểm tra gắt gao để vinh dự phục vụ xuyên suốt chương trình.



Hơn nửa triệu sản phẩm Vinamilk được chọn phục vụ Hội nghị lãnh đạo cấp cao 21 nền kinh tế thành viên APEC

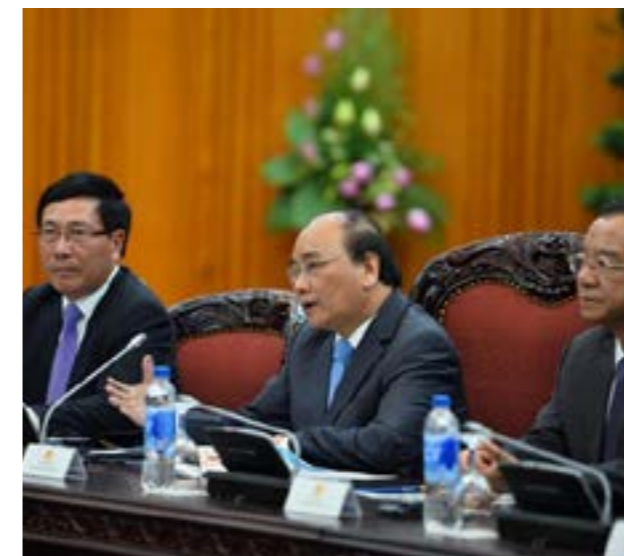
Là thành viên APEC cùng với tâm thế nước chủ nhà, các công tác tổ chức của kiện quan trọng nhất trong năm đã được Ban tổ chức chuẩn bị hết sức nghiêm túc và cẩn trọng, trong đó bao gồm việc tuyển chọn các sản phẩm dùng để phục vụ cho các vị nguyên thủ quốc gia, các đoàn đại biểu cấp cao và tại Trung tâm báo chí Quốc tế. Các sản phẩm này không những phải vượt qua các vòng kiểm tra gắt gao cả về chất lượng, an toàn thực phẩm mà còn phải bảo đảm tính thẩm mỹ và sự độc đáo khác biệt của những sản phẩm đại diện cho quốc gia và tinh hoa đất Việt.

Vinamilk vinh dự là thương hiệu quốc gia được lựa chọn để cung cấp các sản phẩm sữa và đồ uống phục vụ cho Hội nghị cấp cao APEC 2017 tại Việt Nam (bao gồm chương trình Hội nghị thượng đỉnh diễn ra tại Đà Nẵng và các sự kiện bên lề diễn ra từ tháng 05/2017 tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hạ Long, Huế, Cần Thơ, Vinh và Hội An). Cụ thể, các sản phẩm của Vinamilk được phục vụ tại các địa điểm diễn ra chương trình họp cấp cao, hội thảo, hội nghị với sự tham dự của các nhà lãnh đạo, nguyên thủ quốc gia 21 nền kinh tế thành viên APEC cùng nhiều quan chức, phái đoàn ngoại giao. Ngoài ra, các sản phẩm

của Vinamilk còn phục vụ cho Trung tâm báo chí quốc tế cho phóng viên trong và ngoài nước cùng nhiều quan khách đến từ khắp nơi trên thế giới.

Tổng số lượng sản phẩm phục vụ APEC lên tới 15.000 thùng sản phẩm, tương đương với hơn nửa triệu sản phẩm các loại. Trong đó, 3 dòng sản phẩm nằm trong phục vụ cho các chương trình gồm sữa tươi (sữa tươi Vinamilk 100%, sữa tươi organic), sữa chua (sữa chua organic, sữa chua trái cây, sữa chua uống men sống Probi) và nước trái cây Vfresh 100% (nước táo, nho, cam). Đây là những sản phẩm chủ lực của Vinamilk và rất được ưa chuộng trên thị trường Việt Nam với quy trình sản xuất khép kín từ đầu vào đến đầu ra và kiểm tra gắt gao về chất lượng.

Không chỉ được chọn cho những sự kiện cấp cao quan trọng tầm cỡ quốc tế các sản phẩm Vinamilk như nước uống đóng chai ICY nhiều năm qua vẫn được chọn để phục vụ cho các tất cả các cuộc họp và sự kiện đặc biệt của Văn phòng Quốc Hội và Chính Phủ cũng như đón tiếp các đoàn nguyên thủ quốc gia thăm và làm việc tại Việt Nam.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

“Tại Vinamilk, chúng tôi tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty tốt nhất và chúng tôi thực hiện công việc kinh doanh phù hợp với các luật, quy tắc và quy định hiện hành, bao gồm Quy chế niêm yết (“**Quy chế niêm yết**”) của HOSE. Cụ thể, Vinamilk đã cố gắng thực hiện theo các nguyên tắc và hướng dẫn của Quy định Quản trị Công ty 2012 (“**CG Code 2012**”) trong phạm vi có thể. Điều này phù hợp với các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty được chấp nhận rộng rãi trên thế giới.”

A. Các vấn đề của Hội đồng Quản trị

Nguyên tắc 1

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo các nghị quyết của ĐHCĐ các quy định pháp luật có liên quan và Quy chế niêm yết. HĐQT phải đưa ra các xét đoán kinh doanh tốt nhất và hành động có thiện chí vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Vinamilk đã thiết lập hai chính sách cơ bản là i) “Quy chế Quản trị Công ty” và ii) “Quy tắc Ứng xử” mà tất cả nhân viên phải tuân thủ. Thông tin chi tiết về các chính sách này có trên trang web của Công ty: <https://www.vinamilk.com.vn/en/he-thong-quan-tri>

HĐQT chịu trách nhiệm về lãnh đạo hoạt động kinh doanh, chỉ đạo chiến lược, mục tiêu hoạt động và thành công lâu dài của Vinamilk. HĐQT cũng tìm cách gắn liền lợi ích của HĐQT và Ban Điều hành với lợi ích của cổ đông và cân bằng lợi ích của tất cả các bên liên quan.

Tại ngày 31/12/2017, HĐQT bao gồm các thành viên sau:

1. Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch, Thành viên HĐQT độc lập Trưởng Tiểu ban Nhân sự
2. Bà Mai Kiều Liên	Thành viên HĐQT điều hành Tổng Giám đốc
3. Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên HĐQT không điều hành
4. Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên HĐQT độc lập Trưởng Tiểu ban Lương thưởng
5. Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT không điều hành
6. Ông Nguyễn Hồng Hiến	Thành viên HĐQT không điều hành Trưởng Tiểu ban Chiến lược
7. Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên HĐQT độc lập Trưởng Tiểu ban Kiểm toán
8. Ông Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT điều hành
9. Ông Lee Meng Tat	Thành viên HĐQT không điều hành

HĐQT đã bổ nhiệm Ban Thư ký Công ty và Thư ký của HĐQT như sau:

- Ông Trần Chí Sơn ⁽¹⁾
- Bà Lê Quang Thanh Trúc
- Ông Nguyễn Trung

Ghi chú: (1) Ông Trần Chí Sơn được bổ nhiệm vào ngày 15/04/2017.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT

HĐQT thừa nhận trách nhiệm tối đa trong quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty và giám sát hoạt động của Công ty vì lợi ích cao nhất của Công ty. Điều này bao gồm việc quản lý các công ty con phù hợp với kế hoạch kinh doanh cốt lõi của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ các nghị quyết của cổ đông một cách thiện chí và tuân thủ với quy định pháp luật cũng như các mục tiêu kinh doanh của Công ty. HĐQT cũng chịu trách nhiệm về việc xác định tầm nhìn và chiến lược kinh doanh của Công ty, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều hành theo các chính sách của Công ty và báo cáo tài chính và thông tin chung cho cổ đông và nhà đầu tư một cách chính xác và đầy đủ.

Theo Luật Việt Nam, HĐQT phải họp trực tiếp và không ít hơn bốn lần trong mỗi năm. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, HĐQT đã tổ chức tổng cộng 06 cuộc họp.

Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1. Bà Lê Thị Băng Tâm	6/6	100%
2. Bà Mai Kiều Liên	6/6	100%
3. Ông Michael Chye Hin Fah ⁽¹⁾	4/4	100%
4. Ông Nguyễn Bá Dương ⁽¹⁾	4/4	100%
5. Bà Đặng Thị Thu Hà ⁽¹⁾	4/4	100%
6. Ông Nguyễn Hồng Hiến ⁽¹⁾	4/4	100%
7. Ông Đỗ Lê Hùng ⁽¹⁾	4/4	100%
8. Ông Lê Thành Liêm ⁽¹⁾	4/4	100%
9. Ông Lee Meng Tat	6/6	100%
10. Ông Lê Song Lai ⁽²⁾	2/2	100%
11. Ông Lê Anh Minh ⁽²⁾	2/2	100%
12. Bà Ngô Thị Thu Trang ⁽²⁾	2/2	100%

Ghi chú: (1) Người được bổ nhiệm vào ngày 15/04/2017.

(2) Người không còn là thành viên HĐQT vào ngày 15/04/2017.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp ở trên, HĐQT đã thảo luận và biểu quyết qua email về một số vấn đề kinh doanh trong năm. Tại ngày 31/12/2017, HĐQT đã ban hành 24 Nghị quyết như sau:

Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
01/NQ-CTS.HĐQT/2017	17/01/2017	Phân phối phần còn lại của thù lao HĐQT năm 2016.
02/NQ-CTS.HĐQT/2017	19/01/2017	Đánh giá kết quả hoạt động và phê duyệt các khoản thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành.
03/NQ-CTS.HĐQT/2017	19/01/2017	Thành lập chi nhánh - Nhà máy sữa Lam Sơn.
04/NQ-CTS.HĐQT/2017	08/02/2017	Phê duyệt sửa đổi Giấy chứng nhận Đầu tư Nước ngoài (Campuchia).
05/NQ-CTS.HĐQT/2017	06/04/2017	Phê duyệt việc mua cổ phần của đối tác tại Angkormilk (Campuchia) và chỉ định một đại diện của Vinamilk tại Angkormilk.
06/NQ-CTS.HĐQT/2017	17/04/2017	Bổ nhiệm các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Thư ký Công ty.
07/NQ-CTS.HĐQT/2017	25/04/2017	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT (giai đoạn 2017-2021).

Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
08/NQ-CTS.HĐQT/2017	04/05/2017	Phê duyệt việc cơ cấu lại sơ đồ tổ chức của Công ty.
09/NQ-CTS.HĐQT/2017	27/06/2017	Phê duyệt đầu tư dây chuyền sản xuất.
10/NQ-CTS.HĐQT/2017	08/07/2017	Phê duyệt đầu tư dây chuyền sản xuất.
11/NQ-CTS.HĐQT/2017	24/07/2017	Thông qua việc thanh toán tạm ứng cổ tức lần thứ nhất năm 2017.
12/NQ-CTS.HĐQT/2017	24/08/2017	Phê duyệt mua 3,89% cổ phần của SCIC tại Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
13/NQ-CTS.HĐQT/2017	12/09/2017	Phê duyệt đầu tư vào dây chuyền sản xuất.
14/NQ-CTS.HĐQT/2017	18/09/2017	Bổ nhiệm Đại diện tại Công ty TNHH MTV Thống Nhất Thanh Hóa.
15/NQ-CTS.HĐQT/2017	16/10/2017	Phê chuẩn đầu tư vào các trang trại bò sữa.
16/NQ-CTS.HĐQT/2017	16/10/2017	Phê duyệt đầu tư vào dây chuyền sản xuất và kho.
17/NQ-CTS.HĐQT/2017	23/10/2017	Phê duyệt khoản đầu tư chi phối trong một công ty đường.
18/NQ-CTS.HĐQT/2017	08/11/2017	Phê duyệt đầu tư vào dây chuyền sản xuất.
19/NQ-CTS.HĐQT/2017	22/11/2017	Phê duyệt Quy chế Đánh giá kết quả hoạt động của các Tiểu ban HĐQT và nội dung các cuộc họp HĐQT.
20/NQ-CTS.HĐQT/2017	14/12/2017	Phê duyệt đầu tư vào dây chuyền sản xuất.
21/NQ-CTS.HĐQT/2017	15/12/2017	Phê duyệt khoản bổ sung cho đợt tạm ứng cổ tức đầu tiên của năm 2017.
22/NQ-CTS.HĐQT/2017	20/12/2017	Phê duyệt đầu tư 25% tại Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu.
23/NQ-CTS.HĐQT/2017	26/12/2017	Phê duyệt Cơ chế Tiễn thưởng Nhân viên.
24/NQ-CTS.HĐQT/2017	30/12/2017	Phê duyệt đầu tư vào dây chuyền sản xuất.

Phân định quyền hạn đối với một số vấn đề của HĐQT

Có bốn Tiểu ban thuộc HĐQT, bao gồm Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Lương thưởng và Tiểu ban Chiến lược đã được thành lập để hỗ trợ HĐQT trong việc thực hiện các trách nhiệm cụ thể và thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát của mình. HĐQT cũng đã xác lập các giới hạn cho phép và phê duyệt tài chính cho chỉ tiêu hoạt động và chỉ tiêu đầu tư, mua sắm hàng hoá và dịch vụ, và nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đã phân cấp rõ ràng cho các Tiểu ban HĐQT liên quan xem xét và phê duyệt các giao dịch nằm trong những giới hạn nói trên. Ngoài những vấn đề đặc biệt đòi hỏi sự chấp thuận của HĐQT, HĐQT cũng chịu trách nhiệm về việc xem xét và phê duyệt ngân sách hàng năm, các kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, chiến lược kinh doanh và các giao dịch quan trọng, như các hoạt động mua bán sáp nhập, thoái vốn, các đề xuất tài trợ và đầu tư, và cũng có trách nhiệm xem xét và phê duyệt các giao dịch vượt quá ngưỡng giới hạn nhất định.

Để giải quyết và quản lý các xung đột lợi ích có thể xảy ra liên quan đến lợi ích của các thành viên HĐQT và Công ty, các thành viên HĐQT không phải bỏ phiếu cho bất kỳ vấn đề nào mà họ có lợi ích hoặc xung đột trong đó.

Tiểu ban Chiến lược

- HĐQT thành lập Tiểu ban Chiến lược (“TBCL”). TBCL bao gồm bốn thành viên, cụ thể là ông Nguyễn Bá Dương, ông Nguyễn Hồng Hiến, bà Mai Kiều Liên và ông Lee Meng Tat. Người đứng đầu Tiểu ban Chiến lược là ông Nguyễn Hồng Hiến.
- TBCL chịu trách nhiệm chính trong việc soạn thảo và đề xuất chiến lược kinh doanh của Công ty lên HĐQT, bao gồm (1) phê chuẩn tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược dài hạn; (2) giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược; (3) phụ trách định hướng về phát triển bền vững và có trách nhiệm; (4) phụ trách lĩnh vực báo cáo tích hợp; và (5) phụ trách lĩnh vực quan hệ với các bên liên quan.

Tiểu ban Kiểm toán

- HĐQT thành lập Tiểu ban Kiểm toán (“TBKT”) và xác định năng lực của các thành viên, thẩm quyền và trách nhiệm của Tiểu ban trong Điều lệ Tiểu ban Kiểm toán. TBKT bao gồm bốn thành viên HĐQT, cụ thể là ông Michael Chye Hin Fah, bà Đặng Thị Thu Hà, ông Đỗ Lê Hùng và ông Lê Thành Liêm. Ông Đỗ Lê Hùng, thành viên HĐQT độc lập, làm Trưởng TBKT.
- Tiểu ban Kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực của báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, các giao dịch liên kết, các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích, phạm vi và kết quả của kiểm toán độc lập, cũng như xem xét lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho Công ty và của các công ty con... Vui lòng xem báo cáo của Tiểu ban Kiểm toán về việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của TBKT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Tiểu ban Nhân sự

- HĐQT thành lập Tiểu ban Nhân sự (“TBNS”). TBNS gồm có bà Lê Thị Băng Tâm, bà Mai Kiều Liên, ông Nguyễn Hồng Hiến và ông Lee Meng Tat. Bà Lê Thị Băng Tâm, thành viên HĐQT độc lập, làm Trưởng TBNS.
- TBNS chịu trách nhiệm chính trong việc xác định tiêu chuẩn và lựa chọn những người phù hợp để được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT và cán bộ quản lý chủ chốt, xây dựng các quy trình và hướng dẫn cho công tác lựa chọn đó nhằm duy trì sự minh bạch, thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế niêm yết cũng như bất kỳ sửa đổi nào được thực hiện theo đó và các mệnh lệnh của các cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của TBNS, xem xét việc đề cử tái bổ nhiệm của thành viên HĐQT và giúp HĐQT trong việc quyết định và xem xét lại tính độc lập của các thành viên HĐQT độc lập ít nhất mỗi năm. Ngoài ra, HĐQT cũng thực hiện công tác đánh giá HĐQT và Ban Điều hành, soạn lập và khuyến nghị các nguyên tắc Quản trị Công ty (bao gồm 04 yếu tố: các thực hành tốt về HĐQT, môi trường kiểm soát, minh bạch thông tin, cam kết về Quản trị Công ty) áp dụng cho HĐQT và người lao động của Công ty. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo [Nguyên tắc 2: Cơ cấu HĐQT và Hướng dẫn](#) của báo cáo này.

Tiểu ban Lương thưởng

- HĐQT thành lập Tiểu ban Lương thưởng (“TBLT”). TBLT bao gồm bốn thành viên, cụ thể là ông Nguyễn Bá Dương, ông Michael Chye Hin Fah, bà Lê Thị Băng Tâm và bà Đặng Thị Thu Hà. Ông Nguyễn Bá Dương, thành viên HĐQT độc lập, làm Trưởng TBLT.
- TBLT chủ yếu chịu trách nhiệm về:
 - » Xây dựng các chính sách và hướng dẫn trong việc xác định lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành cũng như rà soát, sửa đổi, tu chỉnh hoặc thu hồi các quy trình và quy định về thù lao của các thành viên HĐQT để được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua;
 - » Xem xét và đánh giá mức lương, thưởng và thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành và đề xuất với HĐQT;
 - » Đề xuất với HĐQT một khuôn khổ và các tiêu chuẩn lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành;
 - » Đề xuất lương, thưởng và thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT và Giám đốc Điều hành;
 - » Thực hiện các hoạt động khác do HĐQT uỷ quyền.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo [Nguyên tắc 9: Công bố Thù lao](#) của báo cáo này.



Nguyên tắc 2

Cơ cấu HĐQT và Hướng dẫn**Hội đồng Quản trị**

Tại ngày 31/12/2017, HĐQT của chúng tôi bao gồm 09 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập đại diện một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm lâu năm hoặc đạt được các vị trí lãnh đạo cao cấp trong các lĩnh vực kinh doanh.

Quy mô và thành phần của HĐQT được TBNS xem xét theo từng giai đoạn, nhằm đảm bảo rằng quy mô của HĐQT có lợi cho việc thảo luận và ra quyết định có hiệu quả, và HĐQT có số thành viên độc lập phù hợp. TBNS cũng tìm cách duy trì sự cân bằng về chuyên môn, kỹ năng và đặc điểm của các thành viên HĐQT, bao gồm các năng lực cốt lõi liên quan trong các lĩnh vực như kế toán và tài chính, kinh doanh và quản lý, kiến thức chuyên ngành, khả năng xây dựng chiến lược và kiến thức kinh doanh ở cấp độ khu vực cũng như có cân nhắc về tính đa dạng như giới tính, tuổi tác, quốc tịch, trong khi bổ nhiệm. Khi một vị trí của HĐQT trở nên trống hoặc cần bổ sung thành viên, TBNS sẽ chọn và đề nghị ứng viên dựa trên kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức và sự đa dạng của họ. Bất kỳ xung đột lợi ích tiềm ẩn nào cũng được xem xét.

Thành viên HĐQT độc lập

Tất cả thành viên HĐQT đều phải thực hiện việc nghiên cứu và xét đoán độc lập và ra quyết định khách quan vì lợi ích cao nhất của Công ty. Năng lực của thành viên HĐQT độc lập và việc quyết định của TBNS tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các yêu cầu của CG CODE 2012. Một thành viên HĐQT là người không có quan hệ với Công ty, các công ty có liên quan hoặc với các cán bộ mà có thể gây trở ngại, hoặc có cơ sở hợp lý để tin rằng sẽ gây trở ngại, cho khả năng đưa ra xét đoán kinh doanh độc lập của thành viên đó nhằm phục vụ cho lợi ích cao nhất của Công ty, và thành viên HĐQT đó phải độc lập về cả bản chất lẫn xét đoán.

Nguyên tắc 3

Chủ tịch và Tổng Giám đốc

Chủ tịch của chúng tôi khuyến khích mối quan hệ mang tính xây dựng giữa HĐQT và Ban Điều hành. Chủ tịch HĐQT phê duyệt chương trình nghị sự để đưa ra xem xét tại cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về vai trò của mình trong việc giám sát hoạt động kinh doanh và quản lý phù hợp với chính sách của HĐQT, kế hoạch kinh doanh và cơ cấu tổ chức của Công ty.



Nguyên tắc 4

Thành viên HĐQT

Để đảm bảo qui trình minh bạch cho việc bổ nhiệm và tái bổ nhiệm các HĐQT, TBNS soạn lập và rà soát hồ sơ của các thành viên HĐQT và đưa ra các kiến nghị với HĐQT về việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm và nghỉ hưu của HĐQT. TBNS cũng xem xét tất cả các đề cử để bổ nhiệm Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành và đề trình các khuyến nghị của mình cho HĐQT phê duyệt. TBNS cân nhắc tạo ra một sự cân đối hợp lý các năng lực cốt lõi của HĐQT và Ban Điều hành để họ có thể hoàn thành vai trò và trách nhiệm của họ.

Các thành viên HĐQT phải đảm bảo rằng họ dành thời gian và sự chú ý cho công việc tại Vinamilk, và như một phần trong quá trình rà soát, TBNS sẽ quyết định liệu thành viên HĐQT có thể làm như vậy hay không và liệu ông/bà ấy có thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của thành viên HĐQT Vinamilk hay không. Công ty tin rằng mỗi thành viên HĐQT đã cẩn thận cân nhắc việc họ có thể dành đủ thời gian để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk.

Để biết thông tin chính về từng thành viên HĐQT, vui lòng tham khảo phần giới thiệu HĐQT và Ban Điều hành trong Báo cáo thường niên năm 2017 của chúng tôi.

Nguyên tắc 5

Kết quả hoạt động của HĐQT

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần thiện chí, cẩn trọng theo quy định của pháp luật, nghị quyết của ĐHĐCĐ và để bảo vệ quyền lợi của Công ty. HĐQT đã tiến hành tự đánh giá về thành tích và trách nhiệm của mình.

Hàng năm, TBNS tiến hành một quá trình để đánh giá hiệu quả của HĐQT và các Tiểu ban của HĐQT, bao gồm sự tham dự và đóng góp của các thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT. Quá trình này cũng xem xét đến các yếu tố được nêu ra trong Hướng dẫn cho Nguyên tắc 5 của CG CODE 2012.

Để khuyến khích và hỗ trợ thực hiện việc tự đánh giá của HĐQT và các Tiểu ban HĐQT, TBNS đã soạn thảo một mẫu tự đánh giá cho HĐQT và các Tiểu ban của HĐQT bao gồm hiệu quả về mặt cấu trúc và năng lực của HĐQT, các cuộc họp HĐQT, nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT, mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Điều hành, và sự tự phát triển và đào tạo của các thành viên HĐQT, bao gồm cả ý kiến đóng góp hoặc kiến nghị.

TBNS có trách nhiệm xem xét việc tự đánh giá của HĐQT và báo cáo tổng quan về đánh giá đó cho HĐQT.

Nguyên tắc 6

Tiếp cận thông tin

Chúng tôi cam kết cung cấp cho các thành viên HĐQT thông tin đầy đủ, toàn diện, liên tục và kịp thời trước các cuộc họp của HĐQT và trên cơ sở liên tục để họ có thể đưa ra các quyết định để thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.

Các thành viên HĐQT có quyền tiếp cận riêng lẻ và độc lập với Ban Thư ký Công ty. Ban Thư ký Công ty, trong quá trình tham vấn và hợp tác với bộ phận Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro, bao gồm cả cố vấn tuân thủ theo từng trường hợp, có trách nhiệm tư vấn cho HĐQT về các quy định pháp luật áp dụng cho công ty cổ phần và công ty đại chúng bao gồm các quy định về chứng khoán và các vấn đề pháp lý liên quan. HĐQT phê duyệt việc bổ nhiệm và bãi nhiệm Thư ký Công ty. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, Ban Thư ký Công ty đã tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT và Kiểm toán.

Ban Thư ký lập kế hoạch trước một năm cho lịch hoạt động của HĐQT. Để chuẩn bị cho mỗi cuộc họp, Ban Thư ký sẽ gửi HĐQT các tài liệu, báo cáo tài chính bao gồm các báo cáo quản trị, chương trình nghị sự và các tài liệu liên quan, thông tin cơ bản hoặc thông tin giải trình kịp thời cho các thành viên HĐQT để các thành viên HĐQT có đủ thời gian đọc và xem xét các vấn đề sẽ được đề cập trong cuộc họp, và để việc thảo luận tại các cuộc họp của Tiểu ban và HĐQT có ý nghĩa hơn và hiệu quả hơn. Ban Điều hành được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác của các Tiểu ban nhằm cung cấp thông tin đầu vào và kiến thức chuyên môn cho các vấn đề đang được thảo luận, và để đáp lại bất kỳ thắc mắc nào mà HĐQT có thể có. Các thành viên HĐQT có quyền tiếp cận riêng lẻ và độc lập với Ban Điều hành để đảm bảo các quy trình của HĐQT được tuân thủ.

Trong trường hợp cần thiết cho việc thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách hiệu quả thì các thành viên HĐQT và các thành viên Tiểu ban thuộc HĐQT, riêng lẻ hoặc theo nhóm, có thể tìm kiếm ý kiến chuyên môn độc lập bằng kinh phí của Công ty.



B. Các vấn đề về Thù lao

Nguyên tắc 7

Quy trình xây dựng chính sách thù lao

Trách nhiệm chính của TBLT là hỗ trợ HĐQT trong việc thiết lập một quy trình chính thức và minh bạch để xây dựng chính sách thù lao và phát triển cho cán bộ điều hành. TBLT cũng sẽ xem xét các điều khoản về thù lao và công việc của các Giám đốc Điều hành và cán bộ quản lý chủ chốt tại thời điểm bắt đầu làm việc hoặc gia hạn tương ứng của họ (nếu có) bao gồm xem xét các nghĩa vụ của Công ty trong trường hợp chấm dứt công việc.

TBLT xem xét và đề xuất với HĐQT thù lao của các thành viên HĐQT, các Giám đốc Điều hành và cán bộ quản lý chủ chốt và đề xuất mức thù lao của HĐQT để thông qua tại cuộc họp của ĐHĐCĐ. TBLT đã cân nhắc và xem xét mức thù lao thích hợp và hợp lý để trả cho từng thành viên HĐQT và Giám đốc Điều hành và đề xuất các khuyến nghị về thù lao nói trên cho toàn bộ HĐQT phê duyệt.

Nếu một thành viên của TBLT có lợi ích liên quan đến vấn đề đang được giải quyết, ông/bà ấy sẽ không tham gia vào quá trình xem xét và phê duyệt cho vấn đề đó.

TBLT có thể theo thời gian, và khi cần thiết hoặc yêu cầu, sẽ cân nhắc thuê tư vấn độc lập để hỗ trợ xây dựng chính sách đãi ngộ và xác định mức và cơ cấu thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành.

Nguyên tắc 8

Mức và Cơ cấu Thù lao

Việc xác định mức và cơ cấu thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành dựa trên kết quả hoạt động của Công ty, nhiệm vụ, trách nhiệm và kết quả hoạt động của từng cá nhân, trên cơ sở tuân thủ đúng pháp luật.

Nguyên tắc 9

Công bố Thù lao

Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành (bao gồm những người nắm giữ vị trí điều hành) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được phân chia theo tỷ lệ phần trăm vào các loại sau: (1) thù lao HĐQT; (2) tiền lương; (3) tiền thưởng và các quỹ đã được trả dựa trên kết quả hoạt động của Công ty; (4) các lợi ích khác, được trình bày trong bảng dưới đây.

Đối với các thành viên HĐQT đang nắm giữ vị trí điều hành, Công ty đã cân nhắc kỹ về môi trường nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao của ngành và tính chất bảo mật của vấn đề thù lao nhân viên, thì quan điểm cho rằng việc công bố đầy đủ tiền thù lao của họ có thể gây tổn hại cho lợi ích của Công ty và có thể cản trở nỗ lực của Công ty trong việc duy trì và nuôi dưỡng tài năng của Công ty. Thay vào đó, Công ty đã công bố mức thù lao của họ như mô tả dưới đây. ⁽¹⁾

Ghi chú: (1) Các thành viên này được bổ nhiệm vào ngày 15/04/2017.

Thành viên HĐQT (thành viên điều hành)	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty	Thù lao HĐQT
Bà Mai Kiều Liên	23%	73%	4%
Ông Lê Thành Liêm ⁽¹⁾	39%	53%	8%

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành)	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty	Thù lao HĐQT
Bà Lê Thị Băng Tâm	-	-	100%
Ông Nguyễn Bá Dương ⁽¹⁾	-	-	100%
Ông Michael Chye Hin Fah ⁽¹⁾	-	-	100%
Bà Đặng Thị Thu Hà ⁽¹⁾	-	-	100%
Ông Nguyễn Hồng Hiến ⁽¹⁾	-	-	100%
Ông Đỗ Lê Hùng ⁽¹⁾	-	-	100%
Ông Lê Song Lai ⁽²⁾	-	-	100%
Ông Lê Anh Minh ⁽²⁾	-	-	100%
Ông Lee Meng Tat	-	-	100%

Giám đốc Điều hành	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty	Thù lao HĐQT
Ông Mai Hoài Anh	42%	58%	-
Ông Trịnh Quốc Dũng	41%	59%	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoà	40%	60%	-
Bà Bùi Thị Hương	43%	57%	-
Ông Nguyễn Quốc Khánh	41%	59%	-
Ông Phan Minh Tiên	42%	58%	-
Bà Ngô Thị Thu Trang ⁽²⁾	38%	56%	6%
Ông Trần Minh Văn	41%	59%	-

Ghi chú: (1) Các thành viên này được bổ nhiệm vào ngày 15/04/2017.

(2) Các thành viên này đã không còn là thành viên HĐQT từ ngày 15/04/2017.

C. Trách nhiệm giải trình và Kiểm toán

Nguyên tắc 10

Trách nhiệm giải trình

HĐQT có trách nhiệm đánh giá một cách cân bằng và dễ hiểu về thành tích, vị trí và triển vọng của Vinamilk thông qua báo cáo tài chính hàng quý và hàng năm. Báo cáo tài chính hàng quý sẽ được công bố cho các cổ đông trong vòng 30 ngày sau khi kết thúc mỗi quý, các báo cáo tài chính bán niên sẽ được phát hành cho các cổ đông trong vòng 45 ngày sau khi kết thúc ngày 30/06 và báo cáo tài chính của năm sẽ được công bố trong vòng 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính. Vinamilk tuân thủ tất cả các yêu cầu về thời hạn công bố trong năm 2017. Xin vui lòng xem bảng dưới đây để biết thêm thông tin.

	Thời hạn báo cáo theo luật định ⁽¹⁾	Ngày công bố thực tế của Vinamilk
Báo cáo tài chính quý IV/2016 ⁽²⁾	30 ngày	25/01/2017
Báo cáo tài chính năm 2016	90 ngày	20/03/2017
Báo cáo thường niên 2016	120 ngày	20/03/2017
Báo cáo tài chính quý I/2017 ⁽²⁾	30 ngày	28/04/2017
Báo cáo tài chính quý II/2017 ⁽²⁾	30 ngày	29/07/2017
Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017	45 ngày	29/07/2017
Báo cáo tài chính quý III/2017 ⁽²⁾	30 ngày	30/10/2017

Ghi chú: (1) Số ngày sau khi kết thúc mỗi quý/năm tài chính tương ứng.

(2) Các báo cáo tài chính này không bắt buộc phải kiểm toán, nhưng thực tiễn của Vinamilk là tất cả các báo cáo tài chính hàng quý trong năm 2017 sẽ được kiểm toán bởi KPMG.

Nguyên tắc 11

Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro

HĐQT công nhận trách nhiệm đảm bảo một hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ khoản đầu tư của các cổ đông và tài sản của Công ty. Về mặt này, HĐQT thành lập Tiểu ban Kiểm toán, trong đó mỗi thành viên của Tiểu ban giám sát các khu vực khác nhau để đảm bảo tính đầy đủ và hiệu quả của các kiểm soát tài chính, vận hành, tuân thủ và công nghệ thông tin, bao gồm quản lý rủi ro có hệ thống thông qua việc xác định chủ thể cấu trúc, chiến lược và rủi ro, theo dõi kết quả quản lý rủi ro.

Để hỗ trợ việc tuân thủ luật pháp và các quy định hiện hành, HĐQT cũng đã xây dựng các hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả để giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp (bao gồm cả các quy định pháp luật về chứng khoán) áp dụng cho Công ty.

Ngoài việc kiểm soát tuân thủ các luật và quy định liên quan, HĐQT cũng đã xác định rõ ràng đạo đức kinh doanh và chính sách kinh doanh được chấp nhận liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk như là các hướng dẫn thực tiễn cho tất cả các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên, bao gồm những người có quyền lợi liên quan, và để tăng cường tính bền vững của Công ty. Để quản lý thông tin nhằm ngăn ngừa việc xử lý thông tin sai trái vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác, HĐQT đã ban hành chính sách và quy tắc ứng xử cho các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên để họ có trách nhiệm ngăn ngừa bất kỳ sự xâm nhập trái phép và/hoặc tiết lộ thông tin nội bộ có thể ảnh hưởng đến giá thị trường hoặc giá trị cổ phiếu của Công ty và các công cụ tài chính khác do Công ty phát hành trước khi HOSE/UBCKNN nhận được thông tin hoặc trước khi thông tin được công bố thông qua HOSE, UBCKNN và website của Vinamilk.

TBKT, với sự hỗ trợ của Kiểm toán Nội bộ và kiểm toán độc lập, đánh giá và báo cáo lên HĐQT ít nhất mỗi năm một lần về tính đầy đủ và hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ của Công ty, bao gồm kiểm soát tài chính, vận hành, tuân thủ và công nghệ thông tin, tất cả được thiết lập và duy trì bởi Ban Điều hành nhằm đảm bảo thành tích hoạt động của Công ty trong việc thực hiện các mục tiêu và mục đích, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và bảo vệ các tài sản quan trọng của Công ty khỏi hành vi sai trái hoặc mất mát. TBKT cũng giám sát tính chính xác và độ tin cậy của thông tin và báo cáo tài chính. Để đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, TBKT đã xem xét kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nội bộ và kiểm toán độc lập. Căn cứ vào những cân nhắc trên, TBKT có ý kiến cho rằng trong năm tài chính

kết thúc vào ngày 31/12/2017, Công ty đã có các biện pháp kiểm soát nội bộ đầy đủ và hiệu quả bao gồm kiểm soát tài chính, vận hành, tuân thủ và kiểm soát công nghệ thông tin.

Ngoài ra, HĐQT, với sự hỗ trợ của TBKT, hàng năm đánh giá sự đầy đủ và hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ tổng thể. Dựa trên các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro do Công ty thiết lập và duy trì liên tục, các cuộc kiểm toán do Kiểm toán Nội bộ và kiểm toán độc lập thực hiện, và đảm bảo từ Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính rằng các sổ sách và báo cáo tài chính đã được soạn lập một cách phù hợp và đưa ra một cái nhìn trung thực và hợp lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk phù hợp với luật pháp và các quy định hiện hành và rằng Vinamilk đã có hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro đầy đủ và hiệu quả được xem là phù hợp và trọng yếu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk, HĐQT, với sự đồng thuận của TBKT, cho rằng trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, Vinamilk đã có những biện pháp kiểm soát nội bộ đầy đủ và hiệu quả để giải quyết các rủi ro về tài chính, vận hành, tuân thủ và công nghệ thông tin và các hệ thống quản lý rủi ro có liên quan và trọng yếu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk.

Các quy trình quản lý rủi ro của Công ty có thể được tóm tắt như sau:

- Quy định chính sách và khuôn khổ của Công ty về quản lý rủi ro và thông báo cho Ban Điều hành và nhân viên của Công ty bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro và thực hiện chính sách đó để đảm bảo đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Xác định các rủi ro trọng yếu, đặt ra các tiêu chí đánh giá rủi ro và khẩu vị rủi ro để quản lý các rủi ro cao.
- Tiến hành đánh giá rủi ro theo các tiêu chí đánh giá rủi ro.
- Xác định các phản ứng rủi ro đối với rủi ro vượt quá mức rủi ro chấp nhận được của Công ty.
- Theo dõi và rà soát các rủi ro chính và các quy trình xử lý rủi ro để đảm bảo rủi ro được quản lý hợp lý.

Vui lòng xem thông tin về Quản lý Rủi ro trong Báo cáo thường niên năm 2017, trong đó báo cáo những rủi ro đáng kể của Vinamilk bao gồm các biện pháp và giải pháp phòng ngừa.

Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro đã được áp dụng trong suốt giai đoạn tài chính nói trên cung cấp một sự đảm bảo hợp lý, nhưng không chắc chắn tuyệt đối, rằng Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bất lợi bởi bất kỳ sự kiện nào có thể dự kiến hợp lý khi Công ty cố gắng đạt được mục tiêu kinh doanh của mình. Về mặt này, HĐQT cũng ghi nhận rằng không có hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nào có thể đảm bảo tuyệt đối chống lại sự xuất hiện của các sai sót trọng yếu, xét đoán kém khi ra quyết định, sai lầm của con người, thiệt hại, gian lận hoặc các bất thường khác.





Nguyên tắc 12

Tiểu ban Kiểm toán

TBKT do HĐQT bổ nhiệm bao gồm bốn thành viên: ba người Việt Nam và một người Singapore. Đối với họ tên của Trưởng Tiểu ban và các thành viên của TBKT, vui lòng tham khảo Nguyên tắc 1: Hoạt động của Hội đồng Quản trị. Căn cứ vào năng lực của Trưởng Tiểu ban và các thành viên của TBKT, HĐQT cho rằng Trưởng Tiểu ban và các thành viên của TBKT đều có đủ năng lực để thực hiện trách nhiệm được quy định rõ trong Điều lệ Tiểu ban Kiểm toán, ví dụ như rà soát quy trình soạn lập báo cáo tài chính và công bố thông tin của Công ty và các công ty con nhằm đảm bảo tính chính xác và tin cậy, giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của các hoạt động kiểm soát nội bộ và Kiểm toán Nội bộ của Công ty và các công ty con, xem xét việc tuân thủ pháp luật về kinh doanh, rà soát các giao dịch của các bên liên quan để ngăn ngừa bất cứ xung đột lợi ích nào, và xem xét lựa chọn kiểm toán độc lập cho Công ty và các công ty con. TBKT được ủy quyền hợp pháp để điều tra bất kỳ vấn đề nào trong Điều lệ TBKT, được tiếp cận và hợp tác chặt chẽ với Ban Điều hành và có quyền tự do mời bất kỳ thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban Điều hành nào tham dự các cuộc họp của mình và có đầy đủ các nguồn lực để làm việc đúng chức năng của mình.

Khi thực hiện nhiệm vụ lựa chọn kiểm toán độc lập của Công ty và các công ty con, TBKT xem xét năng lực, trình độ chuyên môn của ứng viên kiểm toán độc lập, thành tích được công nhận trong quá khứ và tính độc lập trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán mà không có quan hệ hay lợi ích với Công ty hoặc các công ty con, bao gồm các dịch vụ phi kiểm toán sẽ ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên. Ngoài ra, TBKT xem xét liệu các kiểm toán viên (cả công ty kiểm toán và chủ phần hùn kiểm toán được đề nghị phụ trách cuộc kiểm toán) có các nguồn lực và kinh nghiệm cần thiết, các cuộc kiểm toán khác của công ty kiểm toán, quy mô và tính phức tạp của Công ty và các công ty con được kiểm toán, số lượng và kinh nghiệm của các nhân viên giám sát và chuyên viên được phân công cho cuộc kiểm toán, để xác định liệu ứng viên kiểm toán độc lập có thích hợp để tiếp tục bổ nhiệm, trước khi đưa ra ý kiến về việc bổ nhiệm kiểm toán độc lập của Công ty và các công ty con và phí kiểm toán cho HĐQT để đề nghị ĐHĐCĐ phê duyệt.

Tại ĐHĐCĐ năm 2017, Cổ đông đã chỉ định Công ty TNHH KPMG Việt Nam chịu trách nhiệm kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Khi thực hiện các nhiệm vụ soát xét báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và Kiểm toán Nội bộ, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và các giao dịch liên kết hoặc giao dịch có thể gây xung đột lợi ích, TBKT sẽ họp hàng quý hoặc khi TBKT cho rằng cần thiết, với kiểm toán viên độc lập, Giám đốc Kiểm toán Nội bộ và Ban Điều hành tùy theo các chủ đề có liên quan. Đối với năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, ngoài các cuộc họp thông thường, TBKT đã tổ chức cuộc họp riêng với Kiểm toán Nội bộ và kiểm toán độc lập mà không có sự tham dự của Ban Điều hành.

Vinamilk đã ban hành quy định nhằm cung cấp một kênh để tất cả các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên của Vinamilk báo cáo bất kỳ những sai phạm hoặc nguy hiểm đáng ngờ nào trong công việc. Điều này bao gồm các hoạt động hình sự và hành vi bất hợp pháp khác, hành vi không tuân thủ các quy định pháp luật, các bất thường về tài chính và hành động gây nguy hiểm cho sức khỏe và sự an toàn của con người hoặc môi trường. Người báo cáo các vấn đề với sự thiện chí có thể yên tâm rằng Công ty sẽ quan tâm nghiêm túc và điều tra nếu thấy thích hợp, bao gồm cả việc bảo vệ người báo cáo khỏi bị thiệt hại, bị trả thù hoặc quấy rối khi làm như vậy. Các chi tiết của quy định này đã được phổ biến và công khai cho tất cả nhân viên. TBKT đã xem xét Chính sách này và đảm bảo rằng các cuộc điều tra độc lập về các vấn đề được nêu ra và bất kỳ hành động tiếp theo thích hợp nào sẽ được thực hiện.

Nguyên tắc 13

Kiểm toán Nội bộ

Công ty thành lập bộ phận Kiểm toán Nội bộ ("KTNB") làm đơn vị độc lập để hỗ trợ HĐQT thông qua TBKT bằng cách đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị. Về vấn đề này, TBKT sẽ thông qua việc bổ nhiệm, cách chức, chuyển chuyển và miễn nhiệm Giám đốc KTNB với sự tham vấn của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá hoạt động của Giám đốc KTNB. Thù lao của Giám đốc KTNB được xác định dựa trên năng lực, kinh nghiệm và sự phù hợp với các chính sách thù lao của Công ty, với sự chấp thuận của TBKT và phê duyệt của Tổng Giám đốc. Giám đốc KTNB báo cáo trực tiếp với TBKT và trực thuộc Tổng Giám đốc về mặt chức năng. Cơ cấu tổ chức và các mối quan hệ báo cáo này cho phép KTNB thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm một cách khách quan và độc lập. KTNB được phép tiếp cận với các tài liệu, hồ sơ, tài sản và nhân sự của Công ty nhằm thực hiện nhiệm vụ của mình, bao gồm cả việc tiếp cận TBKT. KTNB áp dụng phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm toán nhằm đảm bảo hoạt động kiểm toán phù hợp với những rủi ro chính của Vinamilk. Dựa trên các đánh giá rủi ro được thực hiện, sẽ quyết định tập trung nhiều hơn và xác định định kỳ soát xét thích hợp cho các hoạt động có nguy cơ cao và kiểm soát nội bộ quan trọng, bao gồm việc tuân thủ các chính sách, quy trình và trách nhiệm pháp lý của Công ty.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, KTNB đã tiến hành kiểm toán như đã trình bày chi tiết trong kế hoạch Kiểm toán Nội bộ đã đệ trình và phê duyệt bởi TBKT. Các phát hiện và kiến nghị của KTNB về các điểm cần cải tiến đã được báo cáo cho Ban Điều hành thực hiện. Mỗi quý, KTNB đệ trình lên TBKT báo cáo về tình hình kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán và các hoạt động do Ban Điều hành thực hiện. Những phát hiện chính đã được nhấn mạnh tại các cuộc họp TBKT để thảo luận và thực hiện. TBKT giám sát việc thực hiện kịp thời và đúng đắn các biện pháp khắc phục, phòng ngừa hoặc cải tiến hành động cần thiết của Ban Điều hành. Để đảm bảo hoạt động Kiểm toán Nội bộ được thực hiện có hiệu quả, KTNB tuyển dụng và sử dụng nhân viên có trình độ phù hợp với những kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết. Các nhân viên này được đào tạo và trao cơ hội phát triển để cập nhật kiến thức chuyên môn và kỹ năng kiểm toán. Ngoài ra, Vinamilk khuyến khích và hỗ trợ họ nâng cao trình độ chuyên môn để có thể trở thành những kiểm toán viên nội bộ được chứng nhận hoặc đạt được những chứng chỉ chuyên môn khác có liên quan. TBKT hàng năm sẽ đánh giá hiệu quả hoạt động của KTNB để đảm bảo rằng KTNB có đủ nguồn lực và vị trí phù hợp trong Công ty để thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả.



D. Quyền và Trách nhiệm của cổ đông

Nguyên tắc 14

Quyền của cổ đông

Công ty công nhận và coi trọng quyền của các cổ đông, chủ sở hữu của Công ty.

Công ty đã đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời. Công ty chú trọng đến tính đầy đủ của việc công bố thông tin để các cổ đông có thể đưa ra những quyết định có căn cứ tại cuộc họp cổ đông, bao gồm việc bỏ phiếu và bày tỏ ý kiến về những thay đổi đáng kể và bầu cử các thành viên HĐQT dựa trên những thông tin chính xác, đầy đủ, minh bạch, và được chia sẻ một cách công bằng.

Nguyên tắc 15

Giao tiếp với cổ đông

Công tác truyền thông với các cổ đông không chỉ thông qua HOSE/UBCKNN mà còn thông qua bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư, những người làm việc chặt chẽ với Ban Điều hành để đảm bảo truyền thông tích cực với cổ đông thông qua việc cung cấp thông tin kịp thời.

Đơn vị đã tổ chức một số cuộc họp trong năm, đặc biệt là sau khi công bố kết quả kinh doanh quý và năm, để các nhà đầu tư có thể chất vấn Ban Điều hành về tài chính, tiếp thị hoặc các vấn đề chiến lược. Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư cũng thường xuyên gặp các nhà đầu tư để truyền đạt các chính sách và chiến lược của Công ty để các nhà đầu tư hiểu rõ về hoạt động của Công ty. Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư cũng cung cấp thông tin chi tiết kịp thời thông qua trang web của Công ty.

Đơn vị cũng báo cáo cho Ban Điều hành về ý kiến và mối quan tâm của các nhà đầu tư. Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư được trình bày trong phần Thông Tin Nhà Đầu Tư của Báo cáo thường niên này và cũng có sẵn trong phần Quan hệ Nhà đầu tư trên trang web Công ty: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/lien-he-thong-tin-co-dong>

Nguyên tắc 16

Tiến hành các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Các cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức phù hợp với chương trình nghị sự đã đề cập trong thư mời dự họp có liên quan. Công ty gửi đến các cổ đông đầy đủ thông tin mời họp cổ đông, bao gồm các tài liệu đính kèm, có đầy đủ thông tin liên quan đến cuộc họp. Ngoài ra, Công ty còn niêm yết các thông tin liên quan đến cuộc họp trên trang web của HOSE/Vinamilk để các cổ đông có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng các thông tin này. Ngoài ra, ít nhất mười ngày trước ngày họp, thông báo về cuộc họp của cổ đông và tập hợp đầy đủ các tài liệu họp sẽ được công khai trên trang web của Vinamilk nhằm cung cấp cho các cổ đông đủ thời gian để chuẩn bị dự họp theo yêu cầu của luật pháp và quy định có liên quan.

Chủ tịch HĐQT, các Trưởng TBKT, TBLT và TBNS, và các thành viên HĐQT điều hành thường có mặt và sẵn sàng để giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại các cuộc họp này. Kiểm toán độc lập của chúng tôi là Công ty TNHH KPMG Việt Nam cũng có mặt để giải quyết các yêu cầu của cổ đông về việc tiến hành kiểm toán và việc soạn thảo và nội dung báo cáo kiểm toán độc lập. Trong cuộc họp, Chủ tịch HĐQT cho phép các cổ đông đặt câu hỏi, bày tỏ ý kiến cũng như đưa ra khuyến nghị một cách bình đẳng.

Trong ĐHĐCĐ năm 2017, Công ty đã mời đại diện của Phòng Kiểm toán Nội bộ, Phòng Kiểm soát và Quản lý Rủi ro làm thành viên Ban kiểm phiếu và mời một đại diện của các cổ đông để chứng kiến việc kiểm phiếu với tư cách người giám sát độc lập.

Chủ tịch HĐQT cũng trả lời các câu hỏi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của các cổ đông. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được ghi chép chính xác, đầy đủ kịp thời theo quy định của pháp luật và được công bố kèm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho HOSE, SSC và niêm yết trên website của Vinamilk trong vòng 24 giờ sau cuộc họp ĐHĐCĐ.

Cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2017 được tổ chức vào ngày 15/04/2017. Tất cả các tài liệu liên quan đến các cuộc họp ĐHĐCĐ không chỉ trong năm 2017 mà còn từ những năm trước được lưu giữ trên trang web của Vinamilk bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để giúp các cổ đông có thể truy cập bất cứ lúc nào.

E. Các vấn đề khác của Báo cáo Quản trị Công ty

Giao dịch cổ phiếu của người trong nội bộ

Người trong nội bộ	Chức vụ tại Vinamilk	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Mô tả	
		Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	Mua	Bán
Mai Kiều Liên	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	4.111.420	0,28%	4.111.420	0,28%	-	-
Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT, Giám đốc Điều hành	298.718	0,02%	298.718	0,02%	-	-
Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành	355.911	0,02%	355.911	0,02%	-	-
Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành	209.688	0,01%	209.688	0,01%	-	-
Nguyễn Thị Thanh Hoà	Giám đốc Điều hành	752.906	0,05%	752.906	0,05%	-	-
Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành	59.846	0,00%	59.846	0,00%	-	-
Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành	20.664	0,00%	20.664	0,00%	-	-
Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành	80.359	0,01%	80.359	0,01%	-	-
Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành	1.080.075	0,07%	9.453	0,00%	-	1.070.622
Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành	616.137	0,04%	616.137	0,04%	-	-

Giao dịch cổ phiếu của các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ với người trong nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Mô tả	
		Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	Mua	Bán
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Nguyễn Hồng Hiến, Đặng Thị Thu Hà, Lê Thành Liêm	570.886.596	39,33%	522.553.196	36,00%	-	48.333.400
F&N Dairy Investments Pte, Ltd.	Michael Chye Hin Fah và Lee Meng Tat	198.178.083	13,65%	239.463.148	16,04%	41.285.065	-
F&N Bev Manufacturing Pte, Ltd.	Michael Chye Hin Fah và Lee Meng Tat	39.189.150	2,70%	39.189.150	2,70%	-	-
SCIC	Lê Song Lai (*)	336.070	0,02%	-	0,00%	-	336.070
Mai Quang Liêm	Em trai của bà Mai Kiều Liên	86.896	0,01%	25.066	0,01%	-	61.830
Nguyễn Minh Ấn	Em trai của bà Nguyễn Thị Thanh Hoà	174.807	0,01%	174.807	0,01%	-	-
Dương Thị Ngọc Trinh	Mẹ của ông Mai Hoài Anh	212.284	0,01%	191.650	0,01%	-	20.634

Ghi chú: (*) Ông Lê Song Lai không còn là thành viên HĐQT của Vinamilk kể từ ngày 15/04/2017.

Các giao dịch kinh doanh giữa Vinamilk với người trong nội bộ và các bên liên quan của họ

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017, Vinamilk không có giao dịch kinh doanh với người trong nội bộ và các bên liên quan ở trên.

**BÁO CÁO
QUẢN TRỊ RỦI RO**



BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2017 là năm đánh dấu cột mốc khởi đầu bước phát triển mới của Công ty, theo định hướng Chiến lược cho giai đoạn 2017 – 2021 và cũng là năm đầu tiên Công ty hoạt động theo mô hình quản trị mới với sự thành lập Tiểu ban Kiểm toán của HĐQT thay cho mô hình có Ban Kiểm soát. Hoạt động QLRR vì vậy cũng có các thay đổi để phù hợp với mô hình mới và ngày càng tích hợp vào các hoạt động cụ thể, đặc biệt là định hướng tích hợp QLRR trở thành một phần quan trọng của hệ thống quản lý chất lượng toàn Công ty.

Thay đổi Cơ cấu quản trị rủi ro

Trong mô hình mới, Tiểu ban Kiểm toán được thành lập và đảm nhiệm vai trò thay thế cho Tiểu ban Quản lý Rủi ro và Ban Kiểm soát trước đây, bao gồm quản lý hoạt động KTNB, hệ thống KSNB và QLRR. Cơ cấu quản trị rủi ro này thay đổi phù hợp với việc thay đổi mô hình quản trị của Công ty từ có Ban Kiểm soát sang không có Ban Kiểm soát, định hướng hoạt động và kiểm soát chính thông qua HĐQT.

Cơ chế hoạt động này giúp cho sự phối hợp giữa 03 chức năng KTNB - Xây dựng hệ thống KSNB và QLRR được chặt chẽ và hiệu quả hơn khi kết quả hoạt động của hoạt động QLRR là cơ sở quan trọng để xây dựng kế hoạch KTNB, hướng vào các rủi ro quan trọng và các vấn đề trọng yếu. Ở chiều ngược lại, kết quả của KTNB sẽ là thông tin quan trọng để công tác QLRR chú trọng vào các điểm quan trọng và cần cải thiện. Tiểu ban Kiểm toán định kỳ hàng quý nhận báo cáo từ Bộ phận QLRR để đưa ra các định hướng, yêu cầu và phản hồi kịp thời.

Thay đổi và tích hợp Thủ tục – Quy trình

Theo xu hướng phát triển của việc quản lý công ty và các quá trình hoạt động, các hệ thống quản lý sẽ ngày càng được tích hợp với nhau để chuẩn hóa và thống nhất xuyên suốt Công ty. Hệ thống QLRR cũng không phải là ngoại lệ. Yêu cầu của hệ thống ISO 9001:2015 cũng đòi hỏi phải tư duy dựa trên rủi ro, vì vậy, hệ thống QLRR theo tiêu chuẩn ISO 31000 mà Vinamilk đang áp dụng cũng được soát xét và tích hợp vào hệ thống chung ở các khâu hoạch định, thực hiện và giám sát.

Cụ thể hơn:

- Công tác hoạch định mục tiêu được xem xét dựa trên các yếu tố giả định, các rủi ro để đảm bảo mục tiêu mang tính thách thức nhưng khả thi và hiệu quả. Các rủi ro sau đó đồng thời cũng được nhận diện để quản lý kịp thời, phân công người phụ trách phù hợp để tăng khả năng thực hiện mục tiêu.
- Các quá trình hoạt động, kiểm soát khi được thiết lập và thay đổi đều được cân nhắc dựa trên các yếu tố rủi ro và mức độ rủi ro cần quản lý.
- Công tác tự đánh giá, rà soát các kiểm soát được thực hiện định kỳ bởi chính những người thực hiện kiểm soát, để đảm bảo rủi ro được giám sát, các kiểm soát phát huy hiệu quả.



Triển khai hệ thống QLRR cho công ty con

Năm 2017, các công ty con của Vinamilk cũng thiết lập hệ thống QLRR tích hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tư duy dựa trên rủi ro. Ngoài các rủi ro được báo cáo định kỳ trong danh mục rủi ro của Vinamilk, các công ty con cũng theo dõi các rủi ro riêng, đặc thù. Các rủi ro này được giám sát và triển khai đến các cấp độ nhỏ hơn, từ Công ty đến các Trang trại, các Tổ công tác.

Quản lý các rủi ro quan trọng

Năm 2017, Vinamilk vẫn tiếp tục quản lý danh mục 13 rủi ro quan trọng mà HĐQT đang quan tâm. Các sự kiện và biện pháp quản lý liên tục được rà soát, cập nhật để đảm bảo tính hiệu quả.

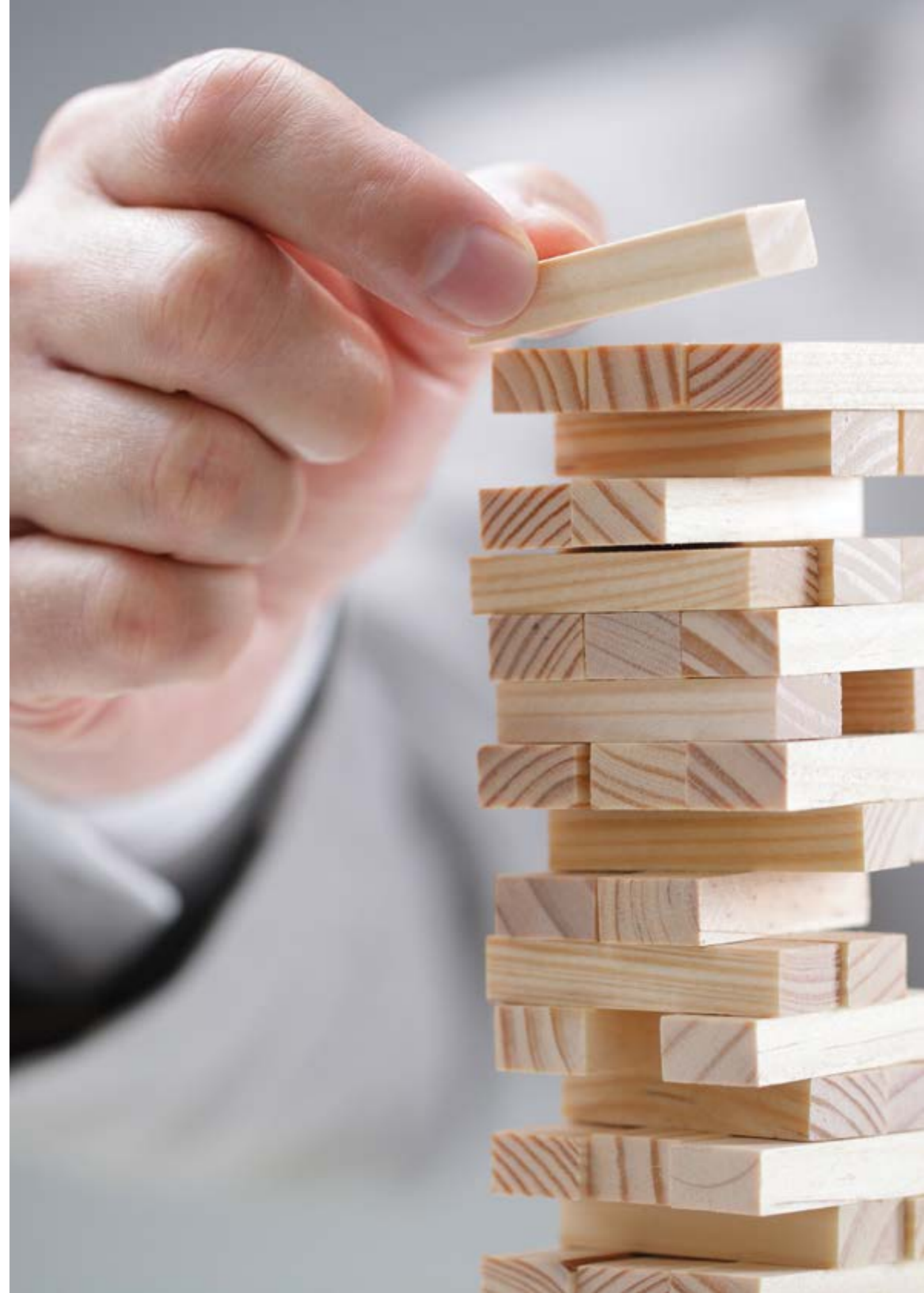
STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
Rủi ro chiến lược			
1.	Rủi ro về kế hoạch chiến lược	Thiếu kế hoạch chiến lược thích đáng để đáp ứng các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho phòng Hoạch định Chiến lược giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.
2.	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ.	Tiếp tục phát huy các chiến lược duy trì lợi thế cạnh tranh, gia tăng thị phần. Nhận diện kịp thời các thay đổi của thị trường để có các ứng phó phù hợp.
3.	Rủi ro môi trường kinh tế toàn cầu	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho công ty trong việc thực hiện các Kế hoạch kinh doanh.	Thường xuyên cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty. Từ đó có các kế hoạch hành động kịp thời.
4.	Rủi ro chính trị	Rủi ro xảy ra các thay đổi bất lợi về môi trường chính trị ở các nước Vinamilk đầu tư, gây cản trở hoạt động và các quyết định kinh doanh.	Thực hiện đánh giá trước khi đầu tư, theo dõi và giám sát khi đã đi vào hoạt động. Thường xuyên cập nhật thông tin và có các đánh giá phù hợp.
5.	Rủi ro truyền thông	Mất danh tiếng hoặc thiệt hại tài chính do không xử lý kịp thời, hợp lý các thông tin bất lợi bị phát tán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Theo dõi và phản ánh kịp thời các thông tin truyền thông tiêu cực thông qua công cụ tự động và đội xử lý khủng hoảng phù hợp.
6.	Rủi ro nhân sự kế thừa	Vị trí quan trọng bị trống do không thể tìm kiếm được người thích hợp trong một khoảng thời gian bắt buộc.	Tiếp tục triển khai công tác nhân sự kế thừa xuống các cấp độ thấp hơn, đảm bảo đội ngũ nhân sự cho tất cả các cấp độ. Duy trì chương trình Quản trị viên tập sự, quản trị nhân tài.
7.	Rủi ro mất khách hàng quan trọng	Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	Theo dõi mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng, và có các chính sách tương ứng đối với các khách hàng quan trọng.

STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
Rủi ro hoạt động			
8.	Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời	Nguy cơ gián đoạn, không đủ nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất.	Quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý.
9.	Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng	Những mối nguy hại của sản phẩm làm cho sản phẩm không sử dụng được, hoặc gây hại cho người tiêu dùng, hoặc sản phẩm hư hỏng bị yêu cầu thu hồi nhằm tránh gây nguy hại cho người tiêu dùng.	Thiết lập và thường xuyên kiểm tra các kiểm soát theo yêu cầu của các tiêu chuẩn. Thiết lập các tiêu chuẩn đánh giá riêng hệ thống kiểm soát để đảm bảo luôn hiệu quả và tối ưu. Hệ thống cảnh báo được xác lập để nhận diện kịp thời các sự kiện và có hướng xử lý.
10.	Rủi ro dịch bệnh đàn bò	Nguy cơ xảy ra dịch bệnh trên đàn bò dẫn tới bò chết hoặc giảm chất lượng sữa.	Áp dụng vệ sinh an toàn sinh học cho các trang trại, chăm sóc sức khỏe đàn bò, có biện pháp xử lý y tế phù hợp đối với các trường hợp phát sinh.
11.	Rủi ro triển khai Kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc triển khai các Kế hoạch kinh doanh, đánh giá thông qua việc quản lý danh mục đầu tư và các dự án cụ thể.	Ban điều phối Dự án triển khai thực hiện các Dự án đầu tư, theo dõi và giám sát tình hình thực hiện về tiến độ, ngân sách. Trưởng Dự án báo cáo định kỳ và có hướng ứng phó phù hợp với các thay đổi.
12.	Rủi ro an ninh thông tin	Nguy cơ gián đoạn hệ thống, bảo mật thông tin và bị tấn công từ các tội phạm công nghệ thông tin.	Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống An ninh thông tin ISO 27000, các hệ thống bảo vệ máy tính, người dùng. Thường xuyên đánh giá mối nguy an ninh thông tin từ bên trong và bên ngoài.
Rủi ro tài chính			
13.	Biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.

Quản lý Rủi ro 2018

Năm 2018, QLRR tập trung vào việc thực thi sau khi đã hoàn thiện cơ cấu và hệ thống. Mục tiêu lớn nhất là thực hiện hiệu quả cùng với hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Trên tinh thần đó, các đánh giá, đo lường, kế hoạch hành động của các rủi ro luôn được các Chủ sở hữu xem xét trên nhiều yếu tố, đặc biệt là ý kiến từ các bên liên quan để đảm bảo rủi ro có cái nhìn đa chiều trong mối quan hệ của các chuỗi hoạt động.

Đồng thời, hoạt động QLRR tại các công ty con cũng sẽ được tiếp tục đẩy mạnh và chuyên sâu hơn. Hệ thống báo cáo rủi ro đến từ các công ty con sẽ được thống nhất, xác định các phương pháp tích hợp lên rủi ro của Tập đoàn một cách hợp lý. Việc theo dõi giám sát các chỉ số cảnh báo rủi ro được thực hiện liên tục và chặt chẽ hơn để đảm bảo bất kỳ yếu tố thay đổi hoặc khác thường nào cũng được phát hiện kịp thời.





**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI TOÀN CẦU

- Một thế giới bền vững là như thế nào?
- Chúng ta có thể thực hiện nó bằng cách nào?
- Doanh nghiệp đóng vai trò gì trong việc bảo đảm tiến độ nhằm nhanh chóng đạt đến một thế giới như vậy?

Đây chính là 03 vấn đề chính được đặt ra của chương trình Tầm nhìn 2050, một chương trình nghị sự được Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Thế giới (WBCSD) xây dựng nhằm đưa ra viễn cảnh cho một thế giới bền vững đến năm 2050 cũng như những cơ hội kinh doanh mà tầm nhìn này mở ra.

Thách thức từ cơ hội xanh

Cùng với sự phát triển về kinh tế, tiến bộ vượt bậc về khoa học kỹ thuật công nghệ, chuyển biến mạnh mẽ về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, Phát triển bền vững, đặc biệt là “kinh tế xanh” ngày càng là tiêu điểm của các diễn đàn và quốc gia trên thế giới.

Để phác họa được một thế giới bền vững là như thế nào và làm sao thực hiện nó, hành động đầu tiên có lẽ chính là xác định những cơ hội và thách thức mà thế giới bền vững mang lại.

Cơ hội

Theo Báo cáo “Kinh doanh tốt hơn, Thế giới tốt hơn – Những cơ hội kinh doanh bền vững tại Châu Á” của Ủy ban Kinh doanh và Phát triển bền vững, đến năm 2030, bên cạnh các lợi ích không nhỏ về xã hội và môi trường, phát triển bền vững có thể tạo ra một thị trường kinh doanh trị giá 5 nghìn tỷ USD cho khu vực, đồng thời đem lại thêm 230 triệu việc làm mới, tương đương 12% tổng số nhân lực lao động tại đây.

Dân số thế giới sẽ tăng thêm 30%, tức là khoảng 9 tỉ người vào năm 2050. Với các doanh nghiệp, sự tăng trưởng này sẽ tạo ra hàng tỉ người tiêu dùng mới.

Sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật công nghệ, đặc biệt là cách mạng công nghiệp 4.0.

Thách thức

Bên cạnh những cơ hội mới bao giờ cũng đi liền với những thách thức mới, cụ thể:

- Sự bất ổn chính trị tại nhiều quốc gia.
- Sự bùng nổ dân số cũng đang gây ra nhiều nguy cơ cho vấn đề an ninh lương thực trên phạm vi toàn cầu.
- Biến đổi khí hậu. Cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, hay những hiện tượng khí hậu cực đoan.
- Tình trạng ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất đai do chất thải các loại từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giảm thiểu khí thải carbon trên thế giới.

Trước những thách thức và cơ hội đó, thì trọng trách của các bên liên quan ngày càng rõ nét và cấp thiết. Với các quốc gia, đó là việc phác họa ra bức tranh một thế giới bền vững bằng các chương trình, định hướng và mục tiêu chiến lược nhằm gắn kết nguồn lực để tạo ra bức tranh phát triển bền vững toàn cầu. Đối với các doanh nghiệp, đó là đồng hành cùng Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu, đồng hành cùng quốc gia trong việc bảo đảm tiến độ nhằm nhanh chóng đạt đến một thế giới bền vững.

Đối với Vinamilk, tiên phong trong việc triển khai các chiến lược, mục tiêu quốc gia, vững vàng đi đầu trong lộ trình Phát triển bền vững luôn là trọng tâm và mục tiêu chiến lược.

Chiến lược và mục tiêu xanh

Việt Nam – Chiến lược và mục tiêu xanh

Không nằm ngoài quỹ đạo vận động chung của thế giới, ở Việt Nam, phát triển bền vững đã được xác định là một mục tiêu chiến lược và lâu dài. 30 năm đổi mới đã làm thay đổi diện mạo nền kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đời sống người dân được cải thiện và Việt Nam đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình.

Để thực hiện tăng trưởng thịnh vượng, đi đôi với bền vững môi trường trên nền tảng cuộc cách mạng công nghệ 4.0, 06 giải pháp trọng tâm mà Việt Nam tập trung, bao gồm:

- Tập trung tạo dựng thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách và môi trường;
- Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế thị trường vận hành đầy đủ, thông suốt, hiệu quả và hội nhập quốc tế;
- Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước;
- Phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân, thu hút chọn lọc đầu tư trực tiếp nước ngoài; phát triển năng lực đổi mới, sáng tạo; phát huy các cực tăng trưởng, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng và đô thị;
- Đảm bảo công bằng và hòa nhập xã hội cũng như phát triển bền vững về môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng - Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, cụ thể hóa các giải pháp trọng tâm đó quyết định Số: 622/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch Hành động Quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì phát triển bền vững, ban hành vào ngày 10/05/2017 đã chi tiết hóa các mục tiêu, đồng hành cùng 17 mục tiêu SDGs của Liên Hiệp Quốc. Theo đó, một lộ trình với kế hoạch và mục tiêu, chương trình hành động cụ thể đã được đề ra làm tiền đề và định hướng rõ ràng cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cùng thực thi Phát triển bền vững.



Vinamilk - Chiến lược và định hướng phát triển bền vững giai đoạn 2017-2020

Hơn bao giờ hết, Vinamilk hiểu rõ vai trò của doanh nghiệp hàng đầu đối với Phát triển bền vững là gắn liền với ba khía cạnh hay nhằm đến 3 mục tiêu chủ yếu: tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội.

Tích hợp Phát triển bền vững ở tầm chiến lược, Vinamilk kiên định trong quyết tâm duy trì và thực hiện thành công chiến lược cho hoạt động Phát triển bền vững giai đoạn 2017-2020:

- Hoàn thiện phần cơ cấu quản lý và thực thi về phát triển bền vững.
- Đánh giá toàn diện hiện trạng về lĩnh vực phát triển bền vững xuyên suốt toàn Công ty.
- Tích hợp sâu rộng hơn nội dung phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh bổ sung/sửa đổi quy trình về đầu tư, nhà cung cấp...
- Xây dựng lộ trình theo các chỉ tiêu GRI cho báo cáo liên quan chặt chẽ đến các lĩnh vực trọng yếu và thành tựu từng thời kỳ.
- Đề ra kế hoạch 03 năm để hoàn thiện tất cả các nội dung liên quan (bao gồm "Ranh giới"). Cụ thể năm 2017, Vinamilk sẽ tiến hành khảo sát kỳ vọng và các lợi ích hợp lý từ các bên liên quan là (i) người lao động, (ii) nhà cung cấp/đối tác lớn và (iii) cổ đông lớn.



Dấu ấn xanh năm 2017

Giá trị mang lại cho các bên liên quan

Bên liên quan	2017 (tỷ đồng)	2016 (tỷ đồng)
Cổ đông	7.982	7.238
Nhà nước - Tiền thuế nộp ngân sách	4.231	4.358
Nhà cung cấp	29.979	28.361

Vinamilk – Tiên phong cùng Việt Nam trong thực hiện 17 mục tiêu SDGs

Những doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu là minh chứng cho nỗ lực kiến tạo môi trường thuận lợi để thực hiện 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững của Việt Nam. Đồng thời, đây chính là những "hạt giống xanh" thực hiện mục tiêu Chương trình nghị sự 2030 và 17 "Mục tiêu toàn cầu" của Việt Nam, cho thấy trọng trách phát triển kinh tế gắn liền với phụng sự xã hội, phát triển mà không để lại gánh nặng lên thế hệ sau của nước nhà.

Năm 2017, Vinamilk tự hào với những thành tựu đã tạo nên những dấu ấn xanh trên lộ trình Phát triển bền vững, chung tay cùng quốc gia thực hiện 17 mục tiêu SDGs theo định hướng của theo quyết định Số: 622/QĐ-TTg.

Bảng: Tóm tắt những thành tựu chính trong năm 2017

Mục tiêu Việt Nam	Mục tiêu Vinamilk	Thành tựu 2017
<p>UN 1: Xóa nghèo</p> <p>Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi</p> <p>Bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả nước cuối năm 2020 tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015.</p> <p>Nâng cao đời sống An sinh xã hội.</p>	<p>Tạo việc làm ổn định, cải thiện thu nhập người lao động.</p> <p>Phát triển kinh tế địa phương.</p>	<p>Thu nhập bình quân tại Vinamilk cao hơn 4,72 lần so với lương tối thiểu vùng.</p> <p>Năm 2017, tổng quỹ lương tăng 1,25 lần so với năm 2016.</p> <p>Đầu tư và tạo việc làm cho hơn 6000 lao động.</p> <p>100% nhân viên được hưởng chính sách bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nghề nghiệp.</p>
<p>UN 2: Xóa đói</p> <p>Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững</p> <p>Thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy đủ quanh năm.</p> <p>Triển khai Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030.</p> <p>Nâng cao năng lực, nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng và thực phẩm.</p> <p>Xây dựng các vùng sản xuất an toàn dịch bệnh, các vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, các vùng sản xuất tập trung áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại.</p> <p>Đến năm 2030, bảo đảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững</p>	<p>Phát triển chăn nuôi bền vững.</p> <p>Nâng cao năng lực sản xuất, đi đầu trong công nghệ sản xuất hiện đại.</p> <p>Phát triển sản phẩm phục vụ cho đa dạng nhu cầu dinh dưỡng.</p> <p>Nâng cao năng lực, nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng và thực phẩm.</p>	<p>Hơn 50% sản phẩm là thực phẩm bổ sung trong danh mục sản phẩm.</p> <p>Quỹ sữa Vươn cao Việt Nam đã trao tặng 1,4 triệu ly sữa tương đương 9 tỷ đồng cho 16.000 trẻ em.</p> <p>Ngân sách gần 100 tỷ đồng cho chương trình Sữa học đường.</p> <p>8/9 trang trại đạt Global Gap và 1 trang trại đạt chuẩn Organic.</p> <p>13/13 Nhà máy đạt chứng nhận FSSC 22000.</p>
<p>UN 3: Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc</p> <p>Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi.</p> <p>Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm bảo vệ rủi ro tài chính, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người.</p>	<p>Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.</p> <p>Nâng cao đời sống thể chất của nhân viên.</p>	<p>Bảo hiểm sức khỏe cho 100% nhân viên.</p> <p>100% nhân viên được khám sức khỏe định kỳ.</p> <p>Trang bị các phòng tập thể dục thể thao, hồ bơi...</p> <p>Tổ chức nhiều chương trình Tư vấn dinh dưỡng cho người cao tuổi.</p>
<p>UN 4: Giáo dục chất lượng</p> <p>Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.</p> <p>Đến năm 2030, tăng đáng kể số lao động có các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động để có việc làm tốt và làm chủ doanh nghiệp.</p>	<p>Xây dựng đội ngũ nhân viên hoàn thiện về kỹ năng, đảm bảo về năng lực và đáp ứng nguyên tắc văn hóa.</p>	<p>Tổ chức 601 khóa đào tạo với ngân sách hơn 11 tỷ đồng.</p> <p>100% cấp quản lý đã thực hiện đánh giá năng lực và xây dựng Kế hoạch hành động phát triển năng lực.</p>

<p>UN 5: Bình đẳng giới Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái.</p>	<p>Bình đẳng, không phân biệt đối xử.</p>	<p>40% lãnh đạo cấp cao là nữ. Hơn 27% quản lý là nữ.</p>
<p>UN 6: Nước sạch và điều kiện vệ sinh Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người. Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm. Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững.</p>	<p>Tuân thủ yêu cầu của pháp luật. Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm. 100% nước thải nguy hại được xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn.</p>	<p>100% nước thải nguy hại được xử lý. Giảm tỷ lệ sử dụng nước so với năm 2016 là 8,57%. 100% nước thải trong chăn nuôi được tái sử dụng sau xử lý đạt yêu cầu. 100% đơn vị khai thác nước theo đúng công suất cho phép.</p>
<p>UN 7: Năng lượng sạch và giá hợp lý Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người. Đến năm 2030, tăng đáng kể tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng sơ cấp của quốc gia, cụ thể đạt 31% vào năm 2020 và đạt 32,3% vào năm 2030. Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến năm 2030, tăng gấp đôi tốc độ cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng; giảm tiêu thụ điện 10% so với kịch bản cơ sở.</p>	<p>Ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo. Tiết kiệm điện và sử dụng điện hiệu quả.</p>	<p>Tỷ lệ % năng lượng tái tạo sử dụng: 61,92% (KSX). Tỷ lệ năng lượng sạch sử dụng là 31,05% (KSX). Tiết kiệm điện 5,67% so với năm 2016 (KSX). Nhà máy Thống nhất đạt giải thưởng môi trường năm 2017 do Bộ Tài Nguyên Môi Trường trao tặng.</p>
<p>UN 8: Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người. Duy trì tăng trưởng GDP bình quân đầu người 4 - 4,5%/năm và tăng trưởng GDP hàng năm trung bình từ 5 - 6%. Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với cơ giới hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; phát triển kinh tế trang trại, sản xuất hàng hóa lớn. Khung Chương trình 10 năm về Sản xuất và Tiêu dùng bền vững của Việt Nam. Đến năm 2030, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau.</p>	<p>Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Phát triển kinh tế địa phương. Thực hiện giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải. Cải tiến quy trình quản lý, ứng dụng và chuyển sang các công nghệ sạch. Tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu, năng lượng tái tạo, sản phẩm thân thiện môi trường. Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn.</p>	<p>0 lô sản phẩm thu hồi. Tạo ra hơn 6000 việc làm Không lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em.</p>

<p>UN 9: Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới. Đến năm 2030, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững; nâng cấp kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ hướng tới sự bền vững, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực và áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất sạch và thân thiện với môi trường; Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất đối với những ngành, công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ. Xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, áp dụng rộng rãi quy trình sản xuất sạch.</p>	<p>Đi đầu trong ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm tạo sự đột phá về công nghệ trong sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hành tác nghiệp. Góp ý và đồng hành cùng xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật, các văn bản pháp luật.</p>	<p>Hơn 20 sáng kiến về tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững đã được triển khai trong sản xuất và chăn nuôi. 100% cơ sở hạ tầng được đánh giá rà soát, đầu tư mới. Đạt danh hiệu Top 10 Doanh nghiệp bền vững xuất sắc lĩnh vực Sản xuất. Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và điều chỉnh 16 văn bản pháp luật. Hệ thống quy trình phê duyệt không giấy. Chứng nhận An ninh thông tin 27001 đối với IT. Triển khai hệ thống Call center.</p>
<p>UN 10: Giảm bất bình đẳng Giảm bất bình đẳng trong xã hội. Đảm bảo cơ hội bình đẳng và giảm bất bình đẳng trong hưởng lợi cho tất cả mọi người.</p>	<p>Bình đẳng, không phân biệt đối xử trong tất cả mọi lĩnh vực.</p>	<p>Không có khiếu nại về bất bình đẳng trong tổ chức. Không có khiếu nại về phân biệt đối xử trong tổ chức.</p>
<p>UN 11: Các thành phố và cộng đồng bền vững Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng. Giảm tác động có hại của môi trường tới con người tại các đô thị, tăng cường quản lý chất lượng không khí, chất thải đô thị và các nguồn chất thải khác. Thúc đẩy và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Sản xuất sạch và chăn nuôi xanh. Quản lý chất thải và rác thải hiệu quả, tuân thủ pháp luật.</p>	<p>100% nước thải đầu ra được xử lý đạt chuẩn. 100% nhà thầu liên quan xử lý rác thải có giấy phép hành nghề.</p>



UN 12: Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm

Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Thay đổi hành vi tiêu dùng, thực hiện lối sống bền vững.

Nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam theo hướng bền vững.

Đến năm 2030, đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên: khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản.

Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp áp dụng các thông lệ bền vững, bao gồm công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người nghèo và nhóm dân cư yếu thế; tích hợp các thông tin về tính bền vững vào báo cáo định kỳ của mình.

Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống, nhất là nguồn nhiên liệu hóa thạch.

Quản lý chất thải hiệu quả.

Tuân thủ yêu cầu của pháp luật.

Đưa phát triển bền vững vào chiến lược.

Báo cáo phát triển bền vững được ban hành hàng năm.

Tung sản phẩm sữa organic và sữa chua từ trang trại organic.

Xuất khẩu sản phẩm sang hơn 43 quốc gia và không ngừng mở rộng thị trường.

13/13 nhà máy đạt chứng nhận ISO 14001, ISO 50001, OHSAS 18001.

Giải nhất báo cáo Phát triển Bền vững năm 2016.

Top 10 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững năm 2017 do Hội đồng doanh nghiệp Phát triển Bền vững tổ chức mảng sản xuất.

Tổng điểm đánh giá chỉ số VNSI 91% - HOSE.

Chi tiết về Quản trị Phát triển Bền vững, các chương trình hành động và kết quả đạt được vui lòng tham khảo Báo cáo Phát triển Bền vững 2017.






CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2017 - 2021



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2017 - 2021

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động, sau khi phân tích và đánh giá một cách đầy đủ và khách quan, Hội đồng Quản trị Vinamilk xác định các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2017 - 2021 như sau:

TẦM NHÌN DÀI HẠN

 Nắm giữ vị thế dẫn đầu trong ngành sữa Việt Nam	 Trở thành công ty sữa tạo ra nhiều giá trị nhất tại Đông Nam Á	 Đi đầu trong đổi mới sáng tạo mang tính ứng dụng cao
--	---	--



CÁC MỤC TIÊU ĐỊNH TÍNH

Tiếp tục duy trì vị trí số 1 tại thị trường Việt Nam và tiến tới mục tiêu trở thành 1 trong Top 30 Công ty Sữa lớn nhất thế giới về doanh thu, Vinamilk xác định chiến lược phát triển với 4 trụ cột chính được thực thi, bao gồm:

<p>Đi đầu trong đổi mới sáng tạo mang tính ứng dụng cao</p> <p>Tập trung vào ngành sữa và các sản phẩm liên quan đến sữa, vốn là ngành kinh doanh cốt lõi tạo nên thương hiệu Vinamilk trong hơn 40 năm qua.</p> <p>Tiếp tục nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm mới với mục đích cách tân và đa dạng hóa danh mục sản phẩm trên cơ sở phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng và nhu cầu của khách hàng.</p>	<p>Nắm giữ vị thế dẫn đầu ngành sữa Việt Nam</p> <p>Ưu tiên tập trung khai thác thị trường nội địa với tiềm năng phát triển còn rất lớn.</p> <p>Chú trọng khai thác thị trường nông thôn với sức tiêu thụ các sản phẩm sữa hiện nay chỉ tương đương 50% sức tiêu thụ sữa tại khu vực thành thị, trong khi tỷ lệ cơ cấu dân số ở thành thị / nông thôn hiện tại ở mức 35% / 65%.</p>	<p>Phân khúc thị trường và định vị sản phẩm</p> <p>Đẩy mạnh tập trung vào phân khúc sản phẩm trung và cao cấp với các giá trị gia tăng ở thành thị, tiếp tục thâm nhập và bao phủ khu vực nông thôn với các dòng sản phẩm phổ thông.</p>
<p>Trở thành công ty sữa tạo ra nhiều giá trị nhất tại Đông Nam Á</p>	<p>Sẵn sàng cho các hoạt động mua bán sáp nhập (M&A) và mở rộng mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ với các đối tác theo cả ba hướng tích hợp ngang, tích hợp dọc và kết hợp.</p> <p>Ưu tiên tìm kiếm các cơ hội M&A với các công ty sữa tại các quốc gia khác với mục đích mở rộng thị trường và tăng doanh số.</p> <p>Tích cực xây dựng hình ảnh thương hiệu bằng việc thực hiện các chiến lược quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông; đồng thời cam kết đầu tư cao ở tất cả các khâu mà đặc biệt là lợi thế về mạng lưới phân phối, tiếp thị và nguồn nhân lực.</p>	

CÁC MỤC TIÊU ĐỊNH LƯỢNG

Mục tiêu doanh số năm 2021

 **80.000 TỶ ĐỒNG, TƯƠNG ĐƯƠNG 3,3 TỶ USD**

Tăng trưởng tổng thị phần ngành sữa

 **TRUNG BÌNH 1% / NĂM**

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, xu hướng phát triển và định hướng chiến lược của công ty, Ban Điều hành đưa ra kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018 như sau:

<p>Chủ đề của năm Dũng cảm thay đổi - Tăng tốc dẫn đầu</p>	<p>Mục tiêu chủ yếu</p> <ul style="list-style-type: none"> Tăng trưởng ổn định và bền vững Tiếp tục đứng đầu thị trường sữa, tăng 1% thị phần so với 2017.
--	---



Định hướng và mục tiêu cụ thể cho từng hoạt động chức năng.

2018



HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)

Tiếp tục đầu tư phát triển hoạt động R&D theo xu hướng thế giới; chú trọng phát triển thực phẩm hữu cơ và ứng dụng Công nghệ sinh học nhằm hướng đến mục tiêu trở thành biểu tượng niềm tin hàng đầu Việt Nam về sản phẩm dinh dưỡng và sức khỏe phục vụ cuộc sống con người.

Đặt tiêu chí tốt cho sức khỏe lên hàng đầu và tập trung nghiên cứu phát triển sản phẩm đặc thù cho phân khúc người già, người bệnh và trẻ em.



HOẠT ĐỘNG TIẾP THỊ - KINH DOANH

Nội địa

Tiếp tục dẫn đầu về cải tiến sản phẩm và phát triển sản phẩm mới ở tất cả các ngành hàng chủ lực, giữ vững vị trí số 1 và đi đầu trong các xu hướng mới.

Nâng tầm các hoạt động tiếp thị nhằm tạo ra giá trị cao hơn.

Tiếp tục thực thi chương trình tái cấu trúc và tăng cường năng lực hệ thống nhà phân phối; thực thi quyết liệt và kịp thời nhiều hoạt động để gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Phối hợp chặt chẽ giữa kinh doanh và marketing để thực hiện hiệu quả và chất lượng các chương trình tung và tái tung sản phẩm.

Xuất khẩu

Tiếp tục mở rộng các thị trường tiềm năng trọng điểm.

Tiếp cận và xúc tiến một cách linh hoạt và đa dạng các loại hình hợp tác kinh doanh với đối tác quốc tế.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, CUNG ỨNG - ĐIỀU VẬN

Triển khai thực thi các dự án nâng cấp, mở rộng các nhà máy hiện hữu và đầu tư nhà máy mới theo kế hoạch đầu tư chiến lược đã hoạch định.

Khích lệ và triển khai áp dụng rộng rãi các giải pháp nâng cao hiệu quả nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất chung và đảm bảo yếu tố phát triển bền vững.

Tiếp tục thực thi công tác hoạch định và hợp tác nhà cung cấp / đối tác chiến lược. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong đánh giá nhà cung cấp để đảm bảo cả về hiệu quả, an toàn sản phẩm và hướng đến phát triển bền vững.

Tối ưu hóa các cung đường vận chuyển điều kho và phân phối, gia tăng tỷ lệ giao hàng đúng hạn, mang đến sự hài lòng về chất lượng dịch vụ.



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU

Thực thi việc nâng cấp và xây dựng mới các trang trại theo hoạch định, tích hợp các yêu cầu phát triển bền vững và phù hợp với biến đổi khí hậu.

Tiêu chuẩn hóa các hệ thống máy móc thiết bị theo hướng áp dụng kỹ thuật tiên tiến của thế giới mà phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng nuôi trồng tại Việt Nam.

Mở rộng và nâng cao đội ngũ cán bộ kỹ sư chăn nuôi thú y chuyên môn cao và đẩy mạnh trình độ ngang tầm các nước tiên tiến trên thế giới.



CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ

Tài chính

Tập trung nâng cao tính đa dạng, hữu ích, đầy đủ của các báo cáo quản trị và dự báo, đánh giá thẩm định các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng và đánh giá hiệu quả sau đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi phí.

Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống quản lý ERP đối các công ty con tại nước ngoài, hướng đến sự đồng bộ thông tin dữ liệu trong toàn tập đoàn.

Kiểm soát nội bộ

Tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ theo định hướng tinh gọn LEAN và hiệu quả có kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin để tự động / số hóa các hoạt động thủ công nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Nhân sự - Đối ngoại

Tăng cường các hoạt động đối ngoại, các hoạt động tổ chức cho cộng đồng để truyền thông nhằm nâng cao danh tiếng Công ty và thương hiệu nhà tuyển dụng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh và thu hút nhân tài.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH (THEO VAS)



**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nội dung	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	126
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	127
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	128
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	130
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	134
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	136
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	139

Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	4103001932	Ngày 20 tháng 11 năm 2003
Đăng ký Doanh nghiệp số	0300588569	Ngày 23 tháng 6 năm 2017
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569 ngày 23 tháng 6 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch
	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên
	Ông Lee Meng Tat	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Hiến	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Song Lai	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Anh Minh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
Ban Điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành Nhân sự – Hành chính – Đối ngoại
	Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành Kinh doanh
	Ông Lê Thành Liêm	Giám đốc Điều hành Tài chính
	Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành Marketing
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành Dự án
	Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Sản xuất
	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu
Trụ sở đăng ký	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Báo cáo của Ban Điều hành

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, được trình bày từ trang 130 đến trang 189, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2018

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 130 đến 189.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-149/C



Chàng Hồng Chun
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2018



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0866-2018-007-1

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		20.307.434.789.529	18.673.827.685.789
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.2	963.335.914.164	655.423.095.436
Tiền	111		834.435.914.164	599.923.095.436
Các khoản tương đương tiền	112		128.900.000.000	55.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.561.714.377.337	10.453.749.313.471
Chứng khoán kinh doanh	121	V.5(a)	443.130.811.523	443.132.521.486
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.5(c)	(675.708.019)	(500.629.886)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.5(b)	10.119.259.273.833	10.011.117.421.871
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.591.702.853.157	2.866.683.958.798
Phải thu khách hàng	131	V.3(a)	3.613.981.838.047	2.191.348.458.582
Trả trước cho người bán	132		622.978.664.875	288.808.403.942
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4(a)	367.850.643.578	390.619.273.181
Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.3(d)	(13.193.973.536)	(4.168.573.420)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		85.680.193	76.396.513
Hàng tồn kho	140	V.6	4.021.058.976.634	4.521.766.382.352
Hàng tồn kho	141		4.041.302.638.611	4.538.439.873.598
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.243.661.977)	(16.673.491.246)
Tài sản ngắn hạn khác	150		169.622.668.237	176.204.935.732
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12(a)	51.933.181.113	59.288.353.847
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		117.132.711.139	116.835.557.323
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		556.775.985	81.024.562

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		14.359.884.047.968	10.704.828.639.675
Các khoản phải thu dài hạn	210		53.774.889.824	21.855.008.176
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3(b)	29.973.948.684	-
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		5.373.558.222	7.245.908.762
Phải thu dài hạn khác	216	V.4(b)	18.427.382.918	14.609.099.414
Tài sản cố định	220		10.609.309.098.847	8.321.053.086.713
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.290.516.618.864	7.916.322.992.944
Nguyên giá	222		18.917.435.800.484	14.257.738.667.127
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.626.919.181.620)	(6.341.415.674.183)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	318.792.479.983	404.730.093.769
Nguyên giá	228		469.549.338.561	557.891.027.713
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(150.756.858.578)	(153.160.933.944)
Bất động sản đầu tư	230	V.11	95.273.270.528	136.973.382.326
Nguyên giá	231		143.340.838.168	179.678.050.557
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(48.067.567.640)	(42.704.668.231)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.928.569.256.697	993.111.642.018
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.7	181.678.288.317	127.671.589.409
Xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.746.890.968.380	865.440.052.609
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		555.497.854.952	613.806.560.199
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	V.5(c)	481.282.722.569	419.909.385.728
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	V.5(c)	82.336.523.394	11.387.476.240
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.5(c)	(8.121.391.011)	(7.490.301.769)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.5(b)	-	190.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.117.459.677.120	618.028.960.243
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12(b)	612.134.810.005	459.395.057.029
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13(a)	30.394.768.880	34.650.812.752
Lợi thế thương mại	269	V.14	474.930.098.235	123.983.090.462
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		34.667.318.837.497	29.378.656.325.464

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.794.261.023.636	6.972.707.036.879
Nợ ngắn hạn	310		10.195.562.827.092	6.457.497.982.894
Phải trả người bán	311	V.15	3.965.691.123.157	2.561.910.262.979
Người mua trả tiền trước	312		360.182.469.422	35.951.866.026
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	V.17	383.314.082.997	255.510.130.860
Phải trả người lao động	314		205.722.836.953	192.349.429.102
Chi phí phải trả	315	V.18	1.528.287.945.458	1.025.974.683.705
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.344.630.678	3.360.079.979
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	2.783.824.177.984	592.099.957.922
Vay ngắn hạn	320	V.16(a)	268.102.046.087	1.332.666.200.200
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		603.744.795	889.995.571
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.20	692.489.769.561	456.785.376.550
Nợ dài hạn	330		598.698.196.544	515.209.053.985
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.039.560.218	1.663.272.218
Phải trả dài hạn khác	337		16.567.661.700	589.208.918
Vay dài hạn	338	V.16(b)	274.949.439.387	326.970.398.182
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13(b)	203.618.107.064	90.025.589.500
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	102.523.428.175	95.960.585.167

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		23.873.057.813.861	22.405.949.288.585
Vốn chủ sở hữu	410	V.22	23.873.057.813.861	22.405.949.288.585
Vốn cổ phần	411	V.23	14.514.534.290.000	14.514.534.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		260.699.620.761	260.699.620.761
Cổ phiếu quỹ	415		(7.159.821.800)	(1.176.335.920)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		18.367.457.133	5.654.693.453
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.851.905.410.228	1.797.019.925.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.736.920.629.462	5.591.831.510.779
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.646.643.972.283	2.928.776.175.324
LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.090.276.657.179	2.663.055.335.455
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		497.790.228.077	237.385.583.924
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		34.667.318.837.497	29.378.656.325.464

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Người lập: 
 Lê Thành Liêm
 Giám đốc Điều hành Tài chính
 kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt: 

 Mai Kiều Liên
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.134.899.765.079	46.965.003.101.825
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	93.823.879.970	170.663.701.551
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	51.041.075.885.109	46.794.339.400.274
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	26.806.931.066.476	24.458.633.395.995
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.234.144.818.633	22.335.706.004.279
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	816.316.778.535	722.560.775.263
Chi phí tài chính	22	VI.4	87.037.548.276	102.450.313.571
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.438.568.563	46.499.350.049
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	24	V.5(c)	67.133.981.642	16.478.714.797
Chi phí bán hàng	25	VI.7	11.536.533.571.799	10.758.752.992.255
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.267.606.271.090	1.053.251.528.978
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		12.226.418.187.645	11.160.290.659.535
Thu nhập khác	31	VI.5	213.080.586.430	182.321.601.244
Chi phí khác	32	VI.6	210.553.389.939	104.985.689.883
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.527.196.491	77.335.911.361
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.228.945.384.136	11.237.626.570.896
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.967.066.705.229	1.883.267.418.844
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(16.295.874.259)	(9.470.625.438)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.278.174.553.166	9.363.829.777.490

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.278.174.553.166	9.363.829.777.490
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		10.295.665.148.846	9.350.329.130.383
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		(17.490.595.680)	13.500.647.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	6.355	5.831

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Thành Liêm
 Giám đốc Điều hành Tài chính
 kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.228.945.384.136	11.237.626.570.896
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.299.870.153.900	1.190.837.007.934
Phân bổ lợi thế thương mại	02		24.621.398.026	18.361.924.596
Các khoản dự phòng	03		9.211.986.688	24.851.964.200
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.716.375.078	(1.318.867.186)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và xây dựng cơ bản dở dang	05		11.626.288.383	23.313.975.174
Thu nhập từ cổ tức và lãi tiền gửi	05		(770.127.530.460)	(660.177.839.434)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05		(67.133.981.642)	(16.478.714.797)
Chi phí lãi vay	06	VI.4	29.438.568.563	46.499.350.049
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.770.168.642.672	11.863.515.371.432
Biến động các khoản phải thu	09		(1.599.146.216.641)	(183.074.482.860)
Biến động hàng tồn kho	10		318.469.641.939	(1.036.885.160.204)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		958.729.788.071	330.394.544.447
Biến động chi phí trả trước	12		(9.999.654.740)	84.053.128.168
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	11.421.007.510
Tiền lãi vay đã trả	14		(65.131.015.206)	(34.203.620.310)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(1.933.509.580.614)	(1.771.242.504.991)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(837.987.080.389)	(874.196.976.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		9.601.594.525.092	8.389.781.306.333

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.672.989.490.186)	(1.141.612.752.349)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		120.711.406.540	50.326.954.998
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(218.248.720.396)	(1.448.667.704.487)
Tiền chi cho vay	23		-	(1.672.208.413)
Tiền thu hồi cho vay	24		1.872.350.540	-
Tiền thu hồi từ việc bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5(b)	300.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(86.830.000.000)	(8.100.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26		23.329.037.647	1.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		754.960.073.066	602.139.063.443
Tặng từ hợp nhất kinh doanh	28	V.1	6.206.321.842	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.770.989.020.947)	(1.945.786.646.808)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	354.965.040.720
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		(5.983.485.880)	(1.176.335.920)
Tiền chi mua thêm cổ phần từ cổ đông thiểu số trong công ty con	32		(276.417.487.058)	(68.145.358.428)
Tiền thu từ đi vay	33	V.16	2.777.050.122.470	4.071.885.136.592
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(4.224.186.861.900)	(4.260.046.315.599)
Tiền chi trả cổ tức	36		(5.805.807.717.105)	(7.238.478.492.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(7.535.345.429.473)	(7.140.996.324.635)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN


(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		295.260.074.672	(697.001.665.110)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		655.423.095.436	1.358.682.600.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(707.624.645)	(35.888.530)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	62		13.360.368.701	(6.221.951.608)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 62)	70	V.2	963.335.914.164	655.423.095.436

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Người lập: 
Lê Thành Liêm
Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành, và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được ghi nhận như sau:

- Ngày 29/4/1993 Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- Ngày 1/10/2003 Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- Ngày 20/11/2003 Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932.
- Ngày 28/12/2005 Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPNY.
- Ngày 19/1/2006 Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngày 12/12/2006 Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 14/12/2006 Công ty TNHH Một Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- Ngày 26/2/2007 Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- Ngày 24/6/2010 Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- Ngày 30/9/2010 Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Ngày 18/9/2012 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý KCN Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.
- Ngày 21/10/2013 Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- Ngày 6/12/2013 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Driftwood Dairy Holdings Corporation tại Bang California, Hoa Kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7 triệu USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- Ngày 6/1/2014 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Angkor Dairy Products Co., Ltd. tại Phnompenh, Campuchia với tỷ lệ 51%.
- Ngày 30/5/2014 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 709//BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, để thành lập Vinamilk Europe sp.z.o.o tại Ba Lan do Vinamilk sở hữu 100% vốn.
- Ngày 24/2/2014 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 14191/15 giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế.
- Ngày 19/5/2016 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600140 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, phê duyệt tăng vốn đầu tư thêm ba (03) triệu đô la Mỹ vào Driftwood Dairy Holdings Corporation. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư trị giá 3 triệu USD, nâng tổng số vốn đầu tư lên 10 triệu USD và tăng tỷ lệ sở hữu tại Driftwood Dairy Holdings Corporation từ 70% lên 100%.
- Ngày 19/1/2017 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25, ngày 18 tháng 1 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (trước khi sáp nhập là Công ty con 100% vốn của Công ty). Công ty đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- Ngày 31/7/2017 Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh lần thứ nhất ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam liên quan đến Angkor Dairy Products Co., Ltd. ("Angkormilk"). Theo đó vốn đầu tư của Công ty tại Angkormilk sẽ tăng từ 10.210.000 USD lên 20.995.390 USD. Lý do tăng vốn là mua lại toàn bộ phần vốn góp của đối tác tại Angkormilk. Tại ngày 31 tháng 7 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư, nâng tổng số vốn đầu tư lên 20,9 triệu USD và tăng tỷ lệ sở hữu tại Angkormilk từ 51% lên 100%.
- Ngày 20/10/2017 Ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua lại 3,89% vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa từ cổ đông không kiểm soát. Ngày 21 tháng 10 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu.
- Ngày 01/11/2017 Vào tháng 10 năm 2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua cổ phần mới phát hành của Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa và nắm giữ 65% vốn chủ sở hữu của Công ty này. Giao dịch hoàn tất vào ngày 1 tháng 11 năm 2017. Ngày 14 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa đã chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đường Việt Nam.

2. Hoạt động chính

Những hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (theo quy định tại điều 11.3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014);
- Kinh doanh kho, bến bãi, vận tải;
- Vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống không cồn, nước khoáng, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- Sản xuất và mua bán bao bì, sản phẩm nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở);
- Chăn nuôi, trồng trọt;
- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và thực phẩm khác; và
- Bán lẻ đồ uống có cồn, đồ uống không chứa cồn (các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga), nước khoáng thiên nhiên, rượu vang và bia cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 6 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2017: 6 công ty con và 3 công ty liên kết) và đơn vị trực thuộc như sau:

(a) Công ty con

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn / quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Chăn nuôi bò sữa	100,00%
Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa (*)	Khu phố 1, Thị trấn Thống nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất sữa và chăn nuôi gia súc	100,00%
Driftwood Dairy Holdings Corporation	Số 10724, đường Lower Azusa và El Monte Boulevards Intersection, California 91731-1390, Mỹ	Sản xuất sữa	100,00%
Angkor Dairy Products Co., Ltd. (**)	Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan posechey, Phnom Penh, Vương Quốc Campuchia	Sản xuất sữa	100,00%
Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia	Ul. Gwiazdzista 7a/401-651 Warszawa, Ba Lan	Kinh doanh nguyên liệu sữa và động vật sống	100,00%
Công ty Cổ phần Đường Việt Nam (***)	Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và tinh luyện đường	65,00%

(*) Vào tháng 9 năm 2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua lại 3,89% vốn chủ sở hữu còn lại trong công ty con này. Ngày 21 tháng 10 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu.

(**) Vào tháng 7 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 49% phần vốn chủ sở hữu còn lại trong Angkor Dairy Products Co., Ltd. để tăng tỷ lệ sở hữu công ty con này lên 100%.

(***) Vào tháng 10 năm 2017, Công ty mua cổ phần mới phát hành của Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa, bằng 65% vốn chủ sở hữu của Công ty này. Ngày 14 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa đã chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đường Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Công ty liên kết

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn / quyền biểu quyết
Miraka Limited	108 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand	Sản xuất sữa	22,81%
Công ty Cổ phần APIS	Số 18A, VSIP II-A, đường 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nguyên liệu thực phẩm	18,00%
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (*)	Khu công nghiệp Giao Long, Giai Đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ dừa	25,00%

(*) Vào tháng 12 năm 2017, Công ty đã chính thức góp vốn đầu tư 25% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần chế biến Dừa Á Châu.

(c) Đơn vị trực thuộc

Các chi nhánh bán hàng

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Hà Nội – Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng – Tầng 7 Tòa nhà Bưu Điện, 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ – Số 77-77B Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các nhà máy sản xuất

1. Nhà máy Sữa Thống Nhất – Số 12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nhà máy Sữa Trường Thọ – Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nhà máy Sữa Dielac – Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.
4. Nhà máy Sữa Cần Thơ – Khu Công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ.
5. Nhà máy Sữa Sài Gòn – Khu CN Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nhà máy Sữa Nghệ An – Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.
7. Nhà máy Sữa Bình Định – 87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
8. Nhà máy Nước Giải khát Việt Nam – Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
9. Nhà máy Sữa Tiên Sơn – Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
10. Nhà máy Sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.
11. Nhà máy Sữa bột Việt Nam – 9 Đại lộ Tự Do – Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
12. Nhà máy Sữa Việt Nam – Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
13. Nhà máy Sữa Lam Sơn – Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Kho vận

1. Xí nghiệp Kho Vận Hồ Chí Minh – Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Quận Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Phòng khám

1. Phòng khám đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm thu mua sữa tươi

1. Trung tâm sữa tươi nguyên liệu Củ Chi – Lô B14-1, B14-2 đường D4, Khu Công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 7.845 nhân viên (1/1/2017: 6.981 nhân viên).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

IV. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

1. Cơ sở hợp nhất

(a) Công ty con

Công ty con là những đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết tiềm tàng có thể được thực thi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát đơn vị hay không. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thay đổi vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như NCI và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(d) Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(f) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

2. Ngoại tệ

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch và có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái bình quân trong năm.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4. Các khoản đầu tư

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh tức là mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

· Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
· Máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
· Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
· Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
· Gia súc	6 năm
· Tài sản khác	3 năm

8. Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 6 năm.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng, có được thông qua hợp nhất kinh doanh, ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 – 10 năm.

9. Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất 49 năm
- Cơ sở hạ tầng 10 năm
- Nhà cửa 6 – 50 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 1 – 4 năm.

(c) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 – 3 năm.

12. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

13. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

15. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

16. Vốn cổ phần

(a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán hoặc phát hành lại, số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(d) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(e) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(f) Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

23. Phân phối cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được trong năm. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

24. Các quỹ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

- Quỹ khen thưởng và phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc, tùy thuộc vào bản chất và quy mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ Công ty. Khi quỹ này được dùng để mở rộng kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển vào vốn cổ phần.

25. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

27. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Hợp nhất kinh doanh

Vào tháng 11 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc mua 65% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa ("KSC"), bằng việc mua cổ phần mới phát hành với tổng số tiền thanh toán là 1.328.381.061.273 VND, đã bao gồm các chi phí giao dịch.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.587.383.115	-	8.587.383.115
Các khoản phải thu – ngắn hạn	110.282.100.955	-	110.282.100.955
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.587.629.312)	-	(4.587.629.312)
Hàng tồn kho	174.462.199.838	-	174.462.199.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(16.052.083.010)	-	(16.052.083.010)
Tài sản ngắn hạn khác	1.756.233.865	-	1.756.233.865
Tài sản cố định hữu hình	937.631.439.709	667.660.285.205	1.605.291.724.914
Nguyên giá	2.328.795.917.892	573.173.352.481	2.901.969.270.373
Khấu hao lũy kế	(1.391.164.478.183)	94.486.932.724	(1.296.677.545.459)
Tài sản cố định vô hình	2.170.298.294	3.697.854.856	5.868.153.150
Nguyên giá	2.464.771.095	3.403.382.055	5.868.153.150
Khấu hao lũy kế	(294.472.801)	294.472.801	-
Xây dựng cơ bản dở dang	44.275.267.976	-	44.275.267.976
Các khoản đầu tư dài hạn	1.688.700.000	-	1.688.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(527.076.663)	-	(527.076.663)
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	(37.063.003.015)	-	(37.063.003.015)
Nợ phải trả ngắn hạn	(1.617.993.212.595)	-	(1.617.993.212.595)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(134.271.628.012)	(134.271.628.012)
Dự phòng phải trả dài hạn	(1.851.507.401)	-	(1.851.507.401)
Cổ phiếu mới phát hành được mua bởi Công ty	1.326.000.000.000	-	1.326.000.000.000
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	928.779.111.756	537.086.512.049	1.465.865.623.805
Tài sản thuần nhận được (65%)			952.812.655.474
Lợi thế thương mại (Thuyết minh V.14)			375.568.405.799
Khoản thanh toán cho việc mua			1.328.381.061.273
Khoản tiền thu được			8.587.383.115
Chi phí giao dịch trực tiếp đã thanh toán			(2.381.061.273)
Khoản tiền thuần thu được			6.206.321.842

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua hoạt động kinh doanh phát sinh chủ yếu từ sự cộng hưởng mà Ban Điều hành kỳ vọng từ việc sáp nhập KSC vào hoạt động kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

Nghiệp vụ mua lại được thực hiện vào ngày 1 tháng 11 năm 2017. Do đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp được mua đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn từ ngày được mua lại đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	2.451.074.646	1.355.443.244
Tiền gửi ngân hàng	831.957.513.762	598.566.823.415
Tiền đang chuyển	27.325.756	828.777
Các khoản tương đương tiền	128.900.000.000	55.500.000.000
	963.335.914.164	655.423.095.436

3. Phải thu khách hàng

(a) Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu khách hàng	3.613.981.838.047	2.191.348.458.582

(b) Phải thu khách hàng dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
SIG Combibloc Ltd	29.973.948.684	-

(c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần APIS	136.184.400	136.184.400

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Số dư đầu năm	(4.168.573.420)	(3.211.964.123)
Tăng dự phòng trong năm	(5.847.869.352)	(2.503.289.567)
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh V.1)	(4.587.629.312)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	1.404.130.066	1.588.624.041
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	5.968.482	(41.943.771)
Số dư cuối năm	(13.193.973.536)	(4.168.573.420)

4. Các khoản phải thu khác**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi tiền gửi	297.901.556.067	269.061.980.250
Lãi trái phiếu	4.595.917.808	17.595.726.029
Phải thu người lao động	3.361.739.097	809.687.030
Tạm ứng cho nhân viên	2.791.137.549	3.185.564.959
Ký quỹ ngắn hạn	29.053.532.031	9.449.358.271
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	-	54.797.825.720
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	11.286.997.201	27.796.047.217
Phải thu khác	18.859.763.825	7.923.083.705
	367.850.643.578	390.619.273.181

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ký cược, ký quỹ	12.179.698.092	8.361.414.588
Phải thu khác	6.247.684.826	6.247.684.826
	18.427.382.918	14.609.099.414

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư
(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (*)	442.000.000.000	-	442.000.000.000	-
Khác	1.130.811.523	(675.708.019)	631.935.400	(500.629.886)
	443.130.811.523	(675.708.019)	442.631.935.400	(500.629.886)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đã ký một thỏa thuận mua bán cổ phiếu để chuyển nhượng chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt, giao dịch này vẫn chưa hoàn tất (Thuyết minh V.19). Giá trị ghi sổ của cổ phiếu phản ánh giá trị dự kiến có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	9.929.259.273.833	9.711.117.421.871
Trái phiếu doanh nghiệp	(ii)	190.000.000.000	300.000.000.000
		10.119.259.273.833	10.011.117.421.871
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
Trái phiếu doanh nghiệp	(ii)	-	190.000.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 82.977 triệu VND (1/1/2017: 76.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh V.16(b)(i)).

(ii) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành với thời gian đáo hạn gốc là 36 tháng kể từ ngày mua. Các trái phiếu không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm từ 8,075% đến 8,175% (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: từ 7,500% đến 8,075%) và đáo hạn vào tháng 9 năm 2018.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017				1/1/2017			
	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Các công ty liên kết								
Miraka Limited	22,81%	383.002.013.497	(*)	-	22,81%	338.642.990.088	(*)	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (***)	-	-		-	14,71%	72.902.360.632	(*)	-
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	25,00%	86.858.993.107	(*)	-	-	-		-
Công ty Cổ phần APIS (**)	18,00%	11.421.715.965	(*)	-	18,00%	8.364.035.008	(*)	-
		481.282.722.569		-		419.909.385.728		-
Khác								
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (***)		69.261.607.154	(*)	-		-		-
Quý đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2)		10.270.276.240	(*)	(7.501.517.042)		10.270.276.240	(*)	(7.490.301.769)
Nhà thuốc – Phòng khám đa khoa An Khang		300.000.000	(*)	-		300.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung		1.688.700.000	(*)	(619.873.969)		-		-
Khác		815.940.000	(*)	-		817.200.000	(*)	-
		82.336.523.394		(8.121.391.011)		11.387.476.240		(7.490.301.769)
		563.619.245.963		(8.121.391.011)		431.296.861.968		(7.490.301.769)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này bởi vì Tập đoàn có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này.

(***) Trước ngày 11 tháng 11 năm 2017 Công ty nắm giữ 15% cổ phần tại Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn nhưng có ảnh hưởng đáng kể đến công ty này vì một thành viên trong Ban Điều hành Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này; tại ngày 11 tháng 11 năm 2017, Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn nên theo đó, Công ty đã phân loại lại khoản đầu tư này từ đầu tư vào công ty liên kết sang khoản đầu tư khác.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	419.909.385.728	397.130.670.931
Đầu tư	86.830.000.000	8.100.000.000
Phân loại sang đầu tư dài hạn khác	(69.261.607.154)	-
Cổ tức nhận được	(23.329.037.647)	(1.800.000.000)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	67.133.981.642	16.478.714.797
Số dư cuối năm	481.282.722.569	419.909.385.728

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	(500.629.886)	(72.195.440.247)
Trích lập dự phòng	(175.958.650)	-
Hoàn nhập	-	260.762.300
Sử dụng dự phòng trong năm	-	71.439.561.606
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	880.517	(5.513.545)
Số dư cuối năm	(675.708.019)	(500.629.886)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	(7.490.301.769)	(4.740.126.948)
Tăng dự phòng trong năm	(104.012.579)	(2.750.174.821)
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	(527.076.663)	-
Số dư cuối năm	(8.121.391.011)	(7.490.301.769)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	380.503.277.233	-	634.956.689.982	-
Nguyên vật liệu	2.439.272.049.098	(2.135.991.214)	2.533.783.474.836	(7.137.697.729)
Công cụ và dụng cụ	26.711.030.133	-	17.581.053.761	-
Sản phẩm dở dang	77.589.988.406	-	54.226.522.481	-
Thành phẩm	1.041.691.837.644	(14.547.884.445)	1.202.995.232.465	(9.535.793.517)
Hàng hóa	41.020.467.002	(2.709.989.802)	90.105.103.241	-
Hàng gửi đi bán	34.513.989.095	(849.796.516)	4.791.796.832	-
	4.041.302.638.611	(20.243.661.977)	4.538.439.873.598	(16.673.491.246)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	(16.673.491.246)	(17.274.104.181)
Tăng dự phòng trong năm	(9.160.484.387)	(20.495.989.783)
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	(16.052.083.010)	-
Hoàn nhập	13.028.757.470	10.690.570.501
Sử dụng dự phòng trong năm	8.613.639.196	10.406.032.217
Số dư cuối năm	(20.243.661.977)	(16.673.491.246)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của các con bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển vào tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi đạt giai đoạn mười sáu tháng, là khi các con bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	865.440.052.609	761.285.112.786
Tăng trong năm	2.437.605.929.161	1.044.519.335.770
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	44.275.267.976	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.505.861.968.991)	(887.220.752.420)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(11.957.912.736)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.954.545.455)	-
Chuyển sang hàng tồn kho	(2.929.898.206)	(1.374.735.454)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(4.439.398.575)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(27.956.225.152)	(28.951.779.818)
Thanh lý	(1.419.928.274)	(3.270.493.241)
Giảm khác	(38.897.739.866)	(19.493.943.201)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(12.664.111)	(52.691.813)
Số dư cuối năm	1.746.890.968.380	865.440.052.609

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn đang thực hiện như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Máy móc thiết bị – Nhà máy Nước Giải Khát	340.171.668.253	-
Dự án trang trại bò sữa Tây Ninh	306.796.059.332	233.475.427.576
Khác	1.099.923.240.795	631.964.625.033
	1.746.890.968.380	865.440.052.609

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Gia súc VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	3.007.241.465.794	9.191.877.230.900	846.918.883.799	517.689.874.335	605.814.584.799	88.196.627.500	14.257.738.667.127
Tăng trong năm	15.337.522.870	170.727.726.652	71.124.919.833	23.014.852.296	115.248.346.800	385.543.000	395.838.911.451
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	191.744.211.362	1.243.092.575.537	49.458.829.345	14.620.939.113	-	6.945.413.634	1.505.861.968.991
Chuyển từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	293.011.609.924	-	293.011.609.924
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	736.946.558.473	2.134.697.881.572	29.692.118.139	632.712.189	-	-	2.901.969.270.373
Phân loại lại	(7.845.473.766)	15.653.375.737	-	(15.031.927.867)	-	(621.447.870)	-
Thanh lý	(7.845.473.766)	(185.328.897.569)	(15.909.758.301)	(3.078.066.918)	(141.918.193.486)	-	(354.080.390.040)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(1.099.317.678)	(80.330.318.414)	(81.429.636.092)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(188.187.379)	(1.061.123.735)	(161.071.644)	(10.421.410)	-	(53.797.082)	(1.474.601.250)
Số dư cuối năm	3.943.236.097.354	12.569.658.769.094	981.123.921.171	537.837.961.738	871.057.030.359	14.522.020.768	18.917.435.800.484
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	741.036.482.817	4.616.175.131.644	380.716.907.457	361.670.334.825	171.989.165.477	69.827.651.963	6.341.415.674.183
Khấu hao trong năm	168.997.474.952	856.654.986.027	85.016.308.745	54.460.696.395	112.639.223.097	457.460.957	1.278.226.150.173
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	332.065.552.294	949.765.946.545	14.383.716.869	462.329.751	-	-	1.296.677.545.459
Phân loại lại	36.372.757	8.690.125.121	-	(8.473.957.511)	-	(252.540.367)	-
Thanh lý	(3.156.988.465)	(133.136.988.354)	(13.699.520.079)	(3.072.379.418)	(66.634.742.988)	-	(219.700.629.304)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(34.107.731)	(68.891.440.397)	(68.925.548.128)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(55.625.143)	(579.121.907)	(82.283.113)	(14.000.315)	-	(42.980.285)	(774.010.763)
Số dư cuối năm	1.238.923.259.212	6.297.570.079.076	466.335.129.879	405.033.023.727	217.959.537.855	1.098.151.871	8.626.919.181.620
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	2.266.204.982.977	4.575.702.099.256	466.201.976.342	156.019.539.510	433.825.419.322	18.368.975.537	7.916.322.992.944
Số dư cuối năm	2.704.312.838.142	6.272.088.690.018	514.788.791.292	132.804.938.011	653.097.492.504	13.423.868.897	10.290.516.618.864

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 2.223.577.746.238 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.666.304.535.994 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 164.967 triệu VND (1/1/2017: 199.863 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh V.16(b)(i)).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	375.681.235.405	132.950.792.308	49.259.000.000	557.891.027.713
Tăng trong năm	-	3.158.228.733	-	3.158.228.733
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	5.868.153.150	-	-	5.868.153.150
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	11.957.912.736	-	11.957.912.736
Giảm khác	(108.924.684.515)	-	-	(108.924.684.515)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(322.514.956)	(2.834.300)	(75.950.000)	(401.299.256)
Số dư cuối năm	272.302.189.084	148.064.099.477	49.183.050.000	469.549.338.561
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	28.721.931.735	91.070.002.209	33.369.000.000	153.160.933.944
Khấu hao trong năm	1.464.348.426	14.750.058.727	-	16.214.407.153
Giảm khác	(18.566.191.677)	-	-	(18.566.191.677)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	(840.842)	(51.450.000)	(52.290.842)
Số dư cuối năm	11.620.088.484	105.819.220.094	33.317.550.000	150.756.858.578
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	346.959.303.670	41.880.790.099	15.890.000.000	404.730.093.769
Số dư cuối năm	260.682.100.600	42.244.879.383	15.865.500.000	318.792.479.983

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 57.672.610.675 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 48.086.488.915 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 224.717 triệu VND (1/1/2017: 225.064 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh V.16(b)(i)).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	82.224.238.170	6.464.218.561	90.989.593.826	179.678.050.557
Mua trong năm	-	-	131.563.636	131.563.636
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	6.954.545.455	6.954.545.455
Thanh lý	(43.339.950.000)	-	(83.371.480)	(43.423.321.480)
Số dư cuối năm	38.884.288.170	6.464.218.561	97.992.331.437	143.340.838.168
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.645.189.674	4.575.569.937	35.483.908.620	42.704.668.231
Khấu hao trong năm	793.556.901	611.364.017	4.024.675.673	5.429.596.591
Thanh lý	-	-	(66.697.182)	(66.697.182)
Số dư cuối năm	3.438.746.575	5.186.933.954	39.441.887.111	48.067.567.640
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	79.579.048.496	1.888.648.624	55.505.685.206	136.973.382.326
Số dư cuối năm	35.445.541.595	1.277.284.607	58.550.444.326	95.273.270.528

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 7.892.173.774 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 7.892.173.774 VND).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí bảo trì hệ thống và triển khai phần mềm trả trước	4.659.874.251	5.166.842.293
Chi phí quảng cáo trả trước	3.141.628.217	5.746.426.437
Chi phí bảo trì máy	1.282.268.280	2.628.565.218
Chi phí thuê hoạt động trả trước	4.400.080.539	7.007.482.846
Chi phí công cụ và dụng cụ trả trước	14.812.192.425	22.178.505.168
Chi phí cải tạo và sửa chữa trả trước	4.166.496.897	2.809.598.781
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19.470.640.504	13.750.933.104
	51.933.181.113	59.288.353.847

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	233.057.352.676	183.921.289.004	42.416.415.349	459.395.057.029
Tăng trong năm	2.502.746.703	143.962.341.959	38.394.417.544	184.859.506.206
Tăng do chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	11.438.878.017	1.065.209.947	12.504.087.964
Tăng do chuyển từ tài sản cố định vô hình	90.358.492.838	-	-	90.358.492.838
Tăng do chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	27.600.305.080	355.920.072	27.956.225.152
Phân bổ trong năm (Giảm)/tăng khác	(8.539.448.097)	(119.819.667.502)	(33.792.484.562)	(162.151.600.161)
Phân loại lại	(86.350.498)	276.831.095	(190.480.597)	-
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(51.480.416)	(7.865.504)	(2.558.021)	(61.903.941)
Số dư cuối năm	317.241.313.206	246.564.406.543	48.329.090.256	612.134.810.005

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2017 VND	31/12/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	327.773.815	-
Chi phí phải trả và dự phòng	30.067.817.400	35.072.880.406
	30.395.591.215	35.072.880.406
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(822.335)	(422.067.654)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	30.394.768.880	34.650.812.752

(b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017 VND	31/12/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Phải thu khách hàng	1.442.785.905	2.354.816.280
Hàng tồn kho	1.332.520.680	1.170.465.209
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	50.205.264.165	45.796.087.384
Chi phí phải trả	6.978.394.845	6.138.857.752
Khác	5.335.318.335	503.308.941
	65.294.283.930	55.963.535.566
Dự phòng định giá	-	(42.225.681.578)
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	65.294.283.930	13.737.853.988
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản cố định	(245.562.341.369)	(103.616.162.711)
Khác	(23.350.049.625)	(147.280.777)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(268.912.390.994)	(103.763.443.488)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(203.618.107.064)	(90.025.589.500)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên chênh lệch tạm thời được khấu trừ và lỗ tính thuế sử dụng mức thuế suất có hiệu lực của Driftwood Dairy Holdings Corporation, Angkor Dairy Products Co., Ltd và Công ty Cổ phần Đường Việt Nam. Các công ty con này được thành lập và hoạt động lần lượt tại Mỹ, Campuchia và Việt Nam.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	1/1/2017 VND	Hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1) VND	Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2017 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(422.067.654)	-	749.019.134	-	326.951.480
Chi phí phải trả và dự phòng	35.072.880.406	-	(5.005.063.006)	-	30.067.817.400
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	34.650.812.752	-	(4.256.043.872)	-	30.394.768.880
Phải thu khách hàng	1.261.870.300	-	182.974.172	(2.058.567)	1.442.785.905
Hàng tồn kho	1.063.222.600	-	271.104.766	(1.806.686)	1.332.520.680
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	55.978.245.400	-	(5.690.183.779)	(82.797.456)	50.205.264.165
Chi phí phải trả	6.550.039.600	-	438.725.255	(10.370.010)	6.978.394.845
Khác	2.122.450.000	-	(20.146.345.354)	9.164.064	(18.014.731.290)
Dự phòng định giá	(50.164.094.400)	-	50.117.687.088	46.407.312	-
Tài sản cố định	(106.837.323.000)	(134.271.628.012)	(4.622.044.017)	168.653.660	(245.562.341.369)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(90.025.589.500)	(134.271.628.012)	20.551.918.131	127.192.317	(203.618.107.064)
	(55.374.776.748)	(134.271.628.012)	16.295.874.259	127.192.317	(173.223.338.184)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Lợi thế thương mại

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	123.983.090.462	142.345.015.058
Tăng trong năm (Thuyết minh V.1)	375.568.405.799	-
Phân bổ trong năm	(24.621.398.026)	(18.361.924.596)
Số dư cuối năm	474.930.098.235	123.983.090.462

15. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp chính**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	811.664.433.728	811.664.433.728	150.053.638.178	150.053.638.178
Các nhà cung cấp khác	3.154.026.689.429	3.154.026.689.429	2.411.856.624.801	2.411.856.624.801
	3.965.691.123.157	3.965.691.123.157	2.561.910.262.979	2.561.910.262.979

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần APIS	40.890.765.724	8.760.950.000

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2017 VND	Tăng thêm VND	Chi trả VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn	1.287.266.200.200	3.976.828.160.105	(5.055.741.996.084)	(147.568.134)	208.204.796.087
Vay dài hạn đến hạn trả	45.400.000.000	128.110.452.002	(113.539.702.002)	(73.500.000)	59.897.250.000
	1.332.666.200.200	4.104.938.612.107	(5.169.281.698.086)	(221.068.134)	268.102.046.087

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	31/12/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		VND	4,90%	-	1.100.000.000.000
The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFI Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	4,90%	-	100.000.000.000
Wells Fargo	(i)	USD	3,94%	108.204.796.087	87.266.200.200
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	(ii)	VND	6,00%	100.000.000.000	-
				208.204.796.087	1.287.266.200.200

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 211.976 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 169.897 triệu VND).

(ii) Khoản vay này không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	1/1/2017 VND	Tăng thêm VND	Chi trả VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn	372.370.398.182	77.304.664.365	(114.296.373.160)	(532.000.000)	334.846.689.387
Vay dài hạn đến hạn trả	(45.400.000.000)	(128.110.452.002)	113.539.702.002	73.500.000	(59.897.250.000)
	326.970.398.182	(50.805.787.637)	(756.671.158)	(458.500.000)	274.949.439.387

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND
Sumitomo Mitsui Banking Corporation	(i)	USD	3,04%	2020	363.200.000.000
Các cá nhân	(ii)	VND	Không	2039	9.170.398.182
					372.370.398.182

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 82.977 triệu VND (1/1/2017: 76.500 triệu VND) và 389.664 triệu VND (1/1/2017: 424.927 triệu VND).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phải nộp VND	Hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1) VND	Đã nộp VND	Chênh lệch quy đối tiền tệ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	60.756.044.852	2.133.651.600.372	-	(2.109.545.036.039)	(4.996.124)	84.857.613.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.771.741.111	1.967.066.705.229	37.047.784.048	(1.933.509.580.614)	4.455.870	245.381.105.644
Thuế thu nhập cá nhân	14.917.198.239	247.122.006.971	15.218.967	(216.478.227.158)	(220.822)	45.575.976.197
Thuế nhập khẩu	1.974.408.062	134.064.164.095	-	(134.726.900.763)	(640.616)	1.311.030.778
Thuế khác	3.090.738.596	41.352.290.980	-	(38.252.708.310)	(1.963.949)	6.188.357.317
	255.510.130.860	4.523.256.767.647	37.063.003.015	(4.432.512.452.884)	(3.365.641)	383.314.082.997

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	809.759.170.326	584.298.882.216
Chi phí quảng cáo	155.863.127.207	170.814.940.905
Chi phí vận chuyển	63.804.058.530	77.412.131.182
Chi phí bảo trì và sửa chữa	26.287.942.358	11.769.500.442
Chi phí nhiên liệu	13.794.033.974	13.959.796.579
Chi phí nhân công thuê ngoài	61.056.856.176	62.494.315.062
Chi phí thuê ụ, kệ trưng bày	4.302.136.374	922.786.364
Chi phí lãi vay	290.197.560.228	21.082.620.101
Chi phí phải trả khác	103.223.060.285	83.219.710.854
	1.528.287.945.458	1.025.974.683.705

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	1.399.249.266	728.779.914
Nhận ký quỹ ngắn hạn	80.343.110.431	71.249.658.216
Vượt chi so với hạn mức tài khoản	41.036.115.977	8.189.608.390
Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính (*)	448.007.419.155	448.007.419.155
Cổ tức phải trả	2.176.917.780.000	4.003.285.748
Thuế nhập khẩu phải nộp	22.482.594.509	42.613.702.494
Khác	13.637.908.646	17.307.504.005
	2.783.824.177.984	592.099.957.922

(*) Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trước là 447.822.000.000 VND từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng trong tương lai một khoản đầu tư của Tập đoàn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh V.5(a)).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	456.785.376.550	405.464.362.576
Trích quỹ trong năm	1.071.655.246.780	924.744.180.232
Sử dụng quỹ trong năm	(835.950.853.769)	(873.423.166.258)
Số dư cuối năm	692.489.769.561	456.785.376.550

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	
	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	95.960.585.167	87.325.705.000
Tăng dự phòng trong năm	6.952.419.190	10.053.842.830
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	1.851.507.401	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.241.083.583)	(1.418.962.663)
Số dư cuối năm	102.523.428.175	95.960.585.167

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	12.006.621.930.000	-	(5.388.109.959)	8.329.599.322	3.291.207.229.973	5.391.795.573.082	231.349.525.167	20.923.915.747.585
Phát hành cổ phiếu	2.507.912.360.000	260.699.620.761	5.388.109.959	-	(2.419.035.050.000)	-	-	354.965.040.720
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.176.335.920)	-	-	-	-	(1.176.335.920)
Mua lại cổ phiếu không kiểm soát	-	-	-	-	-	(62.222.774.839)	(5.922.583.589)	(68.145.358.428)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	9.350.329.130.383	13.500.647.107	9.363.829.777.490
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	924.847.745.615	(924.847.745.615)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(924.744.180.232)	-	(924.744.180.232)
Cổ tức (Thuyết minh V.24)	-	-	-	-	-	(7.238.478.492.000)	(4.003.285.748)	(7.242.481.777.748)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	(2.674.905.869)	-	-	2.461.280.987	(213.624.882)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(1.176.335.920)	5.654.693.453	1.797.019.925.588	5.591.831.510.779	237.385.583.924	22.405.949.288.585
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(5.983.485.880)	-	-	-	-	(5.983.485.880)
Mua lại cổ phiếu không kiểm soát	-	-	-	-	-	(41.762.522.713)	(234.654.964.345)	(276.417.487.058)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.295.665.148.846	(17.490.595.680)	10.278.174.553.166
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.054.885.484.640	(1.054.885.484.640)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.071.655.246.780)	-	(1.071.655.246.780)
Tăng khác do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	-	-	-	-	-	-	513.052.965.331	513.052.965.331
Cổ tức (Thuyết minh V.24)	-	-	-	-	-	(7.982.272.776.030)	(452.720.796)	(7.982.725.496.826)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	12.712.763.680	-	-	(50.040.357)	12.662.723.323
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(7.159.821.800)	18.367.457.133	2.851.905.410.228	5.736.920.629.462	497.790.228.077	23.873.057.813.861

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.451.453.429	14.514.534.290.000	1.451.453.429	14.514.534.290.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.451.453.429	14.514.534.290.000	1.451.453.429	14.514.534.290.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(174.909)	(7.159.821.800)	(27.100)	(1.176.335.920)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.451.278.520	14.507.374.468.200	1.451.426.329	14.513.357.954.080

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần:

	31/12/2017		1/1/2017	
	VND	%	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	5.225.531.960.000	36,00%	5.708.865.960.000	39,33%
Vốn góp của cổ đông khác	9.289.002.330.000	64,00%	8.805.668.330.000	60,67%
	14.514.534.290.000	100,00%	14.514.534.290.000	100,00%

24. Cổ tức

Ngày 15 tháng 4 năm 2017, ngày 24 tháng 7 năm 2017 và ngày 15 tháng 12 năm 2017, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty đã lần lượt quyết định chia cổ tức trên kết quả kinh doanh năm 2016 và 2017 với tổng số tiền là 7.982 tỷ VND (2.000 VND/cổ phiếu cho đợt 2 năm 2016, 2.000 VND/cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 và 1.500 VND/cổ phiếu cho bổ sung tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017) (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 7.238 tỷ VND (2.000 VND/cổ phiếu cho đợt 2 năm 2015 và 4.000 VND/cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016)).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.619.329,09	150.027.087.935	793.766,71	18.018.504.317
EUR	5.372,56	145.075.238	797,30	19.013.213
		150.172.163.173		18.037.517.530

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2017 VND	2016 VND
Trong vòng một năm	30.244.538.695	29.027.143.771
Từ hai đến năm năm	80.477.328.608	64.918.173.271
Trên năm năm	448.114.634.886	315.191.823.980
	558.836.502.189	409.137.141.022

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán

	2017 VND	2016 VND
Đã được duyệt và ký kết hợp đồng	3.485.831.940.766	1.792.241.136.588

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
 Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
Bán thành phẩm	49.526.103.800.509	45.088.795.081.554
Bán hàng hóa	1.446.258.338.101	1.724.189.208.675
Các dịch vụ khác	62.526.876.757	58.757.721.588
Cho thuê bất động sản đầu tư	17.187.652.809	15.348.087.988
Khác	82.823.096.903	77.913.002.020
	51.134.899.765.079	46.965.003.101.825
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	17.388.158.838	648.096.440
Hàng bán bị trả lại	76.435.721.132	123.038.511.216
Giảm giá hàng bán	-	46.977.093.895
	93.823.879.970	170.663.701.551
Doanh thu thuần	51.041.075.885.109	46.794.339.400.274

Trong đó, doanh thu với khách hàng là các bên liên quan như sau:

	2017 VND	2016 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn (đến ngày 11 tháng 11 năm 2017)	3.338.193.979	5.912.758.807
Công ty Cổ phần APIS	724.272.400	445.512.000
Tổng doanh thu với các công ty liên kết	4.062.466.379	6.358.270.807

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 VND	2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
Thành phẩm đã bán	24.916.638.222.738	21.872.624.507.790
Hàng hoá đã bán	1.256.346.586.241	1.418.989.239.429
Thành phẩm khuyến mại	594.166.234.679	1.138.195.464.367
Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư	8.579.497.255	9.386.311.293
Dịch vụ khác	11.151.600.462	9.148.398.155
Tổn thất hàng tồn kho	645.547.529	-
Chi phí hoạt động dưới công suất (Hoàn nhập)/tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.271.650.655 (3.868.273.083)	484.055.679 9.805.419.282
	26.806.931.066.476	24.458.633.395.995

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	742.774.443.564	620.334.192.891
Lãi trái phiếu doanh nghiệp	27.292.691.779	38.593.671.250
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	46.014.816.848	62.198.403.527
Cổ tức	25.820.495	980.729.583
Khác	209.005.849	453.778.012
	816.316.778.535	722.560.775.263

4. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	29.438.568.563	46.499.350.049
Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	3.752.873.000	2.389.947.521
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	53.391.517.007	49.553.805.011
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	279.971.229	2.489.412.521
Khác	174.618.477	1.517.798.469
	87.037.548.276	102.450.313.571

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	167.762.208.469	51.095.907.908
Thu nhập từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	1.202.551.910	2.785.368.565
Bồi thường nhận từ các bên khác	7.585.177.670	4.356.970.526
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	16.782.902.629	100.525.060.680
Thu nhập khác	19.747.745.752	23.558.293.565
	213.080.586.430	182.321.601.244

6. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và bất động sản đầu tư đã thanh lý	177.736.385.034	73.837.614.727
Giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	1.419.928.274	3.270.493.241
Chi phí khác	31.397.076.631	27.877.581.915
	210.553.389.939	104.985.689.883

7. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	622.545.208.483	585.790.673.617
Chi phí nguyên vật liệu	51.352.255.139	37.395.046.161
Chi phí công cụ, dụng cụ	133.205.268.966	109.854.577.568
Chi phí khấu hao	42.122.483.249	38.765.880.497
Chi phí bảo hành	41.497.531.083	37.765.793.197
Chi phí vận chuyển hàng	589.183.894.539	599.832.336.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.945.241.788	327.632.222.918
Chi phí quảng cáo, nghiên cứu thị trường	1.990.534.713.776	2.074.503.973.229
Chi phí dịch vụ khuyến mại, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ bán hàng	7.673.146.974.776	6.947.212.488.627
	11.536.533.571.799	10.758.752.992.255

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	627.079.060.927	373.210.670.759
Chi phí vật liệu quản lý	24.434.850.707	13.243.885.262
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.731.423.006	15.927.230.346
Chi phí khấu hao	83.657.032.630	87.997.049.942
Thuế, phí và lệ phí	14.834.558.600	19.815.382.621
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc	12.800.288.542	12.533.717.997
Chi phí vận chuyển	35.446.080.045	42.113.499.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.962.504.815	279.820.861.164
Chi phí nhập hàng	17.619.203.907	22.111.996.989
Công tác phí	53.553.837.915	47.244.388.376
Chi phí dịch vụ ngân hàng	11.023.101.136	10.354.479.579
Chi phí khác	122.464.328.860	128.878.366.336
	1.267.606.271.090	1.053.251.528.978

9. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	21.119.545.561.711	18.628.772.456.134
Chi phí nhân công	2.321.877.650.601	1.996.826.287.370
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.288.433.647.949	1.190.109.115.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.230.092.134.374	2.092.594.477.113
Chi phí khác	10.884.691.278.695	10.746.432.440.371

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.967.746.432.342	1.878.787.864.681
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(679.727.113)	4.479.554.163
	1.967.066.705.229	1.883.267.418.844
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(16.295.874.259)	(9.470.625.438)
Chi phí thuế thu nhập	1.950.770.830.970	1.873.796.793.406

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.228.945.384.136	11.237.626.570.896
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.445.789.076.827	2.247.525.314.179
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các công ty con, các chi nhánh và nhà máy của Công ty	(26.624.013.176)	(45.822.933.682)
Thu nhập không bị tính thuế	(5.164.099)	(16.024.352.262)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.857.771.039	9.321.355.251
Ưu đãi thuế	(405.743.299.786)	(339.788.398.372)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (trước đây chưa được ghi nhận)/chưa được ghi nhận	(68.823.812.722)	14.106.254.129
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(679.727.113)	4.479.554.163
	1.950.770.830.970	1.873.796.793.406

(c) Thuế suất áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập theo các mức thuế suất khác nhau từ 10% đến 40% tính trên thu nhập chịu thuế tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh chính của các nhà máy. Công ty và tất cả công ty con đã phát sinh chi phí thuế thu nhập.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm – thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	10.295.665.148.846	9.350.329.130.383
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1.071.655.246.780)	(924.744.180.232)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	9.224.009.902.066	8.425.584.950.151

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017 Số cổ phiếu	2016 Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	1.451.426.329	1.200.139.398
Ảnh hưởng của số cổ phiếu ESOP	-	4.813.253
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	-	240.025.825
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(76.336)	(1.978)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	1.451.349.993	1.444.976.498

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	2017 VND	2016 VND
Miraka Limited	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	24.586.164.960
Công ty Cổ phần APIS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	129.049.535.690	21.767.504.800
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	724.272.400	445.512.000
		Góp vốn	-	8.100.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Công ty liên kết	Mua cổ phần	86.830.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Thù lao	123.523.671.767	91.004.863.749

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HH
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Báo cáo bộ phận


Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.


Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Nước ngoài"). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí tài sản và sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam.

	Trong nước (Khách hàng tại Việt Nam)		Nước ngoài (Khách hàng ở các nước khác Việt Nam)		Tổng	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Doanh thu thuần	43.572.091.099.815	38.098.772.683.879	7.468.984.785.294	8.695.566.716.395	51.041.075.885.109	46.794.339.400.274
Giá vốn hàng bán	(22.916.806.416.790)	(20.065.856.588.756)	(3.890.124.649.686)	(4.392.776.807.239)	(26.806.931.066.476)	(24.458.633.395.995)
Lợi nhuận theo bộ phận	20.655.284.683.025	18.032.916.095.123	3.578.860.135.608	4.302.789.909.156	24.234.144.818.633	22.335.706.004.279

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Người lập:

 Lê Thanh Liêm
 Giám đốc Điều hành Tài chính
 kiêm Kế toán trưởng

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (THEO IFRS)



Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo IFRS tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	31/12/2017 Triệu VND	1/1/2017 Triệu VND
TÀI SẢN		
Tài sản ngắn hạn	19.846.703	18.223.067
Tiền và các khoản tương đương tiền	963.336	655.423
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.119.259	10.011.117
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.761.326	3.042.889
Hàng tồn kho	4.002.327	4.513.006
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	455	632
Tài sản dài hạn	14.653.294	11.358.555
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	190.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	344.609	248.193
Chi phí đất trả trước	317.241	233.057
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	74.215	3.897
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	11.593.162	8.557.112
Tài sản sinh học	857.568	570.257
Tài sản cố định vô hình	588.749	319.539
Bất động sản đầu tư	95.273	136.973
Đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	481.283	419.910
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.399	34.651
Tài sản dài hạn khác	272.795	644.966
TỔNG TÀI SẢN	34.499.997	29.581.622

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo IFRS tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

	31/12/2017 Triệu VND	1/1/2017 Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
NỢ PHẢI TRẢ	10.325.709	6.492.634
Nợ ngắn hạn	9.749.285	6.009.675
Vay ngắn hạn	268.102	1.332.666
Phải trả người bán và phải trả khác	8.737.687	4.385.547
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	245.381	174.772
Thuế phải nộp khác	137.933	80.738
Người mua trả tiền trước	360.182	35.952
Nợ dài hạn	576.424	482.959
Phải trả người bán và phải trả khác	17.607	2.252
Vay dài hạn	274.949	326.970
Phúc lợi nhân viên	80.250	63.711
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	203.618	90.026
VỐN CHỦ SỞ HỮU	24.174.288	23.088.988
Vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty	23.676.498	22.851.602
Vốn cổ phần	14.514.534	14.514.534
Thặng dư vốn cổ phần	2.130.987	2.096.620
Cổ phiếu quỹ	(7.160)	(1.176)
Chênh lệch giá trị hợp lý	(8.270)	(6.393)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	18.367	5.655
Các quỹ khác	2.851.905	1.797.020
Lợi nhuận chưa phân phối	4.176.135	4.445.342
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	497.790	237.386
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	34.499.997	29.581.622

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo IFRS cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
I. Báo cáo lãi lỗ		
Doanh thu	45.039.169	41.315.152
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(27.494.175)	(25.009.022)
Lợi nhuận gộp	17.544.994	16.306.130
Thu nhập khác	44.142	74.623
Chi phí bán hàng	(5.933.637)	(5.621.158)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.665.644)	(1.267.857)
Lỗ khác – thuần	(48.931)	(81.330)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.940.924	9.410.408
Doanh thu hoạt động tài chính	770.067	658.928
Chi phí tài chính	(34.734)	(78.506)
Thu nhập tài chính thuần	735.333	580.422
Lợi nhuận được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	67.134	16.479
Lợi nhuận trước thuế	10.743.391	10.007.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.951.168)	(1.858.564)
Lợi nhuận thuần từ các hoạt động còn tiếp tục	8.792.223	8.148.745
Lỗ thuần từ các hoạt động đã dừng (sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp)	-	-
Lợi nhuận thuần	8.792.223	8.148.745

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo IFRS cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
II. Các nhóm thu nhập khác		
Các khoản mục có thể được chuyển vào báo cáo lãi lỗ		
Thay đổi trong giá trị hợp lý của tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(1.877)	53.711
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	12.662	(225)
Tổng các nhóm thu nhập	8.803.008	8.202.231
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:		
Cổ đông Công ty	8.809.714	8.135.244
Cổ đông không kiểm soát	(17.491)	13.501
Lợi nhuận thuần	8.792.223	8.148.745
Tổng các nhóm thu nhập phân bổ cho:		
Cổ đông Công ty	8.820.549	8.186.269
Cổ đông không kiểm soát	(17.541)	15.962
Tổng thu nhập	8.803.008	8.202.231
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	6.070	5.630
Lãi cơ bản trên cổ phiếu từ hoạt động kinh doanh còn tiếp tục (bằng VND)	6.070	5.630

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo IFRS cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	10.743.391	10.007.309
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao và phân bổ	1.308.495	1.198.289
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.716	(1.319)
Lỗ từ thanh lý nhà xưởng, máy móc, thiết bị và tài sản sinh học	10.191	23.314
Chi phí lãi vay	29.439	46.499
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	(770.093)	(659.909)
Lợi nhuận được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(67.134)	(16.479)
Lỗ từ hoạt động đầu tư khác	18.362	18.362
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cổ phiếu cho người lao động ("ESOP")	406.538	292.928
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	11.682.905	10.908.994
Biến động các khoản phải thu	(1.565.788)	(107)
Biến động hàng tồn kho	671.796	(982.106)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	1.085.822	331.892
	11.874.735	10.258.673
Tiền lãi vay đã trả	(65.131)	(34.203)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.933.510)	(1.771.243)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	9.876.094	8.453.227

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo IFRS cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

	2017 Triệu VND	2016 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua nhà xưởng, máy móc và thiết bị	(2.468.504)	(1.140.273)
Tiền chi mua tài sản cố định vô hình	(3.158)	(1.340)
Tiền chi mua tài sản sinh học	(476.298)	(48.396)
Tiền chi thuê đất trả trước	(2.503)	(14.781)
Tiền chi mua bất động sản đầu tư	(132)	-
Tiền thu từ thanh lý nhà xưởng, máy móc và thiết bị	68.761	18.886
Tiền thu từ thanh lý tài sản sinh học	53.385	31.441
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(86.830)	(8.100)
Tiền chi cho vay	-	(1.672)
Tiền thu hồi cho vay	1.872	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	23.329	1.800
Tiền thu hồi từ việc bán công cụ nợ của đơn vị khác	300.000	-
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	(218.249)	(1.448.668)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	754.254	601.870
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	8.587	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.045.486)	(2.009.233)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	354.965
Tiền chi mua thêm lợi ích trong một công ty con từ cổ đông không kiểm soát	(276.418)	(68.145)
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	(5.984)	(1.176)
Tiền thu từ đi vay	2.777.050	4.071.885
Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.224.187)	(4.260.047)
Tiền chi trả cổ tức	(5.805.808)	(7.238.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(7.535.347)	(7.140.996)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	295.261	(697.002)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	655.423	1.358.683
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	(708)	(36)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	13.360	(6.222)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	963.336	655.423

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Công ty	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Vinamilk	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
TBCL	Tiểu ban Chiến lược
TBKT	Tiểu ban Kiểm toán
TBLT	Tiểu ban Lương thưởng
TBNS	Tiểu ban Nhân sự
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTNB	Kiểm toán nội bộ
BS TNTH	Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa
BSVN	Bò sữa Việt Nam
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á–Thái Bình Dương
CAGR	Tăng trưởng kép bình quân
CBTT	Công bố thông tin
CTCP	Công ty Cổ phần
ESOP	Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
GRI	Global Reporting Initiative / Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
IR	Quan hệ nhà đầu tư
M&A	Mua bán & sáp nhập
MTV	Một thành viên
ODA	Viện trợ phát triển chính thức
PTBV	Phát triển Bền vững
QLRR	Quản lý Rủi ro
R&D	Nghiên cứu và Phát triển
ROA	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản
ROE	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu
SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
SDGs	Mục tiêu phát triển bền vững
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành Phố Hồ Chí Minh
TSCĐ	Tài sản cố định
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VAS	Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRỤ SỞ

10 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Tel: (+84 8) 54 155 555 • Fax: (+84 8) 54 161 226

Email: vinamilk@vinamilk.com.vn

www.vinamilk.com.vn

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội

Tel: (+84 4) 37 246 019

Fax: (+84 4) 37 246 005

CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

Tầng 7, tòa nhà Bưu điện, 271 Nguyễn Văn Linh, P.Vĩnh Trung, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng

Tel: (+84 511) 3 584 848

Fax: (+84 511) 3 897 223

CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

Tầng 4-5-6 số 77-77B Võ Văn Tấn, P.Tân An, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

Tel: (+84 710) 6 256 555

Fax: (+84 710) 6 255 969

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Lô 46, KCN Trà Nóc I, P.Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ

Tel: (+84 710) 6 258 555

Fax: (+84 710) 6 255 998

NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel: (+84 8) 62 527 555

Fax: (+84 8) 38 966 884

NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel: (+84 8) 625 29 555

Fax: (+84 8) 62 88 57 27

NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1, KCN Tân Thới Hiệp, Hương Lộ 80, P.Hiệp Thành, Q.12, TP.HCM

Tel: (+84 8) 62 528 555

Fax: (+84 8) 37 176 353

NHÀ MÁY SỮA DIELAC

KCN Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

Tel: (+84 61) 6 256 555

Fax: (+84 61) 3 836 015

NHÀ MÁY SỮA BỘT VIỆT NAM

Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore 1, P.Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Bình Dương

Tel: (+84 65) 37 99 628

Fax: (+84 65) 37 99 625

NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM

Lô A4,5,6,7CN, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, P.Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Bình Dương

Tel: (+84 65) 3 55 99 88

Fax: (+84 65) 3 55 99 89

NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VN

Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, P.Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Bình Dương

Tel: (+84 650) 3 55 68 39

Fax: (+84 650) 3 55 68 90

NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, P.Hòa Khánh Bắc, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Tel: (+84 0511) 62 59 777

Fax: (+84 0511) 62 59 555

NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP.Quy Nhơn, Bình Định

Tel: (+84 56) 6 253 555

Fax: (+84 56) 3 746 065

NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, P.Nghi Thu, Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An

Tel: (+84 38) 6 259 555

Fax: (+84 38) 3 824 717

NHÀ MÁY SỮA TIÊN SƠN

KCN Tiên Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Bắc Ninh

Tel: (+84 241) 3 739 568

Fax: (+84 241) 3 714 814

NHÀ MÁY SỮA LAM SƠN

KCN Lễ Môn, TP.Thanh Hóa, Thanh Hóa

Tel: (+84 237) 3 912 540

Fax: (+84 237) 3 912 541

XÍ NGHIỆP KHO VẬN HCM

32 Đặng Văn Bi, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Tel: (+84 8) 62 526 555

Fax: (+84 8) 38 960 804

XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI

Km 10, Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội

Tel: (+84 4) 38 789 489

Fax: (+84 4) 38 276 966

PHÒNG KHÁM AN KHANG

184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3, TP.HCM

Tel: (+84 8) 3930 2785 /2153

Fax: (+84 8) 39302641

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÁI LAN

Tầng 20 Tòa nhà AIA Capital Center, 89 Ratchadapisek, Kwaeng Dindaeng, Khet Dindaeng, Bangkok 1040

Tel: +66 0 201 81 348

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Tel: (+84 8) 54 155 555

Fax: (+84 8) 54 161 224

CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA

Khu phố 1, Thị trấn Nông trường Thống Nhất, Huyện Yên Định, Thanh Hóa

Tel: (+84 37) 35 14 020

Fax: (+84 37) 35 99 008

DRIFTWOOD DAIRY HOLDING CORPORATION

10724 E. Lower Azusa Road, El Monte, California 91731-1390, United States

Tel: (+626) 444 9591

www.driftwooddairy.com

ANGKOR DAIRY PRODUCTS CO., LTD

Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan PoSenChey, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

Tel: (+855) 24683 9999

www.angkormilk.com.kh

CÔNG TY TNHH VINAMILK CHÂU ÂU

Gwiazdzista 7a/4, 01-065 Warszawa, Ba Lan

Tel: (+48) 22 118 59 76

Fax: (+48) 22 416 48 29

<http://vinamilk.pl>

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỪA Á CHÂU

Lô EI-2, EI-3, EI-4, KCN Giao Long, Giai Đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Bến Tre

Tel: (+84 75) 3 656 999

Fax: (+84 75) 3 626 999

www.acp.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN APIS

Số 18A VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam

CÔNG TY TNHH MIRAKA

108 Tuwharetoa St, Taupo, New Zealand, PO Box 740, Taupo 3351, New Zealand

Tel: +64 7 376 0075

Fax: +64 7 377 0694

www.miraka.co.nz







VINAMILK

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

T: (84. 8) 54 155 555

F: (84. 8) 54 161 226

E: vinamilk@vinamilk.com.vn

www.vinamilk.com.vn